

TỜ TRÌNH
Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2015

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Năm 2015, trong bối cảnh kinh tế của cả nước nói chung, Thành phố nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; trên địa bàn Thành phố, tăng trưởng xuất khẩu thấp, thị trường bất động sản phục hồi nhưng chậm, tình hình thiên tai, dịch bệnh tiềm ẩn nguy cơ phức tạp, diễn biến khó lường...; quán triệt chỉ đạo của Chính phủ, thực hiện các Nghị quyết của Thành ủy, HĐND Thành phố, với quyết tâm phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị và nỗ lực của các cấp ủy, chính quyền địa phương và các ngành, sự đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân, Thành phố đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế xã hội, tạo sự ổn định và phát triển nguồn thu ngân sách, đảm bảo nguồn lực theo dự toán để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê chuẩn Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2015, cụ thể như sau:

A. QUYẾT TOÁN THU, CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NĂM 2015:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015:

I.1. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN:

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 225.527.627.511.494 đồng¹. Nếu không tính số thu cổ tức và lợi nhuận còn lại của doanh nghiệp Nhà nước là 60.968.131.580.382 đồng thì tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 164.559.495.931.112 đồng, đạt 116,14% dự toán giao, tăng 26,03% so với năm 2014. Trong đó:

¹ Căn cứ các chỉ tiêu thu NSNN trên địa bàn được UBND Thành phố giao tại Quyết định số 7499/QĐ-UBND, so với số liệu thu NSNN trên địa bàn trong Biên bản xác nhận số liệu giữa Kho bạc Nhà nước Hà Nội - Sở Tài chính, số quyết toán thu NSNN trên địa bàn trong Báo cáo quyết toán không bao gồm các khoản thu ngoài cân đối dự toán đầu năm: Thu xổ số kiến thiết: 158.899.031.413 đồng; thu kết dư: 5.112.771.951.032 đồng; thu chuyển nguồn: 16.784.879.123.690 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 26.293.336.565.195 đồng; thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 114.686.650.538 đồng, thu huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3 điều 8 Luật ngân sách nhà nước: 4.150.000.000.000 đồng và ghi thu-ghi chi.

1. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 15.680.501.955.762 đồng, đạt 123,66% so với dự toán, tăng 23,13% so với năm 2014; trong đó: thu từ thuế xuất nhập khẩu và tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu là 5.701.532.460.095 đồng, đạt 168,68% dự toán, tăng 48,07% so với cùng kỳ; thu thuế GTGT hàng nhập khẩu là 9.871.622.508.204 đồng, đạt 106,15% dự toán, tăng 11,67% so với cùng kỳ.

2. Thu từ dầu thô: 3.750.200.380.383 đồng, đạt 93,76% dự toán giao, bằng 43,79% so với năm 2014. Thu dầu thô không đạt dự toán và đạt tỷ lệ thấp so với cùng kỳ do giá dầu thô trên thị trường thế giới trong năm 2015 giảm mạnh so với năm trước.

3. Thu nội địa (không kể số thu cổ tức, lợi nhuận còn lại của doanh nghiệp Nhà nước): 145.128.793.594.967 đồng, đạt 116,09% dự toán giao, tăng 32,81% so với năm 2014.

Trong năm 2015, có 13/15 khoản thu hoàn thành và tăng so với dự toán; 2/15 khoản thu không đạt dự toán. Cụ thể một số khoản thu lớn như sau:

- Thu từ kinh tế quốc doanh: 46.565.174.934.245 đồng, đạt 93,32% dự toán và tăng 20,35% so với năm 2014. Số thu giảm so với dự toán giao chủ yếu do giá dầu thô giảm, ảnh hưởng đến nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ Tập đoàn Dầu khí², cùng với việc thực hiện chính sách không khống chế chi phí quảng cáo trong cơ cấu giá thành sản phẩm của doanh nghiệp và giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, dẫn đến nguồn thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp từ các doanh nghiệp nhà nước đạt thấp hơn dự kiến; bên cạnh đó còn một số nguyên nhân do chính sách thuế mới được ban hành hoặc một số doanh nghiệp lớn đầu tư mở rộng sản xuất cũng dẫn đến số thu giảm so với dự kiến³.

Mặc dù giảm so với dự toán đầu năm nhưng số thu từ kinh tế quốc doanh vẫn tăng so với cùng kỳ do tháng 12/2015, UBND Thành phố đã chỉ đạo Cục Thuế thành phố Hà Nội tập trung đôn đốc một số đơn vị có nguồn thu lớn nộp cả năm 2015 nên không phát sinh thuế phải nộp vào tháng 1/2016⁴.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 17.614.048.487.706 đồng, đạt 87,63% dự toán và tăng 7,38% so với năm 2014; nguyên nhân số thu không đạt dự toán là do trong năm 2015, giá dầu thô và khí thiên nhiên giảm mạnh so với năm 2014 nên khoản thu về khí thiên nhiên đạt thấp hơn dự kiến (dự toán giao 4.000 tỷ đồng, số thực hiện chỉ đạt 1.134 tỷ đồng).

- Thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh: 22.756.238.889.168 đồng, đạt 130,04% dự toán và tăng 20,69% so với năm 2014. Số thu tăng so với dự toán đầu năm và cùng kỳ do tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu vực duy trì được đà phục hồi, từng bước

² Tập đoàn dầu khí Việt Nam: 1.100 tỷ đồng.

³ Công Ty TNHH Thương Mại FPT: 17 tỷ đồng; Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Trảng Thi: 19 tỷ đồng; Công ty cổ phần DAEHA: 12 tỷ đồng; Ngân hàng Hàng Hải: 50 tỷ đồng; Đài truyền hình Việt Nam tăng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các địa phương và đầu tư cho các chương trình truyền hình: 180 tỷ đồng

⁴ Tập đoàn Viettel: 3.000 tỷ đồng; Ngân hàng công thương: 220 tỷ đồng; Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam: 300 tỷ đồng; Ngân hàng BIDV: 358 tỷ đồng; Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT: 350 tỷ đồng; Tập đoàn Bưu chính Viễn thông: 100 tỷ đồng.

có tăng trưởng; bên cạnh đó, do chính sách thuế mới được ban hành (Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định về thuế) nên phát sinh thêm khoản thu thuế so với năm trước; đồng thời, một số khoản thu phát sinh đột biến trong năm cũng ảnh hưởng tới kết quả thu ngân sách nhà nước năm 2015⁵.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 12.623.795.225.080 đồng, đạt 106,98% dự toán, tăng 18,76% so với năm 2014. Số thu tăng chủ yếu do chính sách về thuế thu nhập cá nhân mới ban hành thay đổi phương pháp tính thuế (Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính); đồng thời, thị trường bất động sản có dấu hiệu phục hồi, số lượng giao dịch bất động sản tăng so với cùng kỳ đã tác động đến số thu ngân sách nhà nước.

- Thu tiền sử dụng đất thực hiện: 13.730.964.401.573 đồng, đạt 124,83% dự toán, tăng 64,28% so với năm 2014 (không kể số ghi thu, ghi chi các dự án BT và số ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất tái định cư hoàn trả vốn ứng của Quỹ Phát triển đất Thành phố; số thu tiền sử dụng đất năm 2015 đạt 173,26% so với dự toán, tăng 64,89% so với năm 2014). Số thu tiền sử dụng đất tăng do thị trường bất động sản đang dần phục hồi; các dự án được gia hạn tiền sử dụng đất theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ thực hiện nộp ngân sách khi đến hạn; đồng thời, phát sinh hạch toán trong năm 2015 một số khoản thu tiền sử dụng đất năm 2014 chưa được hạch toán do thiếu thông tin của người nộp thuế (số thu là 1.248 tỷ đồng).

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 369.652.270.227 đồng, đạt 112,02% dự toán, tăng 3,27% so với năm 2014.

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 2.930.823.492.783 đồng, đạt 172,40% dự toán, tăng 44,27% so với năm 2014. Số thu tăng chủ yếu do thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước⁶; đồng thời, Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp chặt chẽ trong công tác đơn đốc thu, xử lý các vướng mắc về hồ sơ cho thuê đất, tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu của nhà nước (không tính số ghi thu, ghi chi tiền thu bán nhà tái định cư hoàn trả vốn ứng của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố và Quỹ Phát triển đất Thành phố⁷) là 227.205.127.752 đồng, đạt 252,45% dự toán, tăng 74,48% so với năm 2014. Năm 2015, một số vướng mắc trong năm 2014 về quy trình, thủ tục, hồ sơ bán nhà theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BXD hướng dẫn Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (thay thế Nghị

⁵ Ngân hàng VIB: 99 tỷ đồng, Công ty Tuấn Đức: 127 tỷ đồng, Công ty Diana: 82 tỷ đồng.

⁶ Thu phần nộp bổ sung khi quyết toán đối với giai đoạn trước 01/7/2014 (theo quy định tại Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ) quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; đồng thời trong năm 2015, các đơn vị không được giảm 50% tiền thuê đất như năm 2014, cùng với việc xác định đơn giá theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đã làm tăng số thu nộp so với năm 2014.

⁷ Theo quy định tại Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND ngày 08/7/2013 của UBND Thành phố về quy trình thu, nộp và quản lý nguồn thu tiền bán nhà ở tái định cư trên địa bàn Thành phố.

định số 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ) đã được Trung ương hướng dẫn bổ sung; tạo điều kiện để giải quyết các hồ sơ mua nhà còn tồn do vướng mắc về cơ chế từ năm 2014 chuyển sang và các hồ sơ mới phát sinh năm 2015, làm tăng nguồn thu tiền bán nhà so với dự toán giao đầu năm và số thu cùng kỳ.

- Thu thuế bảo vệ môi trường 3.297.211.392.135 đồng, đạt 206,08% dự toán, tăng 130,18% so với năm 2014 (do tăng thuế bảo vệ môi trường đối với mặt hàng xăng, dầu từ ngày 01/5/2015 theo Nghị quyết số 888a/2015/UBTVQH13 ngày 10/3/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)⁸.

- Thu lệ phí trước bạ 5.449.632.041.701 đồng, đạt 160,28% dự toán, tăng 41,14% so với năm 2014 do số lượng xe ô tô đăng ký và số giao dịch bất động sản thành công tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

- Thu phí, lệ phí 10.360.345.640.257 đồng, đạt 195,48% dự toán, tăng 154,71% so cùng kỳ do phát sinh ghi thu của Bộ Tài chính cho thành phố Hà Nội đối với khoản thu phí lãnh sự Bộ Ngoại giao trong năm 2015 là 5.500 tỷ đồng.

- Thu khác ngân sách: 8.020.517.945.518 đồng; trong đó: ngân sách Trung ương là 7.136.372.896.165 đồng; ngân sách địa phương là 884.145.049.353 đồng, đạt 128,14% dự toán, bằng 86,91% so với năm 2014 (thu khác ngân sách là các khoản thu bất thường, không xác định được cụ thể ngay từ khâu lập dự toán).

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

I.2. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:

Quyết toán thu ngân sách địa phương năm 2015 là 94.552.430.151.648 đồng, trong đó:

- Thu cân đối sau điều tiết từ thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất và các khoản khác theo phân cấp: 64.127.598.762.143 đồng, đạt 113,92% dự toán.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương (bổ sung có mục tiêu): 4.377.180.314.783 đồng (trong đó, bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước 2.404.867.300.000 đồng, bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước 1.972.313.014.783 đồng).

- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2014 sang ngân sách năm 2015: 16.784.879.123.690 đồng (trong đó: ngân sách Thành phố là 10.454.128.219.451 đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã là 6.330.750.904.239 đồng).

- Thu kết dư ngân sách năm 2014: 5.112.771.951.032 đồng (trong đó: ngân sách Thành phố là 501.996.506.281 đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã là 4.610.775.444.751 đồng).

I.3. ĐÁNH GIÁ VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015:

Về công tác chỉ đạo, điều hành của UBND Thành phố: Xác định được những khó khăn về thu ngân sách Nhà nước, ngay từ đầu năm, UBND Thành

⁸ Xăng (trừ etanol): tăng từ 1.000 đồng/lít lên 3.000 đồng/lít; Nhiên liệu bay: tăng từ 1.000 đồng/lít lên 3.000 đồng/lít; Dầu diesel: tăng từ 500 đồng/lít lên 1.500 đồng/lít; Dầu mazut, dầu nhòn: tăng từ 300 đồng/lít lên 900 đồng/lít; Mỡ nhòn: tăng từ 300 đồng/kg lên 900 đồng/kg.

phố đã chỉ đạo ngành Thuế, Hải quan phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành Thành phố và các cơ quan chuyên môn của Bộ Tài chính thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về thu ngân sách Nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố theo Nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND Thành phố; Đồng thời, HĐND và các Ban của HĐND Thành phố tăng cường công tác giám sát quá trình triển khai đã ảnh hưởng tích cực đến kết quả thu ngân sách Nhà nước.

Các cấp, các ngành của Thành phố đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Thuế, Hải quan thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp quản lý thu, tập trung rà soát các đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, thu khác vào ngân sách nhà nước; đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật; Thường xuyên rà soát thông tin người nộp thuế, đảm bảo thông tin doanh nghiệp được cập nhật thường xuyên⁹; triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách, chuyển giá, trốn thuế; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục đẩy mạnh các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, hiện đại hóa ngành thuế, hải quan, nâng cao chất lượng công tác kê khai thuế qua mạng Internet, nộp thuế điện tử, thông quan điện tử¹⁰, đảm bảo công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng nộp thuế (nhất là về thời gian) khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế¹¹; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra phòng chống gian lận thương mại, gian lận về giá, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi gian lận, trốn thuế, đặc biệt là hành vi mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp chống thất thu ngân sách. Bên cạnh đó, Thành phố quyết liệt chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn như: gia hạn tiền sử dụng đất¹²; hỗ trợ lãi suất¹³. Tập trung hoàn thành kế hoạch sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Thành phố giai đoạn 2012-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồng thời thành lập các tổ công tác của Thành phố gặp gỡ, tiếp xúc với các doanh nghiệp để giải quyết kịp thời khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và tăng thêm nguồn thu cho ngân sách.

Bên cạnh công tác quản lý thu, ngành Thuế, Hải quan đã tích cực triển khai thực hiện việc phân loại và phân tích nguyên nhân nợ đến từng doanh nghiệp để có biện pháp xử lý phù hợp, kịp thời; theo dõi, kịp thời thu các khoản thuế khi đến

⁹ Trong năm 2015, đã cấp 48.175 mã số thuế cho các tổ chức, doanh nghiệp đăng ký hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội (trong đó 20.325 mã số thuế cho các tổ chức, doanh nghiệp và 27.850 mã số thuế cho hộ cá thể).

¹⁰ Tính đến 31/12/2015 đã có 113.486 doanh nghiệp khai thuế qua mạng Internet, đạt 96,9% số doanh nghiệp đang hoạt động, vượt chỉ tiêu, thời hạn Chính phủ giao, chiếm 24% tổng số doanh nghiệp nộp hồ sơ khai thuế qua mạng của cả nước và có 103.182 doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử, đạt 94,2% số doanh nghiệp đang hoạt động, chiếm 26% số doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử của cả nước.

¹¹ Đến nay, số giờ tuân thủ về thuế chỉ còn 117 giờ, vượt mục tiêu mà Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ đã đề ra là dưới 121,5 giờ.

¹² Trong năm 2015 đã quyết định gia hạn tiền sử dụng đất cho 27 dự án với số tiền gia hạn 5.014 tỷ đồng, giảm tiền thuế đất cho 425 hồ sơ với số tiền giảm là 876,5 tỷ đồng.

¹³ Trong năm 2015 đã thực hiện hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp với số tiền 35,3 tỷ đồng (trong đó hỗ trợ lãi suất sau đầu tư 10,9 tỷ đồng cho 12 doanh nghiệp và hỗ trợ lãi suất vốn vay sản xuất kinh doanh 24,4 tỷ đồng cho 14 doanh nghiệp).

hạn; tăng cường áp dụng các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo quy định của pháp luật¹⁴ nên công tác thu hồi nợ đọng có chuyển biến tích cực, góp phần giảm nợ đọng thuế và hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn¹⁵.

Mặc dù có sự chỉ đạo quyết liệt của UBND Thành phố, sự cố gắng của ngành Thuế, Hải quan và các cấp, các ngành, song năm 2015, thu ngân sách tuy đạt tỷ lệ khá so với cùng kỳ năm trước, nhưng một số khoản thu còn chưa đạt dự toán (Thu từ kinh tế quốc doanh, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), nguyên nhân chính là do chịu ảnh hưởng lớn của thị trường quốc tế (giá dầu thô và khí thiên nhiên giảm, hoạt động xuất nhập khẩu,...) và một phần là do chính sách không khống chế chi phí quảng cáo trong cơ cấu giá thành sản phẩm, giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thực hiện lộ trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Mặc dù ngành thuế đã tăng cường áp dụng các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo quy định của pháp luật và quy trình quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ nhưng do tình hình tài chính của doanh nghiệp còn gặp khó khăn, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản nên số nợ thuế, phí và các khoản liên quan đến nghĩa vụ tài chính về đất còn lớn¹⁶. Ngoài ra, ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận người nộp thuế chưa cao, số đông dân cư chưa có thói quen thanh toán không dùng tiền mặt. Bên cạnh đó, “độ mở” của nền kinh tế lớn, quá trình hội nhập ngày càng sâu, nhiều nghiệp vụ kinh tế phức tạp mới phát sinh gây khó khăn cho việc xây dựng cơ chế, chính sách thuế, công tác quản lý thuế cũng như phát sinh nhiều vướng mắc cho cả người nộp thuế và cơ quan thuế trong quá trình thực thi pháp luật thuế; những tồn tại, hạn chế này cần tiếp tục được các ngành, các cấp quan tâm khắc phục trong thời gian tới.

Kết thúc năm 2015, kết quả thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không tính số thu cổ tức và lợi nhuận còn lại của doanh nghiệp Nhà nước) đạt 116,14% dự toán giao thể hiện sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành và tập trung tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp trên địa bàn Thành phố.

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015:

II.1. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015:

Quán triệt chỉ đạo của Chính phủ và Nghị quyết HĐND Thành phố về quản lý điều hành tài chính ngân sách năm 2015, Thành phố đã chủ động ban hành các quyết định, kế hoạch kịp thời để điều hành linh hoạt triển khai các nhiệm vụ.

¹⁴ Đến hết tháng 12/2015, đã công khai danh sách 627 đơn vị nợ đọng thuế lớn trên các phương tiện truyền thông, sau khi công khai các đơn vị nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 1.617 tỷ đồng.

¹⁵ Kết quả thu nợ: Tính đến 31/12/2015 cơ quan thuế đã thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ và đã thu được 9.758 tỷ đồng tiền thuế nợ tại thời điểm 31/12/2014 chuyển sang năm 2015, đạt tỷ lệ 61% trong đó: thu bằng biện pháp quản lý nợ là 8.684 tỷ đồng, bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế là 1.074 tỷ đồng

¹⁶ Tổng số nợ thuế có khả năng thu đến 31/12/2015: 21.678 tỷ đồng, tăng 17% so với thời điểm 31/12/2014 (trong đó so với 31/12: Thuế, phí 6.560 tỷ, giảm 9%; Các khoản thu về đất 8.571 tỷ đồng, tăng 30%; Tiền phạt chậm nộp: 6.547 tỷ đồng, tăng 37%).

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2015: 86.596.699.709.859 đồng, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 63.159.224.582.856 đồng¹⁷; không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 91,24% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung (sau đây gọi tắt là dự toán).

Kết quả thực hiện chi ở một số lĩnh vực chủ yếu như sau:

1.1. Chi đầu tư phát triển

Quyết toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương: 26.966.654.662.810 đồng¹⁸, không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 90,67% dự toán; trong đó: Chi đầu tư phát triển ngân sách cấp Thành phố là 16.084.916.827.362 đồng¹⁹, không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 89,8% so với dự toán.

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản địa phương:

Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản địa phương 26.503.493.997.566 đồng, không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 90,64% dự toán.

Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản cấp Thành phố 15.621.756.162.118 đồng²⁰, không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 89,72% so với dự toán; trong đó, chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn trong nước là 13.728.508.278.329 đồng, không kể ghi chi dự án BT thì đạt 80,42% dự toán; chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn nước ngoài là 1.893.247.883.789 đồng.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Chỉ đạo công tác quyết toán vốn đầu tư Thành phố, công tác phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành toàn Thành phố năm 2015 đã có chuyển biến tích cực so với năm trước. Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm 2015 là 2.768 dự án (tăng 43 dự án so với năm 2014) với tổng vốn đầu tư được quyết toán là: 22.333.513 triệu đồng (tăng 38% so với năm 2014); qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ giá trị đề nghị quyết toán là 275.787 triệu đồng (năm 2014, giảm trừ 270.825 triệu đồng). Trong đó:

- Đối với cấp Thành phố: Số dự án được phê duyệt quyết toán trong năm 2015 là 228 dự án, tăng 42 dự án so với năm 2014. Tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 10.505.600 triệu đồng, tăng 108% so với năm 2014 (số tuyệt đối tăng 5.466.728 triệu đồng); qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ so với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 33.171 triệu đồng (năm 2014 là 20.111 triệu đồng).

- Đối với cấp quận, huyện, thị xã: Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm 2015 là 2.540 dự án (năm 2014 là 2.539 dự án), với tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 12.358.729 triệu đồng, tăng 11% so với năm 2014 (số tuyệt đối tăng 1.245.097 triệu đồng); qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ so với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 242.616 triệu đồng.

¹⁷ đạt 87,12% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung.

¹⁸ đạt 81,7% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung.

¹⁹ đạt 75,95% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung.

²⁰ đạt 75,55% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung.

Các Sở, ngành Thành phố đã tích cực, chủ động đôn đốc, hướng dẫn các chủ đầu tư để giải quyết các tồn tại, vướng mắc, lập hồ sơ quyết toán đối với các dự án đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; qua đó đã tham mưu UBND Thành phố các giải pháp tháo gỡ trong quyết toán hoàn thành các dự án lớn, phức tạp; thực hiện quyết toán hoàn thành các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội được đầu tư từ ngân sách Thành phố nhân dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội²¹, đảm bảo thời gian quy định theo đúng kết luận của Chủ tọa kỳ họp thứ 11 HĐND Thành phố tại Thông báo số 30/TB-HĐND ngày 18/12/2014 của HĐND Thành phố.

Mặc dù công tác quyết toán dự án hoàn thành đã có nhiều tiến bộ, song kết thúc năm 2015, số dự án đầu tư xây dựng cơ bản cấp Thành phố hoàn thành chậm nộp báo cáo quyết toán theo quy định của Nhà nước là 63 dự án, nguyên nhân cơ bản của việc chậm nộp là do một số Chủ đầu tư chưa kịp thời thực hiện các thủ tục điều chỉnh các phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư dẫn đến chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán, cũng như chưa quyết liệt trong việc đôn đốc các nhà thầu lập và nộp hồ sơ quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Để khắc phục tình trạng trên, năm 2016, UBND Thành phố đã ban hành các văn bản số 1839/UBND-KT ngày 30/3/2016, số 2902/VP-KT ngày 15/4/2016, số 135/TB-VP ngày 30/6/2016 chỉ đạo các Sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn Thành phố, trong đó UBND Thành phố chỉ đạo: các Chủ đầu tư quán triệt thực hiện các văn bản của Trung ương về quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản²², có các biện pháp tích cực đôn đốc các nhà thầu để thu hồi dứt điểm các khoản nợ phải thu nộp ngân sách Nhà nước; Kho bạc Nhà nước Hà Nội đôn đốc, hướng dẫn các Chủ đầu tư làm thủ tục thanh toán các khoản nợ theo quy định; UBND các quận, huyện, thị xã thành lập Ban Chỉ đạo công tác quyết toán để chỉ đạo, đôn đốc công tác quyết toán hoàn thành theo đúng quy định; kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong công tác quyết toán theo thẩm quyền; Sở Nội vụ nghiên cứu, bổ sung tiêu chí tính điểm thi đua hàng năm trong công tác quyết toán để kịp thời biểu dương các đơn vị làm tốt công tác quyết toán, đồng thời có biện pháp xử lý đối với các đơn vị không thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND Thành phố, làm chậm trễ công tác quyết toán dự án hoàn thành. Với sự chỉ đạo quyết liệt của UBND Thành phố, đến thời điểm hiện nay, trong số 63 dự án chậm nộp thời điểm 31/12/2015 đã có 54 dự án được Chủ đầu tư lập và nộp báo cáo quyết toán, còn lại 09 dự án chưa nộp báo cáo quyết toán đã được chỉ đạo khẩn trương thực hiện (*Chi tiết 09 dự án chưa nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo Phụ lục số 13 đính kèm*).

b) Chi đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất:

Thành phố đã chi 50.000.000.000 đồng để thực hiện thoái trả tiền nhà cho Bộ Quốc phòng theo quy định, đạt 100% dự toán.

²¹ Các dự án: Rạp Kim Đồng, Rạp Công Nhân, Rạp Đại Nam, Công viên Hòa Bình, Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam, Trường cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội.

²² Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

1.2. Chi trả nợ đến hạn và hoàn trả các khoản huy động

Thành phố đã chi 746.091.212.743 đồng²³ để chi trả lãi, phí phát hành Trái phiếu xây dựng Thủ đô; hoàn trả nợ gốc vốn vay Chương trình Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; trả lãi vay Chương trình “Nước sạch và vệ sinh nông thôn tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng” và trả Ngân hàng phát triển Việt Nam vốn vay thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn theo cơ chế chung của Chính phủ.

1.3. Chi thường xuyên

Quyết toán chi ngân sách địa phương 35.358.203.528.813 đồng, đạt 91,34% so với dự toán; trong đó, quyết toán chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố 15.729.117.468.581 đồng, đạt 91,96% so với dự toán.

Kết quả thực hiện chi trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

a) Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 6.243.965.276.296 đồng, đạt 89,53% so với dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 1.511.231.192.980 đồng, đạt 86,78% so với dự toán; đảm bảo kinh phí hoạt động bộ máy của các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể và các khoản chi phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực. Các đơn vị cơ bản bám sát dự toán HĐND Thành phố giao; số kinh phí chưa thực hiện chủ yếu là kinh phí chuyển nguồn theo quy định của các cơ quan Đảng, kinh phí tự chủ của các cơ quan hành chính của Thành phố; một phần thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi hành chính chưa cấp thiết theo các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, HĐND và UBND Thành phố.

b) Chi trợ giá những mặt hàng chính sách:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 1.122.670.861.479 đồng, đạt 94,87% so với dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 1.082.885.530.519 đồng, đạt 94,97% so với dự toán; đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi trợ giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, trợ giá nước sạch trên địa bàn Thành phố.

c) Chi sự nghiệp môi trường:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 2.456.295.196.763 đồng, đạt 92,65% dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 1.165.417.763.836 đồng, đạt 92,08% dự toán.

Năm 2015, Thành phố tập trung và chủ động bố trí nguồn lực từ ngân sách giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, đảm bảo kinh phí cho lĩnh vực môi trường như thu gom, xử lý rác thải khu vực nội thành và ngoại thành; thực hiện nhiệm vụ quan trắc, xử lý ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí,... trên địa bàn Thành phố. Số kinh phí chưa thực hiện chủ yếu là kinh phí đặt hàng lĩnh vực vệ sinh môi trường được chuyển nguồn sang năm 2016 để thanh quyết toán sau khi quyết toán đặt hàng được phê duyệt; phần còn lại bị hủy dự toán theo quy định.

²³ Đạt 97,74% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung.

d) Chi sự nghiệp kinh tế:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 6.550.606.976.769 đồng, đạt 92,50% so với dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 4.825.345.677.339 đồng, đạt 94,08% dự toán, đảm bảo kịp thời kinh phí phục vụ các đề án, chương trình phát triển nông nghiệp, các dự án khảo sát quy hoạch, công tác bảo trì, sửa chữa các công trình giao thông, quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước, duy trì công viên cây xanh, thoát nước, chiếu sáng và thực hiện các nhiệm vụ chi sự nghiệp kinh tế khác theo quy định; về cơ bản, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh phí để xử lý các vấn đề dân sinh bức xúc phát sinh trên địa bàn Thành phố. Kinh phí thực hiện giảm so với dự toán một phần do giảm trừ thông qua công tác quyết toán các công trình, dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, tiết kiệm chi cho ngân sách; một phần hủy dự toán do hết nhiệm vụ chi theo quy định.

e) Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 9.988.767.451.363 đồng, đạt 90,89% dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 1.981.922.842.411 đồng, đạt 94,41% dự toán.

Ngân sách Thành phố đã đảm bảo kinh phí theo định mức được phê duyệt cho các hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo cán bộ, ngoài ra còn bố trí kinh phí thực hiện đào tạo bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường, thực hiện cải tạo sửa chữa, chống xuống cấp một số trường học. Số chưa thực hiện chủ yếu là kinh phí ngân sách Thành phố bố trí cho các lớp bồi dưỡng ở nước ngoài không triển khai thực hiện theo chủ trương của Thành phố, một phần hủy dự toán do thực hiện giảm trừ khi quyết toán các dự án mua sắm, sửa chữa và tiết kiệm chi tiêu trong thực hiện các chương trình, kế hoạch của ngành.

f) Chi sự nghiệp y tế và dân số, kế hoạch hóa gia đình:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 2.956.842.467.322 đồng, đạt 98,26% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 2.747.530.600.443 đồng, đạt 98,21% dự toán; số kinh phí chưa thực hiện chủ yếu do giảm dự toán kinh phí thông qua công tác đấu thầu; giảm kinh phí trực và giám sát dịch bệnh trong năm so với dự kiến; một phần tiết kiệm chi theo chủ trương của Thành phố.

g) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, du lịch:

Quyết toán chi ngân sách địa phương: sự nghiệp phát thanh truyền hình 175.585.275.321 đồng, đạt 99,18% dự toán; sự nghiệp văn hóa thông tin 812.008.150.785 đồng, đạt 95,75% dự toán; sự nghiệp thể dục thể thao, du lịch 514.707.218.455 đồng, đạt 97,79% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố: sự nghiệp phát thanh truyền hình 70.548.502.200 đồng, đạt 100% dự toán; sự nghiệp văn hóa thông tin 436.612.526.058 đồng, đạt 94,46% dự toán, số kinh phí giảm chủ yếu do đơn vị

tiết kiệm chi tiêu thông qua công tác đặt hàng có giảm giá đối với một số nhiệm vụ chuyên môn của ngành; sự nghiệp thể dục thể thao, du lịch 439.198.274.138 đồng, đạt 97,61% dự toán, số kinh phí giảm chủ yếu do đơn vị thực hiện công tác đấu thầu mua sắm trang thiết bị chuyên môn, giảm chi cho ngân sách, một phần hủy dự toán theo quy định.

h) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 2.194.159.984.777 đồng, đạt 94,22% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 496.051.813.085 đồng, đạt 93,62% dự toán. Ngân sách Thành phố đã đảm bảo kịp thời kinh phí thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội, chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật; chính sách đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo; kinh phí hoạt động của các trung tâm nuôi dưỡng, giáo dục các đối tượng bảo trợ xã hội và các nhiệm vụ chi đảm bảo xã hội theo phân cấp. Phần kinh phí chưa thực hiện chủ yếu do trong năm, số lượng các đối tượng thực tế vào các trung tâm xã hội thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội giảm so với dự kiến kế hoạch đề ra.

i) Chi an ninh, quốc phòng:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 1.433.009.017.800 đồng, đạt 80,87% dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 489.731.503.645 đồng, đạt 63,63% dự toán; đã đảm bảo kinh phí thường xuyên cho các nhiệm vụ giữ gìn, bảo vệ an ninh trật tự, an ninh quốc phòng trên địa bàn Thành phố. Phần kinh phí chưa thực hiện chủ yếu là kinh phí mua sắm trang thiết bị kỹ thuật chuyên môn của Công an Thành phố và Cảnh sát phòng cháy chữa cháy được bổ sung vào quý IV đã triển khai các thủ tục đấu thầu theo quy định, được chuyển nguồn sang năm 2016 để tiếp tục thực hiện và thanh quyết toán; một phần kinh phí giảm theo khối lượng công việc thực tế của các đơn vị, một phần hủy dự toán theo quy định.

k) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 261.645.468.949 đồng, đạt 76,37% dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 260.323.021.089 đồng, đạt 76,32% dự toán. Số chi chưa đạt dự toán giao một phần do năm 2015, Thành phố đang hoàn chỉnh tổ chức bộ máy của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ và các cơ chế quản lý tài chính quỹ nên nguồn vốn Quỹ chưa thực hiện giải ngân, được chuyển nguồn sang năm 2016 để tiếp tục thực hiện; ngoài ra, công tác triển khai một số đề tài khoa học còn chậm, một số đề tài đã làm thủ tục tạm ứng tại Kho bạc Nhà nước được Thành phố chuyển nguồn sang năm sau để hoàn tất thủ tục và thanh quyết toán; một phần kinh phí hủy tại kho bạc theo quy định.

n) Chi thường xuyên khác:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 647.940.182.734 đồng, đạt 78,36% dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 222.318.220.838 đồng, đạt 72,22% dự toán, đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao cho các đơn vị ngành dọc; chi cho công tác liên kết, hợp tác với các tỉnh bạn và một số

khoản chi khác theo dự toán đã giao; phần kinh phí giảm theo khối lượng công việc thực tế của các đơn vị và hủy dự toán theo quy định.

2. Chi chuyển nguồn:

Tổng số chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm 2015 sang năm 2016 là 23.437.475.127.003 đồng; Cụ thể:

2.1. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố:

Tổng số chi chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố năm 2015 sang năm 2016 là 14.010.957.608.682 đồng, trong đó:

a) Chi chuyển nguồn tăng thu ngân sách cấp Thành phố năm 2015 so với dự toán được giao, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định là 9.487.967.978.323 đồng²⁴.

b) Chi chuyển số dư tạm ứng các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và dư tạm ứng một số khoản chi sự nghiệp sang năm 2016 để tiếp tục theo dõi và hoàn tất thủ tục chi ngân sách: 4.522.989.630.359 đồng²⁵.

Số chi chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố năm 2015 tăng 34% so với năm 2014 (số tuyệt đối tăng 3.556.829.389.231 đồng), chủ yếu do tăng chi chuyển nguồn số dư dự toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công (tăng 2.945.596.715.426 đồng so với năm 2014) và tăng chi chuyển nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo quy định (tăng 1.239.135.717.000 đồng so với năm 2014).

Năm 2015, UBND Thành phố đã áp dụng nhiều giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, đặc biệt là các công trình trọng điểm. Trong năm, Thành phố đã thực hiện điều hòa, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, tăng hiệu quả chi ngân sách; tuy nhiên, Thành phố không thực hiện điều hòa, điều chỉnh đối với nguồn vốn giải phóng mặt bằng theo cơ chế linh hoạt mà để lại tập trung cho các dự án trọng điểm.

Kết thúc năm vẫn còn dư một phần kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản do một số nguyên nhân như: công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, Thành phố đã thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo quyết liệt các đơn vị liên quan tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; UBND các quận, huyện, thị xã đã có nhiều nỗ lực, tích cực tập trung trong việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm, tuy nhiên kết quả vẫn chưa đạt được như mong muốn (nguồn vốn giải phóng mặt bằng còn dư chuyển năm sau là 1.169 tỷ đồng). Ngoài ra, nhiều quy định liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng và quản lý đất đai có sự điều chỉnh, các quy định cụ thể và việc xử lý chuyển tiếp chậm được các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn nên các

²⁴ Trong đó: chuyển nguồn tăng thu 2.818.320 triệu đồng; kinh phí cải cách tiền lương 2.744.428 triệu đồng; chuyển nguồn dư dự toán kinh phí XD CB theo quy định của Luật Đầu tư công: 3.256.998 triệu đồng; chuyển nguồn khác theo chế độ của các đơn vị hành chính sự nghiệp và các nhiệm vụ khác: 658.363 triệu đồng.

²⁵ Trong đó: dư tạm ứng các dự án XD CB 4.522.989 triệu đồng; dư tạm ứng một số khoản chi sự nghiệp 82.787 triệu đồng.

đơn vị gặp khó khăn trong triển khai thực hiện. Bên cạnh các nguyên nhân khách quan nêu trên, còn nguyên nhân chủ quan do một số Chủ đầu tư còn chưa thực sự quyết liệt, kịp thời trong tổ chức thực hiện, ảnh hưởng đến kết quả chung của Thành phố.

2.2. Chi chuyển nguồn của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã:

Chi chuyển nguồn ngân sách các quận, huyện, thị xã; xã phường, thị trấn năm 2015 là 9.426.517.518.321 đồng; trong đó, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương là 4.007.527.539.922 đồng, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản là 3.496.460.761.552 đồng²⁶, kinh phí sự nghiệp là 1.922.529.216.847 đồng).

Đối với cấp quận, huyện, thị xã, chi chuyển nguồn ngân sách năm 2015 tăng 25,6% so với năm 2014 (số tuyệt đối tăng 3.095.766.614.082 đồng), chủ yếu do tăng chi chuyển nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo quy định (tăng 2.617.553.755.930 đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục 4, 7, 8, 9, 10 đính kèm)

*** Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Thành phố:** 6.240.619.123.002 đồng; trong đó, vốn đầu tư là: 5.923.241.187.122 đồng, vốn sự nghiệp là 317.377.935.880 đồng (được tổng hợp trong các lĩnh vực chi). Cùng với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, Thành phố đã bố trí kinh phí đối ứng đảm bảo thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia²⁷, đồng thời đảm bảo kinh phí thực hiện các Chương trình theo mục tiêu của Thành phố²⁸; qua đó đã bước đầu mang lại sự chuyển biến đáng kể đối với hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, góp phần rút ngắn khoảng cách về đảm bảo thông tin, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân, đặc biệt là các vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa; góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ trong lĩnh vực y tế, giáo dục mà Việt Nam đã cam kết với cộng đồng quốc tế. Các Chương trình mục tiêu Quốc gia được triển khai đã tạo cơ hội và điều kiện để người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao dân trí, tạo việc làm và nâng cao chất lượng nguồn lao động; góp phần phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội. Hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu được tăng cường đã tạo đà cho phát triển kinh tế xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho người dân Thủ đô.

(Chi tiết theo Phụ lục số 6 đính kèm)

II.2. ĐÁNH GIÁ VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015:

Quán triệt chủ trương của Thành ủy, Nghị quyết HĐND Thành phố và chỉ đạo của Chính phủ về kinh tế - xã hội và quản lý điều hành tài chính, ngân sách

²⁶ Trong đó: dự tạm ứng các dự án XD CB 2.668.370 triệu đồng.

²⁷ Các Chương trình MTQG về: việc làm và dạy nghề; giảm nghèo; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; y tế; dân số và kế hoạch hóa gia đình; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống HIV/AIDS; phòng chống tội phạm; phòng chống ma túy; giáo dục và đào tạo; văn hóa; xây dựng nông thôn mới; đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa; ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; tiết kiệm năng lượng

²⁸ Chương trình công nghệ thông tin, giảm thiểu ùn tắc giao thông.

năm 2015²⁹; ngay sau khi HĐND Thành phố ra nghị quyết thông qua phương án phân bổ ngân sách Thành phố, UBND Thành phố đã quyết định giao dự toán ngân sách năm 2015 cho các sở, ngành, quận, huyện, thị xã để phân bổ và triển khai thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Công tác quản lý tài chính - ngân sách được điều hành chặt chẽ, linh hoạt, đảm bảo cân đối ngân sách; đáp ứng kịp thời vốn cho các công trình trọng điểm theo tiến độ, cho các nhiệm vụ quan trọng của Thành phố về phục vụ Đại hội đảng bộ các cấp và Đảng bộ Thành phố, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Các nguồn vốn phát sinh trong năm, UBND Thành phố đã quyết định phân bổ cho các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước³⁰ sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố.

- **Về chi đầu tư phát triển:** Thành phố đã tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm, quan trọng của Thành phố, như: hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng khu vực nông nghiệp nông thôn, làng nghề, môi trường; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng xa trung tâm, vốn cho các dự án nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất về giáo dục, y tế, văn hóa theo hướng chuẩn quốc gia và phù hợp với quy hoạch ngành, đảm bảo thực hiện các Chương trình đã được Thành ủy thông qua, HĐND Thành phố quyết nghị. Ngoài ra, để bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển, thực hiện chủ trương của HĐND Thành phố, Thành phố đã triển khai thành công việc phát hành Trái phiếu xây dựng Thủ đô huy động trong năm số kinh phí 4.000 tỷ đồng, đảm bảo kinh phí đáp ứng tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm. Thành phố đã tổ chức giao ban, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; chỉ đạo quyết liệt các Chủ đầu tư trong công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành trong năm theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và đã đạt được các kết quả tích cực như đã nêu ở trên.

²⁹ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015; Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2015; Công văn số 3695/BTC-HCSN ngày 20/3/2015 của Bộ Tài chính về việc thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2015 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 của Chính phủ; Công văn số 14518/BTC-NSNN ngày 16/10/2015 về việc sử dụng kinh phí tạm giữ theo Chỉ thị số 06/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 12454/BTC-NSNN ngày 08/9/2015 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác chỉ đạo thu, chi ngân sách nhà nước; Công văn số 18410/BTC-NSNN ngày 10/12/2015 của Bộ Tài chính về một số giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách địa phương; Chương trình hành động số 01/CTR-UBND ngày 03/01/2015 của UBND Thành phố về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 19/5/2015 của UBND Thành phố về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2015; Công văn số 241/HĐND-KTNS ngày 05/8/2015 của HĐND Thành phố về việc tăng cường quản lý và đôn đốc thu nợ đọng thuế, phí; Công văn số 7717/UBND-KH&ĐT ngày 29/10/2015, số 9173/UBND-KT ngày 23/12/2015 của UBND Thành phố về một số giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách cuối năm 2015.

³⁰ Nguồn tăng thu ngân sách thành phố năm 2014 (3.305 tỷ đồng) và nguồn thường vượt thu NSTW (1.996,8 tỷ đồng) được bổ sung cho chi đầu tư phát triển 1.698 tỷ đồng, chi thường xuyên 1.196,8 tỷ đồng, thường cho ngân sách quận huyện 434 tỷ đồng và tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định 1.867 tỷ đồng.

- **Về chi thường xuyên:** Ngân sách các cấp đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của Trung ương và Thành phố; đáp ứng đủ, kịp thời theo định mức, chính sách, chế độ và các mục tiêu theo Nghị quyết HĐND Thành phố đề ra; tập trung và chủ động bố trí nguồn lực từ ngân sách giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, đảm bảo các chế độ chính sách về người có công, các gia đình thương binh liệt sỹ, chăm lo hỗ trợ người nghèo; kinh phí cho lĩnh vực môi trường; lĩnh vực giáo dục đào tạo tiếp tục được quan tâm, các phòng học được tập trung đầu tư nhằm từng bước chuẩn hóa trường lớp học đã tác động có hiệu quả tới chất lượng dạy và học; đảm bảo kinh phí cho lĩnh vực y tế thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân; đảm bảo kinh phí cho lĩnh vực giao thông, đô thị phát triển vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, thực hiện các giải pháp về chống ùn tắc giao thông. Chủ động sử dụng nguồn dự phòng của ngân sách kịp thời xử lý các sự cố về thiên tai, đê kè, ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh, không để bùng phát trên diện rộng.

Thành phố đã triển khai quyết liệt và có hiệu quả Chỉ thị của số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách năm 2015, trong đó thu hồi để bổ sung dự phòng ngân sách Thành phố đối với kinh phí thường xuyên đã giao cho các sở, ngành, đơn vị sử dụng ngân sách thành phố trong dự toán đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2015 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa tổ chức đấu thầu (102 tỷ đồng).

Bên cạnh đó, Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác đấu thầu trong mua sắm tài sản, dịch vụ theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn; thẩm định ban hành các quyết định đấu thầu, đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả sử dụng ngân sách.

Ngoài ra, Thành phố cũng đã chỉ đạo triển khai kịp thời Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 30/7/2015 triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP về cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập đến tất cả các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố để thực hiện theo quy định của Chính phủ.

III. CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015:

1. Cân đối ngân sách địa phương³¹:

1.1. Tổng thu ngân sách địa phương:	94.552.430.151.648 đồng
- Thu trong cân đối ngân sách địa phương:	72.654.779.076.926 đồng

³¹ Căn cứ các chỉ tiêu thu, chi ngân sách địa phương được UBND Thành phố giao tại Quyết định số 7499/QĐ-UBND và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung trong năm, so với số liệu thu, chi ngân sách địa phương trong Biên bản xác nhận số liệu giữa Kho bạc Nhà nước Hà Nội - Sở Tài chính, số quyết toán thu, chi ngân sách địa phương trong Báo cáo quyết toán không bao gồm các khoản sau: thu (chi) bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp QH: 16.917.082.649.075 đồng; thu (chi) bổ sung từ ngân sách cấp QH cho ngân sách cấp XP: 4.999.073.601.337 đồng; thu (chi) từ ngân sách cấp QH nộp lên ngân sách cấp Thành phố: 73.970.933.690 đồng; thu (chi) từ ngân sách cấp XP nộp lên ngân sách cấp QH: 40.715.716.848 đồng và ghi thu-ghi chi.

- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2014 sang năm 2015: 16.784.879.123.690 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm 2014: 5.112.771.951.032 đồng
- 1.2. Tổng chi ngân sách địa phương: 86.596.699.709.859 đồng
- Chi trong cân đối ngân sách địa phương: 63.159.224.582.856 đồng
- Chi chuyển nguồn ngân sách địa phương: 23.437.475.127.003 đồng
- 1.3. Kết dư ngân sách địa phương: 7.955.730.441.789 đồng
- 2. Cân đối ngân sách cấp Thành phố³²:
- 2.1. Tổng thu ngân sách cấp Thành phố: 64.942.260.044.958 đồng
- Thu trong cân đối ngân sách cấp Thành phố: 53.912.164.385.536 đồng
- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2014 sang năm 2015: 10.454.128.219.451 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm 2014: 501.996.506.281 đồng
- Thu nộp từ ngân sách cấp Quận, Huyện: 73.970.933.690 đồng
- 2.2. Tổng chi ngân sách cấp Thành phố: 63.576.440.944.933 đồng
- Chi trong cân đối ngân sách cấp Thành phố: 32.648.400.687.176 đồng
- Chi bổ sung cho ngân sách cấp Quận, Huyện: 16.917.082.649.075 đồng
- Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2015 sang năm 2016: 14.010.957.608.682 đồng
- 2.3. Kết dư ngân sách cấp Thành phố: 1.365.819.100.025 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục 01, 02 đính kèm)

B. CÁC KHOẢN THU, CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ:

Quyết toán các khoản thu, chi quản lý qua ngân sách 3.091.650.596.303 đồng, bao gồm các khoản thu học phí, phí và lệ phí, thu sự nghiệp, thu khác. Đây là các khoản thu các đơn vị được phép để lại chi theo chế độ quy định và được ghi thu, ghi chi quản lý qua ngân sách nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị trong việc sử dụng nguồn thu này. Trong đó: ngân sách Thành phố 800.487.894.745 đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn 2.291.162.701.558 đồng *(Chi tiết theo Phụ lục số 5 đính kèm)*.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2015; CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP BÁO CÁO TỔNG QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2015:

Nhiệm vụ tài chính - ngân sách năm 2015 được thực hiện trong bối cảnh chung kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi nhưng chậm, giá dầu thô giảm và ở mức thấp. Trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô ổn định song vẫn còn không ít khó khăn, thách thức; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh còn thấp; tỷ giá có nhiều biến động do một số nước phá giá đồng tiền. Trên địa bàn Thành phố, tăng

³² Căn cứ các chỉ tiêu thu, chi ngân sách cấp Thành phố được UBND Thành phố giao tại Quyết định số 6599/QĐ-UBND và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung trong năm, so với số liệu thu, chi ngân sách cấp Thành phố trong Biên bản xác nhận số liệu giữa Kho bạc Nhà nước Hà Nội - Sở Tài chính, số quyết toán thu, chi ngân sách cấp Thành phố trong Báo cáo quyết toán không bao gồm số ghi thu - ghi chi cấp Thành phố.

trường xuất khẩu thấp, thị trường bất động sản phục hồi nhưng chậm, tình hình thiên tai, dịch bệnh tiềm ẩn nguy cơ phức tạp, diễn biến khó lường.

Quản trị chỉ đạo của Chính phủ, thực hiện các Nghị quyết của Thành ủy, HĐND Thành phố, với quyết tâm phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị và nỗ lực của các cấp ủy, chính quyền địa phương và các ngành, sự đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân, Thành phố đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế xã hội, do vậy kinh tế - xã hội trên địa bàn tiếp tục giữ được đà phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp duy trì được đà phục hồi, tín dụng cho vay tăng trưởng, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, qua đó đã tạo sự ổn định và phát triển nguồn thu ngân sách, đảm bảo nguồn lực theo dự toán để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố với các kết quả như đã nêu ở trên.

UBND Thành phố đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thẩm tra, rà soát chặt chẽ trên cơ sở kết quả thực hiện của Kiểm toán Nhà nước để xây dựng Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2015, trong đó:

- Về chi chuyển nguồn ngân sách Thành phố năm 2015 sang năm 2016:

Thực hiện chủ trương của HĐND Thành phố về việc tăng cường quản lý chi và quyết toán chi ngân sách, thực hiện giảm chi chuyển nguồn ngân sách hàng năm, tăng hiệu quả chi ngân sách; UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và dự toán chi ngân sách được giao ngay từ đầu năm, đẩy mạnh công tác thanh toán tạm ứng vốn đầu tư XDCB và quyết toán dự án hoàn thành; kiểm soát chặt chẽ số chi chuyển nguồn ngân sách năm 2014 sang năm 2015 của các đơn vị, đảm bảo chi đúng nội dung được chuyển nguồn theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; rà soát chặt chẽ việc chuyển nguồn ngân sách năm 2015 sang năm 2016 đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định.

- Về quy trình xây dựng Báo cáo: Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2015 đã được tổng hợp trên cơ sở Báo cáo quyết toán của 30 quận, huyện, thị xã và các đơn vị dự toán ngân sách cấp Thành phố; đã so sánh, đối chiếu khớp đúng với số liệu hạch toán kế toán của hệ thống Kho bạc Nhà nước Hà Nội; các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về điều chỉnh quyết toán ngân sách Thành phố năm 2015 đến thời điểm lập Báo cáo Tổng quyết toán đã được tiếp thu, điều chỉnh theo đúng quy định.

- Về kết quả kiểm toán Nhà nước đối với báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2015:

Kiểm toán Nhà nước đã tổ chức kiểm toán và xác định thống nhất với số liệu tổng hợp của Thành phố; trong đó có kiến nghị: Tăng chi chuyển nguồn, giảm kết dư đối với các phường chưa chuyển nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, còn tồn trong kết dư ngân sách; Giám chi chuyển nguồn, tăng kết dư đối với các phường thực hiện chuyển nguồn kinh phí chưa đúng quy định. UBND Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Thành phố giải trình, tiếp thu, tổng hợp vào Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2015 và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố. Căn cứ Nghị quyết của HĐND

Thành phố, các cơ quan chuyên môn của Thành phố và UBND các quận tổ chức thực hiện (Chi tiết theo Phụ lục số 15 đính kèm).

Qua công tác quyết toán thu, chi ngân sách Thành phố năm 2015, UBND Thành phố nhận thấy còn một số tồn tại: Thu ngân sách tuy đạt tỷ lệ khá so với năm trước nhưng còn một số khoản thu chưa hoàn thành so với dự toán; Số nợ thuế còn lớn, nhất là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng; Công tác quyết toán hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã được các cấp quan tâm chỉ đạo, song tại một số đơn vị năng lực về quản lý dự án còn chưa đáp ứng được yêu cầu, do đó còn chậm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành; Số chi chuyển nguồn ngân sách vẫn còn lớn; Những tồn tại trên cần được các ngành, các cấp tập trung quan tâm, khắc phục trong thời gian tới.

Trên đây là báo cáo Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2015, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê chuẩn./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KT&NS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP_{T.V.Đông}, KT, TKBT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
CHỦ TỊCH


Nguyễn Đức Chung

Số:/2016/NQ-HĐND

Hà nội, ngày tháng 12 năm 2016

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn tổng quyết toán thu, chi ngân sách
thành phố Hà Nội năm 2015**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 03

(Từ ngày /12 đến ngày /12/2016)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Tổng quyết toán thu, chi ngân sách thành phố Hà Nội năm 2015 như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 225.527.627.511.494 đồng

2. Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương:

a) Tổng thu ngân sách địa phương: 94.552.430.151.648 đồng

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 86.596.699.709.859 đồng

Trong đó: Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2015 sang năm 2016: 23.437.475.127.003 đồng, gồm:

Chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố: 14.010.957.608.682 đồng

Chuyển nguồn ngân sách quận, huyện, thị xã: 9.426.517.518.321 đồng

c) Kết dư ngân sách địa phương: 7.955.730.441.789 đồng

Trong đó, kết dư ngân sách quận, huyện, thị xã: 6.589.911.341.764 đồng

3. Quyết toán thu, chi ngân sách cấp Thành phố:

a) Tổng thu ngân sách cấp Thành phố: 64.942.260.044.958 đồng

- b) Tổng chi ngân sách cấp Thành phố: 63.576.440.944.933 đồng
Trong đó:
Chi bổ sung cho ngân sách quận, huyện, thị xã: 16.917.082.649.075 đồng
Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm 2016: 14.010.957.608.682 đồng
c) Kết dư ngân sách cấp Thành phố: 1.365.819.100.025 đồng

Điều 2. Điều khoản thi hành:

1. Giao UBND Thành phố thực hiện công khai quyết toán ngân sách theo quy định; Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đôn đốc, kiểm soát chặt chẽ số chi chuyển nguồn ngân sách năm 2015 sang năm 2016 của các đơn vị, đảm bảo chi đúng nhiệm vụ chi được chuyển nguồn theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và báo cáo HĐND Thành phố kết quả thực hiện cùng với Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2016 tại kỳ họp cuối năm 2017.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND Thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khoá XV kỳ họp thứ 03 thông qua ngày tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT, Tư pháp;
- Thường trực Thành uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TPHN;
- TT HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các vị đại biểu HĐND TP;
- VP TU, VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành có liên quan;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

DANH MỤC PHỤ LỤC

TT	Tên phụ lục	Ký hiệu
1	Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2015	Phụ lục 1
2	Quyết toán ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp quận, huyện, thị xã năm 2015	Phụ lục 2
3	Quyết toán thu ngân sách Nhà nước theo các sắc thuế năm 2015	Phụ lục 3
4	Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2015	Phụ lục 4
5	Quyết toán chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách năm 2015	Phụ lục 5
6	Quyết toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu Thành phố năm 2015	Phụ lục 6
7	Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp quận, huyện, thị xã năm 2015	Phụ lục 7
8	Quyết toán chi đơn vị sử dụng ngân sách cấp Thành phố theo các lĩnh vực năm 2015	Phụ lục 8
9	Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản các dự án, công trình thuộc nguồn vốn đầu tư ngân sách cấp Thành phố năm 2015	Phụ lục 9
+	<i>Các dự án nguồn XDCB tập trung và CTMT giải ngân qua Kho bạc Nhà nước Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.1</i>
+	<i>Các dự án XDCB nguồn xổ số kiến thiết giải ngân qua Kho bạc Nhà nước Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.2</i>
+	<i>Các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.3</i>
+	<i>Các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Phát triển đất Thành phố Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.4</i>
+	<i>Các dự án XDCB thực hiện theo hình thức BT</i>	<i>Phụ lục 9.5</i>
+	<i>Các dự án đầu tư XDCB bằng nguồn vốn ngoài nước</i>	<i>Phụ lục 9.6</i>
10	Quyết toán chi ngân sách theo một số lĩnh vực của từng quận, huyện, thị xã năm 2015	Phụ lục 10
11	Biểu tổng hợp kinh phí bổ sung cho các Quỹ có nguồn gốc ngân sách của Thành phố năm 2015	Phụ lục 11
12	Tổng hợp sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp Thành phố năm 2015	Phụ lục 12
13	Danh sách các dự án đầu tư XDCB cấp Thành phố chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành năm 2015	Phụ lục 13
14	Tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao các đơn vị ngành dọc năm 2015	Phụ lục 14
15	Phụ lục tiếp thu các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2015	Phụ lục 15
16	Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán quyết toán ngân sách Thành phố Hà Nội năm 2014	Phụ lục 16

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán
		Trung ương giao	HĐND Thành phố giao	
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	141.690.000.000.000	141.690.000.000.000	225.527.627.511.494
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	125.010.000.000.000	125.010.000.000.000	145.128.793.594.967
2	Thu từ dầu thô	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	3.750.200.380.383
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	12.680.000.000.000	12.680.000.000.000	15.680.501.955.762
4	Thu từ cổ tức và lợi nhuận còn lại			60.968.131.580.382
II	Thu ngân sách địa phương	57.072.511.000.000	59.072.511.000.000	94.552.430.151.648
1	Thu trong cân đối ngân sách địa phương	57.072.511.000.000	59.072.511.000.000	72.654.779.076.926
a	Thu ngân sách địa phương sau điều tiết từ các khoản thu theo phân cấp	56.292.520.000.000	56.292.520.000.000	64.127.598.762.143
b	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	779.991.000.000	779.991.000.000	4.377.180.314.783
	- Bổ sung có mục tiêu	779.991.000.000	779.991.000.000	4.377.180.314.783
c	Thu huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3, điều 8 Luật NSNN		2.000.000.000.000	4.150.000.000.000
2	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2014 sang năm 2015			16.784.879.123.690
3	Thu kết dư ngân sách năm 2014			5.112.771.951.032
III	Chi ngân sách địa phương	57.072.511.000.000	59.072.511.000.000	86.596.699.709.859
III.1	Chi trong cân đối ngân sách địa phương	57.072.511.000.000	59.072.511.000.000	63.159.224.582.856
1	Chi đầu tư phát triển	23.018.680.000.000	24.315.680.000.000	26.966.654.662.810
2	Chi trả nợ		703.000.000.000	746.091.212.743
3	Chi thường xuyên	32.437.711.000.000	30.747.274.000.000	35.358.203.528.813
3	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL		2.112.692.000.000	
4	Chi khác (Chi thoái trả tiền thuế theo quy định,...)			77.815.178.490
5	Dự phòng ngân sách	1.605.660.000.000	1.183.405.000.000	
6	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	10.460.000.000
III.2	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2015 sang năm 2016			23.437.475.127.003
IV	Kết dư ngân sách địa phương	0	0	7.955.730.441.789
V	Thu, chi quản lý qua ngân sách			
1	Thu quản lý qua ngân sách		3.771.971.000.000	3.091.650.596.303
2	Chi quản lý qua ngân sách		3.771.971.000.000	3.091.650.596.303

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH CẤP QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
A	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ		
I	Nguồn thu ngân sách cấp Thành phố	47.107.714.000.000	64.942.260.044.958
1	Thu trong cân đối ngân sách cấp Thành phố	47.067.526.000.000	53.912.164.385.536
a	Thu ngân sách cấp Thành phố sau điều tiết từ các khoản thu theo phân cấp	44.287.535.000.000	45.384.984.070.753
	+ BT	3.500.000.000.000	225.305.968.000
	+ Không bao gồm BT	40.787.535.000.000	45.159.678.102.753
b	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	779.991.000.000	4.377.180.314.783
	- Bổ sung có mục tiêu	779.991.000.000	4.377.180.314.783
c	Thu huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3, điều 8 Luật NSNN	2.000.000.000.000	4.150.000.000.000
2	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2014 sang năm 2015		10.454.128.219.451
3	Thu kết dư ngân sách năm 2014		501.996.506.281
4	Thu ngân sách cấp Quận, Huyện hoàn trả	40.188.000.000	73.970.933.690
II	Chi ngân sách cấp Thành phố	47.107.714.000.000	63.576.440.944.933
1	Chi trong cân đối ngân sách cấp Thành phố	33.519.291.000.000	32.648.400.687.176
2	Chi bổ sung cho ngân sách Quận, Huyện	13.588.423.000.000	16.917.082.649.075
	- Bổ sung cân đối	7.291.481.000.000	7.278.464.277.485
	- Bổ sung có mục tiêu	6.296.942.000.000	9.638.618.371.590
3	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2015 sang năm 2016		14.010.957.608.682
III	Kết dư ngân sách cấp Thành phố	0	1.365.819.100.025
B	NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN (GỒM CẢ NGÂN SÁCH XÃ PHƯỜNG)		
I	Nguồn thu ngân sách quận, huyện	25.593.408.000.000	46.601.223.689.455
1	Thu trong cân đối ngân sách Quận, Huyện	25.593.408.000.000	35.659.697.340.465
a	Thu ngân sách Quận, Huyện sau điều tiết từ các khoản thu theo phân cấp	12.004.985.000.000	18.742.614.691.390
b	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố	13.588.423.000.000	16.917.082.649.075
	- Bổ sung cân đối	7.291.481.000.000	7.278.464.277.485
	- Bổ sung có mục tiêu	6.296.942.000.000	9.638.618.371.590
2	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2014 sang năm 2015		6.330.750.904.239
3	Thu kết dư ngân sách năm 2014		4.610.775.444.751
II	Chi ngân sách quận, huyện	25.593.408.000.000	40.011.312.347.691
1	Chi trong cân đối ngân sách Quận, Huyện	25.553.220.000.000	30.510.823.895.680
2	Chi nộp ngân sách cấp Thành phố	40.188.000.000	73.970.933.690
3	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2015 sang năm 2016		9.426.517.518.321
III	Kết dư ngân sách Quận, Huyện	0	6.589.911.341.764

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CÁC SẮC THUẾ NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND Thành phố giao	Quyết toán	Tỷ lệ QT/DT
A	Thu NSNN trên địa bàn	141.690.000.000.000	225.527.627.511.494	159,17%
I	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	12.680.000.000.000	15.680.501.955.762	123,66%
1	Thuế XNK, thuế TTĐB hàng nhập khẩu	3.380.000.000.000	5.701.532.460.095	168,68%
2	Thuế VAT hàng nhập khẩu	9.300.000.000.000	9.871.622.508.204	106,15%
3	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan Hải quan thực hiện		3.884.094.365	
4	Phí, lệ phí hải quan		32.272.587.705	
5	Thu khác		71.190.305.393	
II	Thu nội địa	125.010.000.000.000	145.128.793.594.967	116,09%
1	Thu từ kinh tế quốc doanh	49.900.000.000.000	46.565.174.934.245	93,32%
	- Thuế giá trị gia tăng	12.717.000.000.000	12.389.896.936.429	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.659.000.000.000	3.023.502.393.754	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.010.000.000.000	30.351.637.790.602	
	- Thu từ thu nhập sau thuế	0	223.249.482.231	
	- Thuế tài nguyên	43.300.000.000	44.994.224.400	
	- Thuế môn bài	10.200.000.000	9.492.658.453	
	- Thu khác	460.500.000.000	522.401.448.376	
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	20.100.000.000.000	17.614.048.487.706	87,63%
	Thuế giá trị gia tăng	5.200.000.000.000	5.544.004.486.557	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.780.000.000.000	2.924.782.654.790	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.990.000.000.000	7.788.114.218.971	
	Thuế môn bài	6.000.000.000	6.214.823.360	
	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	30.000.000.000	104.079.624.486	
	Thuế tài nguyên	2.500.000.000	2.366.217.244	
	Thu từ khí và lãi khí được chia	4.000.000.000.000	1.134.177.149.217	
	Thu khác	91.500.000.000	110.309.313.081	
3	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ NQD	17.500.000.000.000	22.756.238.889.168	130,04%
	Thuế giá trị gia tăng	10.520.000.000.000	12.772.938.569.762	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	536.000.000.000	723.033.342.766	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.904.000.000.000	7.945.873.676.869	
	Thuế tài nguyên	4.500.000.000	3.162.000.701	
	Thuế môn bài	235.000.000.000	254.604.778.064	
	Thu khác	300.500.000.000	1.056.626.521.006	
4	Lệ phí trước bạ	3.400.000.000.000	5.449.632.041.701	160,28%
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	1.014.212.046	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	330.000.000.000	369.652.270.227	112,02%
7	Thuế Thu nhập cá nhân	11.800.000.000.000	12.623.795.225.080	106,98%
8	Thuế môi trường	1.600.000.000.000	3.297.211.392.135	206,08%
9	Thu phí và lệ phí	5.300.000.000.000	10.360.345.640.257	195,48%

STT	Nội dung	Dự toán UBND Thành phố giao	Quyết toán	Tỷ lệ QT/DT
	Phí và lệ phí trung ương	4.950.000.000.000	9.828.692.866.328	
	Phí và lệ phí địa phương	350.000.000.000	531.652.773.929	
10	Tiền sử dụng đất	11.000.000.000.000	13.730.964.401.573	124,83%
11	Tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	90.000.000.000	1.027.273.675.148	
12	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.700.000.000.000	2.930.823.492.783	172,40%
13	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích ... tại xã	180.000.000.000	378.595.724.272	210,33%
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		3.505.263.108	
15	Thu khác ngân sách	2.110.000.000.000	8.020.517.945.518	380,12%
	Trung ương	610.000.000.000	7.136.372.896.165	
	Địa phương (không kể thu tại xã)	690.000.000.000	884.145.049.353	
III	Thu từ dầu thô	4.000.000.000.000	3.750.200.380.383	93,76%
IV	Thu từ cổ tức và lợi nhuận còn lại		60.968.131.580.382	
B	Thu Xổ số kiến thiết	195.000.000.000	158.899.031.413	81,49%
C	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách	3.771.971.000.000	3.091.650.596.303	81,96%

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán đầu năm			Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung			Thực hiện năm 2015			Tỷ lệ % QT/DT điều chỉnh		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó	
			Ngân sách Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		Ngân sách Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NS Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NSTP	NSQH (gồm cả NSXP)
*	TỔNG CHI TRONG VÀ NGOÀI CÂN ĐỐI (A+B)	62.884.670.000.000	50.602.899.000.000	25.870.194.000.000	85.523.151.940.923	47.126.133.907.275	38.397.018.033.648	111.678.477.490.264	64.376.928.839.678	47.301.548.650.586			
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	59.112.699.000.000	47.107.714.000.000	25.593.408.000.000	79.736.804.239.365	43.630.948.907.275	36.105.855.332.090	108.586.826.893.961	63.576.440.944.933	45.010.385.949.028			
*	CHI ĐONS ĐP loại trừ yếu tố hạch toán nội bộ (bổ sung cho cấp dưới, cấp dưới nộp lên)	59.072.511.000.000	33.519.291.000.000	25.553.220.000.000	79.736.804.239.365	43.630.948.907.275	36.105.855.332.090	86.596.699.709.859	46.659.358.295.858	39.937.341.414.001			
*	CHI CÂN ĐỐI NS ĐP (loại trừ yếu tố hạch toán nội bộ và chi chuyển nguồn)	59.072.511.000.000	33.519.291.000.000	25.553.220.000.000	72.493.167.529.245	39.055.983.125.746	33.437.184.403.499	63.159.224.582.856	32.648.400.687.176	30.510.823.895.680	87,12%	83,59%	91,25%
I	Chi đầu tư phát triển	24.315.680.000.000	15.725.540.000.000	8.590.140.000.000	33.008.288.236.308	21.177.847.871.957	11.830.440.364.351	26.966.654.662.810	16.084.916.827.362	10.881.737.835.448	81,70%	75,95%	91,98%
1	Chi đầu tư XD CB	23.315.680.000.000	14.725.540.000.000	8.590.140.000.000	32.508.288.236.308	20.677.847.871.957	11.830.440.364.351	26.503.493.997.566	15.621.756.162.118	10.881.737.835.448	81,53%	75,55%	91,98%
a	Chi XD CB bằng nguồn vốn trong nước	22.965.000.000.000	14.374.860.000.000	8.590.140.000.000	32.157.608.236.308	20.327.167.871.957	11.830.440.364.351	24.610.246.113.777	13.728.508.278.329	10.881.737.835.448	76,53%	67,54%	91,98%
	+ Trong đó: GTGC dự án BT	3.500.000.000.000	3.500.000.000.000		3.348.080.314.424		0	73.386.282.424	73.386.282.424	0	2,19%	2,19%	
	+ Không kể BT	10.874.860.000.000	10.874.860.000.000		28.809.527.921.884	16.979.087.557.533	11.830.440.364.351	24.536.859.831.353	13.655.121.995.905	10.881.737.835.448	85,17%	80,42%	91,98%
b	Chi XD CB bằng nguồn vốn ngoài nước	350.000.000.000	350.000.000.000		1.893.247.883.789	1.893.247.883.789	0	1.893.247.883.789	1.893.247.883.789	0	100,00%	100,00%	
2	Chi bổ sung vốn cho các Quỹ	350.000.000.000	350.000.000.000		350.000.000.000	350.000.000.000	0	350.000.000.000	350.000.000.000	0	100,00%	100,00%	
3	Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	100.000.000.000	100.000.000.000		100.000.000.000	100.000.000.000	0	63.160.665.244	63.160.665.244	0	63,16%	63,16%	
4	Chi đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất	550.000.000.000	550.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	0	50.000.000.000	50.000.000.000	0	100,00%	100,00%	
II	Chi trả nợ và hoàn trả các khoản huy động	703.000.000.000	703.000.000.000		763.346.000.000	763.346.000.000	0	746.091.212.743	746.091.212.743	0	97,74%	97,74%	
III	Chi thường xuyên	30.747.274.000.000	15.776.876.000.000	14.970.398.000.000	38.711.073.292.937	17.104.329.253.789	21.606.744.039.148	35.358.203.528.813	15.729.117.468.581	19.629.086.060.232	91,34%	91,96%	90,85%
1	Chi an ninh - quốc phòng	1.081.048.000.000	462.660.000.000	618.388.000.000	1.771.907.849.022	769.707.787.700	1.002.200.061.322	1.433.009.017.800	489.731.503.645	943.277.514.155	80,87%	63,63%	94,12%
2	Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	8.514.656.000.000	2.063.914.000.000	6.450.742.000.000	10.989.782.093.318	2.099.322.830.113	8.890.459.263.205	9.988.767.451.363	1.981.922.842.411	8.006.844.608.952	90,89%	94,41%	90,06%
3	Chi sự nghiệp Y tế	2.948.313.000.000	2.785.473.000.000	162.840.000.000	3.009.332.765.890	2.797.486.882.791	211.845.883.099	2.956.842.467.322	2.747.530.600.443	209.311.866.879	98,26%	98,21%	98,80%
4	Chi sự nghiệp khoa học- công nghệ	313.203.000.000	313.203.000.000		342.592.466.470	341.092.466.470	1.500.000.000	261.645.468.949	260.323.021.089	1.322.447.860	76,37%	76,32%	88,16%
5	Chi sự nghiệp môi trường	2.390.972.000.000	1.152.710.000.000	1.238.262.000.000	2.651.062.794.034	1.265.719.269.560	1.385.343.524.474	2.456.295.196.763	1.165.417.763.836	1.290.877.432.927	92,65%	92,08%	93,18%
6	Chi sự nghiệp văn hoá- thông tin	578.292.000.000	439.235.000.000	139.057.000.000	848.073.976.846	462.206.209.438	385.867.767.408	812.008.150.785	436.612.526.058	375.395.624.727	95,75%	94,46%	97,29%
7	Chi sự nghiệp phát thanh- truyền hình	57.872.000.000		57.872.000.000	177.028.999.736	70.548.502.200	106.480.497.536	175.585.275.321	70.548.502.200	105.036.773.121	99,18%	100,00%	98,64%
8	Chi sự nghiệp thể dục- thể thao	549.137.000.000	448.147.000.000	100.990.000.000	526.354.845.842	449.950.697.101	76.404.148.741	514.707.218.455	439.198.274.138	75.508.944.317	97,79%	97,61%	98,83%
9	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	2.119.282.000.000	677.890.000.000	1.441.392.000.000	2.328.669.150.898	529.881.621.185	1.798.787.529.713	2.194.159.984.777	496.051.813.085	1.698.108.171.692	94,22%	93,62%	94,40%
10	Chi sự nghiệp kinh tế	5.762.215.000.000	4.321.898.000.000	1.440.317.000.000	7.081.815.280.897	5.128.794.350.787	1.953.020.930.110	6.550.606.976.769	4.825.345.677.339	1.725.261.299.430	92,50%	94,08%	88,34%
11	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	4.686.338.000.000	1.563.036.000.000	3.123.302.000.000	6.974.108.755.462	1.741.544.075.092	5.232.564.680.370	6.243.965.276.296	1.511.231.192.980	4.732.734.083.316	89,53%	86,78%	90,45%
12	Chi trợ giá	1.161.800.000.000	1.161.800.000.000		1.183.424.113.310	1.140.257.368.000	43.166.745.310	1.122.670.861.479	1.082.885.530.519	39.785.330.960	94,87%	94,97%	92,17%
13	Chi thường xuyên khác	584.146.000.000	386.910.000.000	197.236.000.000	826.920.201.210	307.817.193.352	519.103.007.858	647.940.182.734	222.318.220.838	425.621.961.896	78,36%	72,22%	81,99%
IV	Chi khác (Chi thoái trả tiền thuế theo quy định,...)							77.815.178.490	77.815.178.490	0			
V	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	2.112.692.000.000	450.000.000.000	1.662.692.000.000				0	0	0			
VI	Dự phòng ngân sách	1.183.405.000.000	853.415.000.000	329.990.000.000				0	0	0			
VII	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000		10.460.000.000	10.460.000.000		10.460.000.000	10.460.000.000	0	100,00%	100,00%	
VIII	Chi chuyển nguồn ngân sách từ năm 2015 sang năm 2016				7.243.636.710.120	4.574.965.781.529	2.668.670.928.591	23.437.475.127.003	14.010.957.608.682	9.426.517.518.321			
IX	Chi bổ sung cho cấp dưới		13.588.423.000.000					21.916.156.250.412	16.917.082.649.075	4.999.073.601.337			
1	Bổ sung cân đối		7.291.481.000.000					8.849.687.597.911	7.278.464.277.485	1.571.223.320.426			
2	Bổ sung có mục tiêu		6.296.942.000.000					13.066.468.652.501	9.638.618.371.590	3.427.850.280.911			
X	Chi hoàn trả các cấp NS	40.188.000.000		40.188.000.000				73.970.933.690	0	73.970.933.690			
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NS	3.771.971.000.000	3.495.185.000.000	276.786.000.000	5.786.347.701.558	3.495.185.000.000	2.291.162.701.558	3.091.650.596.303	800.487.894.745	2.291.162.701.558	53,43%	22,90%	100,00%

QUYẾT TOÁN CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số	Trong đó	
			Thành phố	Quận, huyện, thị xã (bao gồm cả xã, phường, thị trấn)
I	Dự toán	5.786.347.701.558	3.495.185.000.000	2.291.162.701.558
II	Quyết toán	3.091.650.596.303	800.487.894.745	2.291.162.701.558
1	Chi quản lý hành chính	188.610.202.181	159.536.326.328	29.073.875.853
2	Chi sự nghiệp kinh tế	121.508.900.070	50.839.278.790	70.669.621.280
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	2.590.278.166.443	462.431.165.319	2.127.847.001.124
4	Chi sự nghiệp y tế	64.991.229.900	64.909.622.749	81.607.151
5	Chi sự nghiệp văn hóa	62.204.265.818	42.552.727.168	19.651.538.650
6	Chi sự nghiệp PTTH	738.236.653		738.236.653
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	15.863.625.201		15.863.625.201
8	Chi đảm bảo xã hội	20.854.474.069	20.218.774.391	635.699.678
9	Chi khác	26.601.495.968		26.601.495.968

Ghi chú: Số ghi chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách cấp Thành phố giảm so với dự toán chủ yếu do giảm số ghi chi viện phí chuyển thành giá dịch vụ khám chữa bệnh, không phản ánh vào ngân sách Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính.

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ THÀNH PHỐ NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên Chương trình mục tiêu	Dự toán năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang											Quyết toán					
		Tổng số	Ngân sách Trung ương				Ngân sách địa phương											
			Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp							
				Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2015	Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2015		Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2015	Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2015	Tổng số	ĐTPT	Sự nghiệp			
	Tổng cộng (A+B)	6.514.001.586.008	106.912.140.000		1.000.000.000	31.700.000.000	74.212.140.000	6.407.089.446.008	13.557.587.296	6.080.870.000.000	38.804.858.712	273.857.000.000	6.240.619.123.002	5.923.241.187.122	317.377.935.880			
A	Chương trình mục tiêu Quốc gia	1.663.389.949.796	106.912.140.000		1.000.000.000	31.700.000.000	74.212.140.000	1.556.477.809.796	13.471.776.296	1.369.370.000.000	14.690.033.500	158.946.000.000	1.427.082.622.282	1.224.377.012.385	202.705.609.897			
1	Chương trình MTQG việc làm và dạy nghề	125.348.842.000	55.550.000.000			31.700.000.000	23.850.000.000	69.798.842.000			7.448.842.000	62.350.000.000	76.685.837.978		76.685.837.978			
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	539.591.531.000						539.591.531.000	3.091.531.000	535.000.000.000		1.500.000.000	487.458.809.041	485.992.925.041	1.465.884.000			
3	Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	18.870.000.000						18.870.000.000		18.870.000.000			8.480.934.805	8.480.934.805				
4	Chương trình MTQG y tế	19.253.000.000	10.353.000.000				10.353.000.000	8.900.000.000				8.900.000.000	18.057.652.000		18.057.652.000			
5	Chương trình MTQG dân số và kế hoạch hóa gia đình	24.593.091.500	19.301.140.000				19.301.140.000	5.291.951.500			791.951.500	4.500.000.000	24.118.918.157		24.118.918.157			
6	Chương trình MTQG vệ sinh an toàn thực phẩm	9.712.000.000	1.258.000.000				1.258.000.000	8.454.000.000				8.454.000.000	9.258.675.229		9.258.675.229			
7	Chương trình MTQG phòng, chống HIV/AIDS	4.853.000.000	2.853.000.000				2.853.000.000	2.000.000.000				2.000.000.000	4.853.000.000		4.853.000.000			
8	Chương trình MTQG về văn hóa	112.940.000.000	2.440.000.000		1.000.000.000		1.440.000.000	110.500.000.000		109.100.000.000		1.400.000.000	91.963.175.504	89.527.843.104	2.435.332.400			
9	Chương trình MTQG về giáo dục và đào tạo	61.819.000.000	6.157.000.000				6.157.000.000	55.662.000.000				55.662.000.000	46.297.279.200		46.297.279.200			
10	Chương trình MTQG phòng chống ma túy	10.849.240.000	7.900.000.000				7.900.000.000	2.949.240.000			1.449.240.000	1.500.000.000	8.365.941.800		8.365.941.800			
11	Chương trình MTQG phòng chống tội phạm	9.400.000.000	1.100.000.000				1.100.000.000	8.300.000.000			5.000.000.000	3.300.000.000	2.013.559.000		2.013.559.000			
12	Chương trình MTQG sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	6.000.000.000						6.000.000.000				6.000.000.000	5.957.790.000		5.957.790.000			
13	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	680.000.000.000						680.000.000.000		680.000.000.000			605.984.817.386	605.984.817.386				
14	Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa	38.160.245.296						38.160.245.296	10.380.245.296	26.400.000.000		1.380.000.000	35.617.252.640	34.390.492.049	1.226.760.591			
15	Chương trình MTQG: Triển khai các kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu	230.000.000						230.000.000				230.000.000	198.979.542		198.979.542			
16	Chương trình MTQG cải thiện và phục hồi môi trường tại một số khu vực bị ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu	885.000.000						885.000.000				885.000.000	885.000.000		885.000.000			

TT	Tên Chương trình mục tiêu	Dự toán năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang										Quyết toán			
		Tổng số	Ngân sách Trung ương				Ngân sách địa phương								
			Tổng số	ĐIPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐIPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐIPT	Sự nghiệp
				Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2015	Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2015		Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2015	Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2015			
17	Chương trình MTQG khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường các làng nghề bị ô nhiễm	885.000.000						885.000.000				885.000.000	885.000.000		885.000.000
B	Chương trình mục tiêu của Thành phố	4.850.611.636.212						4.850.611.636.212	85.811.000	4.711.500.000.000	24.114.825.212	114.911.000.000	4.813.536.500.720	4.698.864.174.737	114.672.325.983
1	Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin	126.133.525.212						126.133.525.212		26.000.000.000	23.533.525.212	76.600.000.000	108.145.817.895	25.396.767.422	82.749.050.473
2	Chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015	4.724.478.111.000						4.724.478.111.000	85.811.000	4.685.500.000.000	581.300.000	38.311.000.000	4.705.390.682.825	4.673.467.407.315	31.923.275.510

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH CẤP QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên quận, huyện, thị xã	Dự toán năm 2015					Quyết toán 2015 (số quận, huyện thực rút trong năm 2015)			So sánh QT/DT			
		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm					
			Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu				Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu				
				Tổng số	Trong đó	Bổ sung cân đối			Bổ sung mục tiêu				
	Tổng số	16.932.039.929.000	7.291.481.000.000	9.640.558.929.000	6.284.942.000.000	3.355.616.929.000	16.917.082.649.075	7.278.464.277.485	9.638.618.371.590	99,8%	100,0%		
1	Quận Hoàn Kiếm	75.442.651.000		75.442.651.000		75.442.651.000	75.442.651.000		75.442.651.000		100,0%		
2	Quận Ba Đình	59.855.750.000		59.855.750.000		59.855.750.000	59.855.750.000		59.855.750.000		100,0%		
3	Quận Đống Đa	68.219.158.000		68.219.158.000		68.219.158.000	68.219.158.000		68.219.158.000		100,0%		
4	Quận Hai Bà Trưng	79.122.063.000		79.122.063.000		79.122.063.000	79.122.063.000		79.122.063.000		100,0%		
5	Quận Thanh Xuân	76.829.374.000		76.829.374.000		76.829.374.000	76.829.374.000		76.829.374.000		100,0%		
6	Quận Tây Hồ	90.182.452.000	61 467 000 000	28.715.452.000	17 287 000 000	11.428.452.000	89.397.141.821	60.681.689.821	28.715.452.000	98,7%	100,0%		
7	Quận Cầu Giấy	53.662.382.000		53.662.382.000		53.662.382.000	53.662.082.000		53.662.082.000		100,0%		
8	Quận Hoàng Mai	47.031.367.000	15 189 000 000	31.842.367.000		31.842.367.000	46.423.307.712	14.580.940.712	31.842.367.000	96,0%	100,0%		
9	Quận Long Biên	82.473.459.000	63 768 000 000	18.705.459.000		18.705.459.000	82.112.403.415	63.406.944.415	18.705.459.000	99,4%	100,0%		
10	Thị xã Sơn Tây	712.138.802.000	334 396 000 000	377.742.802.000	291 410 000 000	86.332.802.000	711.371.193.085	333.900.891.085	377.470.302.000	99,9%	99,9%		
11	Quận Hà Đông	215.624.588.000	194 741 000 000	20.883.588.000	960 000 000	19.923.588.000	214.928.888.980	194.045.300.980	20.883.588.000	99,6%	100,0%		
12	Huyện Thanh Trì	516.089.385.000	274 806 000 000	241.283.385.000	114 825 000 000	126.458.385.000	515.503.787.975	274.220.402.975	241.283.385.000	99,8%	100,0%		
13	Huyện Gia Lâm	615.661.136.000	340 799 000 000	274.862.136.000	158 859 000 000	116.003.136.000	614.629.520.839	340.139.684.839	274.489.836.000	99,8%	99,9%		
14	Huyện Sóc Sơn	1.112.332.656.000	472 799 000 000	639.533.656.000	433 482 000 000	206.051.656.000	1.111.449.344.808	472.446.455.808	639.002.889.000	99,9%	99,9%		
15	Huyện Đông Anh	790.036.033.000	395 736 000 000	394.300.033.000	265 408 000 000	128.892.033.000	789.553.820.422	395.329.407.422	394.224.413.000	99,9%	100,0%		
16	Quận Nam Từ Liêm	334.570.632.000		334.570.632.000	120 294 000 000	214.276.632.000	334.570.632.000		334.570.632.000		100,0%		
17	Huyện Mê Linh	746.543.730.000	326 835 000 000	419.708.730.000	264 858 000 000	154.850.730.000	746.028.132.500	326.319.402.500	419.708.730.000	99,8%	100,0%		
18	Huyện Quốc Oai	961.992.997.000	342 090 000 000	619.902.997.000	416 233 000 000	203.669.997.000	961.038.971.141	341.135.974.141	619.902.997.000	99,7%	100,0%		
19	Huyện Chương Mỹ	969.128.569.000	451 154 000 000	517.974.569.000	370 834 000 000	147.140.569.000	968.750.284.252	450.775.715.252	517.974.569.000	99,9%	100,0%		

STT	Tên quận, huyện, thị xã	Dự toán năm 2015					Quyết toán 2015 (số quận, huyện thực rút trong năm 2015)			So sánh QT/DT	
		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm			
			Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu				Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu		
				Tổng số	Trong đó						
					QĐ 6599/QĐ-UBND	Bổ sung trong năm				Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu
20	Huyện Thanh Oai	775.436.571.000	380 355 000 000	395.081.571.000	295 750 000 000	99.331.571.000	774.658.567.590	379.854.809.000	394.803.758.590	99,9%	99,9%
21	Huyện Ứng Hòa	969.649.770.000	451 723 000 000	517.926.770.000	322 746 000 000	195.180.770.000	969.084.922.000	451.158.152.000	517.926.770.000	99,9%	100,0%
22	Huyện Mỹ Đức	1.052.535.681.000	406 957 000 000	645.578.681.000	477 884 000 000	167.694.681.000	1.052.107.618.000	406.528.937.000	645.578.681.000	99,9%	100,0%
23	Huyện Thường Tín	786.769.391.000	420 131 000 000	366.638.391.000	270 299 000 000	96.339.391.000	785.997.833.130	419.359.442.130	366.638.391.000	99,8%	100,0%
24	Huyện Phú Xuyên	936.673.165.000	443 885 000 000	492.788.165.000	353 980 000 000	138.808.165.000	936.039.927.670	443.251.762.670	492.788.165.000	99,9%	100,0%
25	Huyện Ba Vì	1.607.173.993.000	529 494 000 000	1.077.679.993.000	760 718 000 000	316.961.993.000	1.606.729.620.743	529.049.627.743	1.077.679.993.000	99,9%	100,0%
26	Huyện Phúc Thọ	759.445.871.000	366 813 000 000	392.632.871.000	278 196 000 000	114.436.871.000	758.860.421.145	366.227.550.145	392.632.871.000	99,8%	100,0%
27	Huyện Thạch Thất	887.593.842.000	380 940 000 000	506.653.842.000	404 557 000 000	102.096.842.000	886.939.332.264	380.696.748.264	506.242.584.000	99,9%	99,9%
28	Huyện Đan Phượng	641.256.615.000	294 789 000 000	346 467 615 000	243 158 000 000	103.309.615.000	640.629.246.008	294.161.631.008	346.467.615.000	99,8%	100,0%
29	Huyện Hoài Đức	669.102.100.000	273 846 000 000	395.256.100.000	272 187 000 000	123.069.100.000	668.169.988.708	272.913.888.708	395.256.100.000	99,7%	100,0%
30	Quận Bắc Từ Liêm	239.465.746.000	68 768 000 000	170.697.746.000	151 017 000 000	19.680.746.000	238.976.664.867	68.278.918.867	170.697.746.000	99,3%	100,0%

QUYẾT TOÁN CHI ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO CÁC LĨNH VỰC NĂM 2015

Đơn vị tính: Đồng

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Dự toán đầu năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp lĩnh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
	TỔNG CỘNG	16.226.876.000.000	1.563.035.600.000	1.161.800.000.000	1.152.710.000.000	4.321.898.400.000	2.063.914.000.000	2.785.473.000.000	313.203.000.000	439.235.000.000	0	448.147.000.000	677.890.000.000	462.660.000.000	836.910.000.000
1	Văn phòng UBND Thành phố	93.219.000.000	70.791.000.000						21.774.000.000					-	654.000.000
2	Văn phòng ĐDBQH và HĐND TP	22.880.000.000	22.880.000.000											-	-
3	Sở Ngoại vụ Hà Nội	39.805.000.000	39.148.000.000			657.000.000								-	-
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	47.300.600.000	29.742.600.000			14.548.000.000			3.010.000.000					-	-
5	Sở Tư pháp Hà Nội	54.503.000.000	27.273.000.000				621.000.000							0	26.609.000.000
6	Sở Công thương	161.224.400.000	122.462.000.000			35.740.400.000	890.000.000							-	2.132.000.000
7	Sở Khoa học công nghệ	159.657.000.000	18.568.000.000						141.089.000.000					-	-
8	Sở Tài chính	58.633.000.000	57.481.000.000			672.000.000	480.000.000							-	-
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.433.389.000.000	26.176.000.000				1.407.213.000.000							0	
10	Sở Y tế	2.050.660.000.000	25.617.000.000			1.626.000.000	23.133.000.000	2.000.284.000.000						-	-
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	484.368.000.000	39.498.000.000		5.000.000.000		59.841.000.000						380.029.000.000	-	-
12	Sở Văn hoá và Thể thao	718.252.000.000	27.169.000.000			600.000.000	0			222.568.000.000		448.147.000.000		0	19.768.000.000
13	Sở Du lịch													0	
14	Sở Thông tin và truyền thông	81.773.000.000	26.226.000.000			1.752.000.000	2.716.000.000		32.529.000.000					0	18.550.000.000
15	Sở Nội vụ	122.189.000.000	99.189.000.000			8.000.000.000	15.000.000.000							-	-
16	Thanh tra Thành phố	26.647.000.000	26.647.000.000											0	0
17	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	11.154.000.000	11.154.000.000											-	-
18	Văn phòng Thành ủy	219.335.000.000	178.991.000.000				18.830.000.000	17.081.000.000						-	4.433.000.000
19	Ủy ban Mật trận tổ quốc	28.672.000.000	28.672.000.000											-	-
20	Thành đoàn Hà Nội	104.860.000.000	25.283.000.000			2.750.000.000	19.822.000.000			57.005.000.000				0	0
21	Hội liên hiệp phụ nữ	17.572.000.000	16.400.000.000				1.172.000.000							-	-
22	Hội Nông dân	12.558.000.000	12.558.000.000											0	0
23	Hội cựu chiến binh	9.681.000.000	9.104.000.000				577.000.000							0	0
24	Trường cao đẳng nghệ thuật Hà Nội	23.887.000.000					23.887.000.000							-	-
25	Trường cao đẳng sư phạm Hà Nội (nay là Đại học Thủ đô Hà Nội)	43.580.000.000					43.580.000.000							-	-

Dự toán đầu năm															
S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
26	Trường đào tạo CB Lê Hồng Phong	91.923.000.000					91.923.000.000							0	0
27	Trường cao đẳng y tế Hà Nội	23.012.000.000					23.012.000.000							-	-
28	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Nội	16.453.000.000					16.453.000.000							-	-
29	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Tây	15.778.000.000				-	15.778.000.000							-	-
30	Trường cao đẳng nghề công nghiệp	30.607.000.000					30.607.000.000							-	-
31	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	70.682.000.000				0	240.000.000			70.442.000.000				0	0
32	Trường CĐ điện tử điện lạnh HN	15.537.000.000					15.537.000.000							-	-
33	Trường cao đẳng thương mại du lịch	24.024.000.000					24.024.000.000							-	-
34	Trường cao đẳng công nghệ công nghệ cao	17.711.000.000					17.711.000.000							-	-
35	Trường cao đẳng sư phạm Hà Tây	51.152.000.000					51.152.000.000							-	-
36	Trường cao đẳng y tế Hà Đông	24.133.000.000					23.644.000.000	489.000.000						-	-
37	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	7.009.000.000					7.009.000.000							-	-
38	Trường cao đẳng công nghệ và môi trường	11.498.000.000					11.498.000.000							0	0
39	TT giáo dục lao động hướng nghiệp thanh niên	10.301.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.301.000.000	-	-
40	Ban Dân tộc Thành phố Hà nội	7.994.000.000	7.770.000.000				224.000.000							-	-
41	Đài phát thanh truyền hình Hà nội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
42	Viện nghiên cứu phát triển KT-XH TP	19.825.000.000					1.166.000.000		18.659.000.000					-	-
43	Bảo kính tế & Đô thị	5.573.000.000												-	5.573.000.000
44	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội	-													0
45	Sở Giao thông vận tải	1.427.295.000.000	153.268.000.000	1.100.000.000.000		170.500.000.000	3.527.000.000								
46	Ban quản lý các KCN và CX	12.199.000.000	9.755.000.000			2.444.000.000									0
47	Quỹ phát triển đất	1.530.000.000				1.530.000.000									
48	Ban chỉ đạo GPMB Thành phố	11.949.000.000	5.745.000.000				333.000.000								5.871.000.000

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Dự toán đầu năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
49	Sở Tài nguyên và Môi trường	224.887.000.000	39.967.000.000			109.245.000.000	74.849.000.000	826.000.000							
50	Sở Quy hoạch Kiến trúc	83.276.000.000	22.468.000.000	0	0	0	59.379.000.000	0		1.429.000.000					0
51	Viện Quy hoạch xây dựng	47.310.000.000	0	0	0	0	47.310.000.000	0		0					0
52	Ban Quản lý đầu tư và xây dựng khu đô thị mới HN	7.170.000.000	5.350.000.000				1.820.000.000								
53	Sở Xây dựng	2.696.898.000.000	171.563.000.000	61.800.000.000		1.036.465.000.000	1.427.027.000.000	43.000.000							
54	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.665.610.000.000	145.647.000.000	0	0	0	1.519.744.000.000	219.000.000							
55	Hội chữ thập đỏ	6.206.000.000	6.206.000.000											-	-
56	Hội liên hiệp văn học nghệ thuật	12.936.000.000	12.936.000.000											-	-
57	Hội Luật gia	1.129.000.000	1.129.000.000											-	-
58	Hội người mù	3.078.000.000	3.078.000.000											-	-
59	Hội nhà báo	2.330.000.000	2.330.000.000											-	-
60	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật	2.154.000.000	2.154.000.000											-	-
61	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	8.656.000.000	8.656.000.000											-	-
62	Hội Đông y	3.984.000.000	3.984.000.000											-	-
63	Hội Cựu thanh niên xung phong	1.600.000.000												-	1.600.000.000
64	Hội Nạn nhân chất độc Da cam	1.050.000.000												-	1.050.000.000
65	Hội Bảo trợ người TT và trẻ mồ côi	1.000.000.000												-	1.000.000.000
66	Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật	850.000.000												-	850.000.000
67	Hội Người khuyết tật	1.350.000.000												-	1.350.000.000
68	Hội Khuyến học	800.000.000												-	800.000.000
69	Ban đại diện Hội người cao tuổi Thành phố Hà Nội	970.000.000												-	970.000.000
70	Hỗ trợ các Hội khác	5.000.000.000	5.000.000.000												
71	Công an Thành phố	154.444.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	154.444.000.000	-
72	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy	37.816.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	37.816.000.000	0
73	Bộ Tư lệnh Thủ đô	266.000.000.000												266.000.000.000	-
74	Câu lạc bộ Thăng Long	1.400.000.000												-	1.400.000.000
75	Ngân hàng chính sách xã hội Hà Nội	22.000.000.000													22.000.000.000
76	Công ty TNHH nhà nước MTV Nhà xuất bản Hà Nội	13.000.000.000								13.000.000.000					

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Dự toán đầu năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
77	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	1.500.000.000													1.500.000.000
78	Cục Thuế Hà Nội	5.000.000.000													5.000.000.000
79	Tòa án nhân dân Thành phố	10.800.000.000													10.800.000.000
80	Cục Thi hành án dân sự TP	2.250.000.000													2.250.000.000
81	Kho bạc nhà nước HN	3.680.000.000													3.680.000.000
82	Viện Kiểm sát nhân dân TP	5.690.000.000													5.690.000.000
83	Cục Thống kê HN	3.460.000.000													3.460.000.000
84	Liên đoàn Lao động TP	13.920.000.000													13.920.000.000
85	Cục Hải quan Hà Nội	-													
86	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ liên kết, hợp tác với tỉnh bạn	100.000.000.000													100.000.000.000
87	Các đơn vị ngành dọc khác	5.000.000.000													5.000.000.000
88	Trường Chính trị- Hành chính Lương PhaBàng														
89	Thanh toán kinh phí mua BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, ... do Thành phố quản lý	710.000.000.000						710.000.000.000							
90	Kinh phí xúc tiến thương mại (chỉ qua Quỹ Xúc tiến thương mại)	50.000.000.000				50.000.000.000									
91	Chi đào tạo thu hút nhân tài (Quỹ ưu đãi khuyến khích tài năng)	20.000.000.000					20.000.000.000								
92	Chi khoa học công nghệ (qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ)	12.713.000.000							12.713.000.000						
93	Chi duy tu, bảo trì đường bộ (qua Quỹ bảo trì đường bộ)	765.000.000.000				765.000.000.000									
94	Kinh phí cho vay GQVL (Quỹ quốc gia giải quyết việc làm thành phố Hà nội)														
95	Các dự án quy hoạch khối quận huyện và các quy hoạch khác														
96	Vốn ngoài nước	12.500.000.000				12.500.000.000									
97	Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động	1.950.000.000											1.950.000.000		

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Dự toán đầu năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
98	Chương trình quốc gia về bình đẳng giới	210.000.000										210.000.000			
99	Chương trình xúc tiến đầu tư	15.000.000.000												15.000.000.000	
100	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	15.000.000.000	15.000.000.000												
101	Kinh phí đền bù hoa màu đất Văn Tào	3.800.000.000				3.800.000.000									
102	Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối	4.000.000.000										4.000.000.000			
103	Đề án phát triển nghề công tác xã hội	500.000.000										500.000.000			
104	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo tác phẩm của Hội VHNT và Hội nhà báo	2.000.000.000							0	2.000.000.000					
105	Những nhiệm vụ đã xác định, UBND Thành phố tổ chức thực hiện theo quy định	514.100.000.000				68.100.000.000				70.000.000.000		270.000.000.000		106.000.000.000	
106	Chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố (sở, ngành thực hiện)	303.915.000.000			2.000.000.000	51.550.000.000	91.226.000.000	57.619.000.000	82.000.000.000	4.220.000.000		10.900.000.000	4.400.000.000		
107	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	450.000.000.000												450.000.000.000	

Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung															
S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
		Tổng số	Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
	TỔNG CỘNG	17.187.117.084.889	1.756.043.743.492	1.140.257.368.000	1.265.719.269.560	5.146.952.538.387	2.117.828.676.113	2.797.980.382.791	356.307.860.570	478.121.444.438	70.548.502.200	449.950.697.101	529.881.621.185	769.707.787.700	307.817.193.352
						1.000.000.000	-	-	22.286.190.843	-	-	-	-	-	843.916.493
1	Văn phòng UBND Thành phố	112.702.479.488	88.572.372.152	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Văn phòng ĐDBQH và HĐND TP	23.616.441.212	23.616.441.212	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Sở Ngoại vụ Hà Nội	36.732.008.779	36.058.381.332	-	-	673.627.447	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	59.866.080.232	37.513.182.367	-	-	14.642.750.000	-	-	7.710.147.865	-	-	-	50.000.000	-	28.181.348.413
5	Sở Tư pháp Hà Nội	68.082.070.313	37.229.721.900	-	-	-	621.000.000	-	2.000.000.000	-	-	-	-	-	2.154.212.000
6	Sở Công thương	171.162.072.973	126.761.135.973	-	-	40.356.725.000	890.000.000	1.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-
7	Sở Khoa học công nghệ	175.243.736.010	18.930.499.382	-	-	-	-	-	156.313.236.628	-	-	-	-	-	-
8	Sở Tài chính	65.573.852.639	57.073.054.381	-	-	470.798.258	480.000.000	-	7.550.000.000	-	-	-	-	-	-
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.482.636.761.897	26.766.182.212	-	-	-	1.455.870.579.685	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Sở Y tế	2.120.757.232.212	25.902.671.082	-	-	1.045.000.000	24.309.581.145	2.068.199.979.985	1.300.000.000	-	-	-	-	-	-
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	576.513.049.856	45.938.824.337	-	5.120.000.000	-	114.180.166.540	-	-	-	-	-	409.142.058.979	-	2.132.000.000
12	Sở Văn hoá và Thể thao	801.191.380.508	28.604.054.637	-	-	2.243.000.000	-	-	300.000.000	308.991.876.768	-	449.340.697.101	50.000.000	-	11.661.752.002
13	Sở Du lịch	15.912.119.998	5.307.553.000	-	-	1.100.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	9.504.566.998
14	Sở Thông tin và truyền thông	171.694.999.164	33.777.436.197	-	-	1.352.000.000	2.210.722.000	-	57.578.840.967	-	40.669.000.000	-	116.000.000	-	35.991.000.000
15	Sở Nội vụ	129.919.573.330	103.919.573.330	-	-	8.000.000.000	15.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-	-	-	-	-
16	Thanh tra Thành phố	28.385.009.337	27.235.009.337	-	-	-	-	-	1.150.000.000	-	-	-	-	-	-
17	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	11.299.000.000	11.299.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30.000.000	-	5.067.407.23
18	Văn phòng Thành ủy	329.512.946.640	254.270.104.254	-	-	-	17.728.000.000	18.291.402.806	31.522.532.347	2.603.500.000	-	-	-	-	-
19	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	31.023.277.606	31.023.277.606	-	-	2.790.139.518	22.405.916.314	-	-	63.509.427.671	-	-	-	-	-
20	Thành đoàn Hà Nội	116.023.348.306	27.317.864.803	-	-	-	1.172.000.000	-	-	-	-	-	35.000.000	-	-
21	Hội liên hiệp phụ nữ	22.528.772.853	21.356.772.853	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Hội Nông dân	13.666.000.000	13.631.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	610.000.000	150.000.000	-	-
23	Hội cựu chiến binh	11.146.727.555	9.809.727.555	-	-	-	577.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Trường cao đẳng nghệ thuật Hà Nội	25.173.464.802	-	-	-	-	25.173.464.802	-	-	-	-	-	-	-	-
25	Trường cao đẳng sư phạm Hà Nội (nay là Đại học Thủ đô Hà Nội)	48.637.615.000	-	-	-	-	48.637.615.000	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Trường đào tạo CB Lê Hồng Phong	79.913.569.066	-	-	-	-	79.913.569.066	-	-	-	-	-	-	-	-
27	Trường cao đẳng y tế Hà Nội	24.839.355.423	-	-	-	-	24.839.355.423	-	-	-	-	-	-	-	-

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Tổng số	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung												
			Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
28	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Nội	16.501.635.000	-	-	-	-	16.501.635.000	-	-	-	-	-	-	-	-
29	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Tây	17.083.449.522	-	-	-	-	17.083.449.522	-	-	-	-	-	-	-	-
30	Trường cao đẳng nghề công nghiệp	32.526.000.000	-	-	-	-	32.526.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
31	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	96.818.129.385	-	-	-	8.000.000.000	240.000.000	-	-	88.578.129.385	-	-	-	-	-
32	Trường CD điện tử điện lạnh HN	15.537.000.000	-	-	-	-	15.537.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Trường cao đẳng thương mại du lịch	25.413.199.078	-	-	-	-	25.413.199.078	-	-	-	-	-	-	-	-
34	Trường cao đẳng công nghệ công nghệ cao	57.822.419.569	-	-	-	-	57.822.419.569	-	-	-	-	-	-	-	-
35	Trường cao đẳng sư phạm Hà Tây	51.245.917.000	-	-	-	-	51.245.917.000	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Trường cao đẳng y tế Hà Đông	24.874.891.350	-	-	-	-	24.385.891.350	489.000.000	-	-	-	-	-	-	-
37	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	5.135.000.000	-	-	-	-	5.135.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Trường cao đẳng công nghệ và môi trường	11.743.000.000	-	-	-	-	11.743.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
39	TT giáo dục lao động hướng nghiệp thanh niên	10.887.728.660	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.887.728.660	-	-
40	Ban Dân tộc Thành phố Hà nội	10.588.767.759	10.364.767.759	-	-	-	224.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
41	Đài phát thanh truyền hình Hà nội	29.879.502.200	-	-	-	-	-	-	-	-	29.879.502.200	-	-	-	-
42	Viện nghiên cứu phát triển KT-XH TP	21.698.512.539	-	-	-	-	1.169.600.619	-	20.528.911.920	-	-	-	-	-	-
43	Bảo kinh tế & Đô thị	5.745.400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.745.400.000
44	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội	25.527.151.000	-	-	-	25.527.151.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
45	Sở Giao thông vận tải	1.493.650.889.780	166.249.937.680	1.100.000.000.000	-	223.686.358.100	3.414.594.000	-	300.000.000	-	-	-	-	-	-
46	Ban quản lý các KCN và CX	12.786.260.000	11.020.000.000	-	-	1.766.260.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
47	Quỹ phát triển đất	1.727.569.490	-	-	-	1.727.569.490	-	-	-	-	-	-	-	-	-
48	Ban chỉ đạo GPMB Thành phố	12.179.311.704	5.898.134.818	-	-	-	333.000.000	-	-	-	-	-	-	-	5.948.176.886
49	Sở Tài nguyên và Môi trường	259.492.588.001	51.158.064.441	-	110.940.523.560	96.568.000.000	826.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
50	Sở Quy hoạch Kiến trúc	67.267.945.075	23.335.950.000	-	-	42.502.995.075	-	-	1.429.000.000	-	-	-	-	-	-

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
51	Viện Quy hoạch xây dựng	51.671.951.300	-	-	-	51.671.951.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
52	Ban Quản lý đầu tư và xây dựng khu đô thị mới HN	7.043.060.649	5.359.627.649	-	-	1.683.433.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
53	Sở Xây dựng	3.149.584.720.953	199.306.093.204	40.257.368.000	1.149.658.746.000	1.758.617.364.061	-	-	-	-	-	-	-	-	1.745.149.688
54	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.964.497.854.809	142.215.314.000	-	-	1.822.063.540.809	219.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
55	Hội chữ thập đỏ	6.286.137.000	6.286.137.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
56	Hội liên hiệp văn học nghệ thuật	13.458.349.708	13.458.349.708	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
57	Hội Luật gia	1.376.360.000	1.376.360.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
58	Hội người mù	3.078.000.000	3.078.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
59	Hội nhà báo	2.464.930.280	2.464.930.280	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
60	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật	2.398.000.000	2.398.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
61	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	10.183.776.866	10.183.776.866	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
62	Hội Đông y	4.009.992.000	4.009.992.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
63	Hội Cựu thanh niên xung phong	2.339.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.339.000.000
64	Hội Nạn nhân chất độc Da cam	1.050.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.050.000.000
65	Hội Bảo trợ người TT và trẻ mồ côi	1.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000
66	Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật	850.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	850.000.000
67	Hội Người khuyết tật	1.350.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.350.000.000
68	Hội Khuyến học	800.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	800.000.000
69	Ban đại diện Hội người cao tuổi Thành phố Hà Nội	970.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	970.000.000
70	Hỗ trợ các Hội khác	4.718.000.000	4.718.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
71	Công an Thành phố	382.173.840.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	382.173.840.000	-
72	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy	76.376.034.555	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	76.376.034.555	-
73	Bộ Tư lệnh Thủ đô	311.157.913.145	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	311.157.913.145	-
74	Câu lạc bộ Thăng Long	1.400.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.400.000.000
75	Ngân hàng chính sách xã hội Hà Nội	24.000.000.000	-	-	-	-	-	-	2.000.000.000	-	-	-	-	-	22.000.000.000
76	Công ty TNHH nhà nước MTV Nhà xuất bản Hà Nội	14.438.510.614	-	-	-	-	-	-	-	14.438.510.614	-	-	-	-	-
77	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	29.543.449.000	-	-	-	-	-	-	750.000.000	-	-	-	28.293.449.000	-	500.000.000
78	Cục Thuế Hà Nội	9.621.410.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.621.410.000

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
79	Tòa án nhân dân Thành phố	10.800.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.800.000.000
80	Cục Thi hành án dân sự TP	2.250.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.250.000.000
81	Kho bạc nhà nước HN	3.680.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.680.000.000
82	Viện Kiểm sát nhân dân TP	5.690.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.690.000.000
83	Cục Thống kê HN	3.460.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.460.000.000
84	Liên đoàn Lao động TP	23.696.154.439	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23.696.154.439
85	Cục Hải quan Hà Nội	2.989.299.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.989.299.200
86	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ liên kết, hợp tác với tỉnh bạn	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
87	Các đơn vị ngành dọc khác	4.252.400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.252.400.000
88	Trường Chính trị - Hành chính Lương PhaBang	144.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	144.000.000
89	Thanh toán kinh phí mua BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, ... do Thành phố quản lý	710.000.000.000	-	-	-	-	-	710.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-
90	Kinh phí xúc tiến thương mại (chỉ qua Quỹ Xúc tiến thương mại)	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
91	Chi đào tạo thu hút nhân tài (Quỹ ưu đãi khuyến khích tài năng)	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
92	Chi khoa học công nghệ (qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ)	40.589.000.000	-	-	-	-	-	-	40.589.000.000	-	-	-	-	-	-
93	Chi duy tu, bảo trì đường bộ (qua Quỹ bảo trì đường bộ)	782.590.000.000	-	-	-	782.590.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
94	Kinh phí cho vay GQVL (Quỹ quốc gia giải quyết việc làm thành phố Hà nội)	80.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	80.000.000.000	-	-
95	Các dự án quy hoạch khối quận huyện và các quy hoạch khác	182.160.748.236	-	-	-	182.160.748.236	-	-	-	-	-	-	-	-	-
96	Vốn ngoài nước	27.088.979.824	1.248.468.185	-	-	24.713.127.093	-	-	-	-	-	-	1.127.384.546	-	-
97	Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
98	Chương trình quốc gia về bình đẳng giới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
99	Chương trình xúc tiến đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
100	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
101	Kinh phí đền bù hoa màu đất Văn Tảo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
102	Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
103	Đề án phát triển nghề công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
104	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo tác phẩm của Hội VHNT và Hội nhà báo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
105	Những nhiệm vụ đã xác định, UBND Thành phố tổ chức thực hiện theo quy định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
106	Chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố (sở, ngành thực hiện)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
107	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Quyết toán năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác	
	TỔNG CỘNG	15.729.117.468.581	1.511.231.192.980	1.082.885.530.519	1.165.417.763.836	4.825.345.677.339	1.981.922.842.411	2.747.530.600.443	260.323.021.089	436.612.526.058	70.548.502.200	439.198.274.138	496.051.813.085	489.731.503.645	222.318.220.838	
1	Văn phòng UBND Thành phố	86.977.752.703	71.377.376.812			753.502.000			14.287.257.074						559.616.817	
2	Văn phòng ĐDBQH và HĐND TP	22.233.924.176	22.233.924.176													
3	Sở Ngoại vụ Hà Nội	31.914.693.362	31.257.693.362			657.000.000										
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	48.111.154.322	27.150.958.344			13.361.123.020			7.599.072.958							
5	Sở Tư pháp Hà Nội	63.616.168.960	35.120.236.501				579.969.500		2.000.000.000				50.000.000		25.865.962.959	
6	Sở Công thương	159.641.702.696	118.227.995.080			37.821.485.616	593.920.000	900.110.000							2.098.192.000	
7	Sở Khoa học công nghệ	130.209.339.954	17.861.278.515						112.348.061.439							
8	Sở Tài chính	58.199.008.787	50.276.706.186			469.984.201			7.452.318.400							
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.441.453.911.210	25.426.652.400				1.416.027.258.810									
10	Sở Y tế	2.071.780.002.057	23.973.787.778			722.517.000	17.154.417.219	2.029.929.280.060								
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	514.708.294.661	34.453.579.498		4.709.285.446		97.309.028.510						376.886.186.163		1.350.215.044	
12	Sở Văn hoá và Thể thao	760.909.174.465	24.233.375.167			181.300.000			289.000.000	286.248.496.111		438.604.019.138	49.710.000		11.303.274.049	
13	Sở Du lịch	13.259.815.428	4.881.937.327												8.377.878.101	
14	Sở Thông tin và truyền thông	151.652.754.969	31.264.578.077			212.942.950	1.251.849.949		52.409.088.493		40.669.000.000		0		25.845.295.500	
15	Sở Nội vụ	106.234.700.537	91.242.657.037			1.403.100.000	10.589.043.500		2.999.900.000							
16	Thanh tra Thành phố	28.089.553.989	27.157.918.989						931.635.000							
17	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	9.883.685.301	9.883.685.301													
18	Văn phòng Thành ủy	215.758.995.481	153.848.481.003				17.728.000.000	17.589.106.677	19.614.735.143	2.603.500.000			30.000.000		4.345.172.658	
19	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	27.556.937.495	27.556.937.495													
20	Thành đoàn Hà Nội	103.653.201.537	24.415.791.985			2.750.596.518	19.453.287.701			57.033.525.333						
21	Hội liên hiệp phụ nữ	19.525.798.545	18.382.567.525				1.143.231.020									
22	Hội Nông dân	12.990.471.507	12.955.471.507										35.000.000			
23	Hội cựu chiến binh	10.530.571.786	9.318.848.865				467.467.921					594.255.000	150.000.000			
24	Trường cao đẳng nghệ thuật Hà Nội	21.880.112.636					21.880.112.636									
25	Trường cao đẳng sư phạm Hà Nội (nay là Đại học Thủ đô Hà Nội)	47.443.602.769					47.443.602.769									
26	Trường đào tạo CB Lê Hồng Phong	72.443.220.862					72.443.220.862									
27	Trường cao đẳng y tế Hà Nội	21.317.230.069					21.317.230.069									

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Quyết toán năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
28	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Nội	16.443.945.943					16.443.945.943								
29	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Tây	15.610.149.699					15.610.149.699								
30	Trường cao đẳng nghề công nghiệp	32.448.680.193					32.448.680.193								
31	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	89.617.171.290				5.660.033.875	238.985.000			83.718.152.415					
32	Trường CD điện tử điện lạnh HN	13.637.000.000					13.637.000.000								
33	Trường cao đẳng thương mại du lịch	22.403.498.525					22.403.498.525								
34	Trường cao đẳng công nghệ công nghệ cao	27.101.222.569					27.101.222.569								
35	Trường cao đẳng sư phạm Hà Tây	47.246.595.104					47.246.595.104								
36	Trường cao đẳng y tế Hà Đông	19.372.350.600					18.948.076.100	424.274.500							
37	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	4.778.582.898					4.778.582.898								
38	Trường cao đẳng công nghệ và môi trường	11.739.334.137					11.739.334.137								
39	TT giáo dục lao động hướng nghiệp thanh niên	9.430.083.376											9.430.083.376		
40	Ban Dân tộc Thành phố Hà nội	7.690.582.931	7.466.582.931				224.000.000								
41	Đài phát thanh truyền hình Hà nội	29.879.502.200									29.879.502.200				
42	Viện nghiên cứu phát triển KT-XH TP	16.965.793.664					997.325.082		15.968.468.582						
43	Bảo kinh tế & Đô thị	5.743.077.075													5.743.077.075
44	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội	20.780.936.753				20.780.936.753									
45	Sở Giao thông vận tải	1.421.997.889.224	154.136.011.198	1.080.371.360.519		183.798.788.812	3.398.066.695		293.662.000						-
46	Ban quản lý các KCN và CX	12.771.413.710	11.008.436.750			1.762.976.960									
47	Quỹ phát triển đất	1.396.091.159				1.396.091.159									
48	Ban chỉ đạo GPMB Thành phố	9.637.988.604	5.507.389.031				298.850.000								3.831.749.573
49	Sở Tài nguyên và Môi trường	233.184.215.781	46.735.549.295		95.364.061.512	90.275.824.974	808.780.000								
50	Sở Quy hoạch Kiến trúc	39.142.591.126	22.852.762.753	-	-	14.910.006.373	-		1.379.822.000						

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Quyết toán năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
51	Viện Quy hoạch xây dựng	28.034.392.255	0	-	0	28.034.392.255	0		0						0
52	Ban Quản lý đầu tư và xây dựng khu đô thị mới HN	5.029.034.637	4.976.146.637			52.888.000									
53	Sở Xây dựng	2.970.791.613.311	182.375.612.672	2.514.170.000	1.065.344.416.878	1.720.478.408.961									79.004.800
54	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.800.796.403.297	140.180.390.714	-	-	1.660.397.902.583	218.110.000								
55	Hội chữ thập đỏ	6.277.367.886	6.277.367.886												
56	Hội liên hiệp văn học nghệ thuật	11.173.864.258	11.173.864.258												
57	Hội Luật gia	1.374.000.000	1.374.000.000												
58	Hội người mù	3.078.000.000	3.078.000.000												
59	Hội nhà báo	1.776.823.150	1.776.823.150												
60	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật	2.266.309.310	2.266.309.310												
61	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	10.135.047.280	10.135.047.280												
62	Hội Đông y	3.911.992.000	3.911.992.000												
63	Hội Cựu thanh niên xung phong	2.339.000.000													2.339.000.000
64	Hội Nạn nhân chất độc Da cam	1.000.000.000													1.000.000.000
65	Hội Bảo trợ người TT và trẻ mồ côi	1.000.000.000													1.000.000.000
66	Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật	850.000.000													850.000.000
67	Hội Người khuyết tật	1.333.000.000													1.333.000.000
68	Hội Khuyến học	800.000.000													800.000.000
69	Ban đại diện Hội người cao tuổi Thành phố Hà Nội	855.540.161													855.540.161
70	Hỗ trợ các Hội khác	2.248.000.000	2.248.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
71	Công an Thành phố	138.417.688.213												138.417.688.213	
72	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy	40.155.902.287												40.155.902.287	
73	Bộ Tư lệnh Thủ đô	311.157.913.145												311.157.913.145	
74	Câu lạc bộ Thăng Long	1.350.000.000													1.350.000.000
75	Ngân hàng chính sách xã hội Hà Nội	17.127.943.552								2.000.000.000					15.127.943.552
76	Công ty TNHH nhà nước MTV Nhà xuất bản Hà Nội	7.008.852.199								7.008.852.199					
77	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	29.543.449.000								750.000.000				28.293.449.000	500.000.000
78	Cục Thuế Hà Nội	9.621.410.000													9.621.410.000

S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Quyết toán năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
79	Tòa án nhân dân Thành phố	7.324.060.288												7.324.060.288	
80	Cục Thi hành án dân sự TP	1.818.707.616												1.818.707.616	
81	Kho bạc nhà nước HN	2.782.667.006												2.782.667.006	
82	Viện Kiểm sát nhân dân TP	5.690.000.000												5.690.000.000	
83	Cục Thống kê HN	3.460.000.000												3.460.000.000	
84	Liên đoàn Lao động TP	23.696.154.439												23.696.154.439	
85	Cục Hải quan Hà Nội	2.989.299.200												2.989.299.200	
86	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ liên kết, hợp tác với tỉnh bạn	47.592.000.000												47.592.000.000	
87	Các đơn vị ngành dọc khác	2.645.000.000												2.645.000.000	
88	Trường Chính trị- Hành chính Lương PhaBàng	144.000.000												144.000.000	
89	Thanh toán kinh phí mua BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, ... do Thành phố quản lý	698.687.829.206						698.687.829.206							
90	Kinh phí xúc tiến thương mại (chỉ qua Quỹ Xúc tiến thương mại)	50.000.000.000				50.000.000.000									
91	Chi đào tạo thu hút nhân tài (Quỹ ưu đãi khuyến khích tài năng)	20.000.000.000					20.000.000.000								
92	Chi khoa học công nghệ (qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ)	20.000.000.000							20.000.000.000						
93	Chi duy tu, bảo trì đường bộ (qua Quỹ bảo trì đường bộ)	782.590.000.000				782.590.000.000									
94	Kinh phí cho vay GQVL (Quỹ quốc gia giải quyết việc làm thành phố Hà nội)	80.000.000.000										80.000.000.000			
95	Các dự án quy hoạch khối quận huyện và các quy hoạch khác	182.160.748.236				182.160.748.236									
96	Vốn ngoài nước	27.088.979.824	1.248.468.185			24.713.127.093							1.127.384.546		
97	Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động	-													
98	Chương trình quốc gia về bình đẳng giới	-													
99	Chương trình xúc tiến đầu tư	-													

		Quyết toán năm													
S T T	Tên Sở, ngành, đơn vị	Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi ANQP	Chi sự nghiệp khác
100	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	-													
101	Kinh phí đền bù hoa màu đất Văn Tào	-													
102	Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối	-													
103	Đề án phát triển nghề công tác xã hội	-													
104	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo tác phẩm của Hội VHNT và Hội nhà báo	-													
105	Những nhiệm vụ đã xác định, UBND Thành phố tổ chức thực hiện theo quy định	-													
106	Chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố (sở, ngành thực hiện)	-													
107	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	-													

**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH
THUỘC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2015**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kinh phí quyết toán	Ghi chú
1	Quyết toán các dự án nguồn XDCB tập trung và chương trình mục tiêu giải ngân qua kho bạc	9.828.205.975.574	Phụ lục 9.1
2	Quyết toán các dự án nguồn Xổ số kiến thiết giải ngân qua kho bạc	198.685.052.200	Phụ lục 9.2
3	Quyết toán các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố	1.568.024.500.126	Phụ lục 9.3
4	Quyết toán các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Phát triển đất Thành phố	1.910.275.388.105	Phụ lục 9.4
5	Tổng hợp chi đầu tư XDCB bằng Lệnh chi tiền	73.386.282.424	Phụ lục 9.5
6	Tổng hợp chi đầu tư XDCB nguồn vốn ODA	1.893.247.883.789	Phụ lục 9.6
	Tổng số	15.471.825.082.218	

QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIẢI NGÂN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HÀ NỘI

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng	14.108.110.823.531	2.464.742.269.894	11.643.368.553.637	9.828.205.975.574
1	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II (Quận Hai Bà Trưng thực hiện)	11.658.577.700	167.577.700	11.491.000.000	9.680.681.782
2	Mở rộng, nâng cấp đường Thanh Nhân	114.485.247.460	4.485.247.460	110.000.000.000	101.935.776.470
3	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II (Quận Đống Đa thực hiện)	66.359.907.819	62.769.907.819	3.590.000.000	18.813.096.882
4	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II Quận Cầu Giấy thực hiện)	14.855.725.198	757.725.198	14.098.000.000	14.504.065.034
5	Đường Nguyễn Phong Sắc - Vành đai 3	227.786.957	2.846.957	224.940.000	224.940.000
6	Trường Tiểu học Yên Hòa 2 (Cầu Giấy)	5.000.000	5.000.000	0	4.000.000
7	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II (Quận Thanh Xuân thực hiện)	22.139.943.088	10.810.943.088	11.329.000.000	14.297.744.771
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh Hồ Tây	78.202.397.000	28.202.397.000	50.000.000.000	70.170.941.434
9	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II (Quận Tây Hồ thực hiện)	14.057.000.000	0	14.057.000.000	11.769.979.638
10	Xây dựng tuyến đường từ Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thạch Bàn	43.377.795.063	3.377.795.063	40.000.000.000	42.886.415.063
11	Xây dựng đường trên đê Tả Hồng, hữu Đuống nối từ cầu Chương Dương đến đường 5 kéo dài	40.000.000.000	0	40.000.000.000	39.657.930.325
12	Xây dựng tuyến đường Thạch Bàn từ đê sông Hồng đến đường Nguyễn Văn Linh quận Long Biên	428.820.135	428.820.135	0	389.487.020
13	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ với đê Tả Ngạn sông Hồng quận Long Biên	16.406.000.000	0	16.406.000.000	16.406.000.000
14	GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Thạch Bàn quận Long Biên (DA1)	38.475.000	38.475.000	0	19.475.000
15	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại B2-3/N03 phường Việt Hưng Quận Long Biên	8.088.170.004	0	8.088.170.004	8.088.170.004
16	Xây dựng tuyến đường từ Ngọc Thụy đi Khu đô thị mới Thạch Bàn (đoạn Tả Ngạn sông Hồng đến nút giao với đường lên cầu Vĩnh Tuy)	6.178.553.701	1.832.598.000	4.345.955.701	5.839.955.701
17	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Ngô Gia Tự đến đường đê Sông Đuống tại phường Thượng Thanh	7.424.140.151	0	7.424.140.151	7.397.640.152
18	Xây dựng trường Trung học phổ thông Thạch Bàn	5.205.898.880	0	5.205.898.880	4.728.898.880
19	Dự án Chinh trang tuyến đường Nguyễn Sơn, quận Long Biên	1.232.471.335	0	1.232.471.335	1.232.471.335
20	Dự án Chinh trang tuyến đường Ngọc Lâm, quận Long Biên	5.279.324.915	5.279.324.915	0	4.344.115.004
21	Xây dựng tuyến đường nối tiếp từ khu Đền Lừ II đến đường Trương Định - Giáp Bát	38.973.792.934	38.973.792.934	0	2.082.068.056
22	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II (Quận Hoàng Mai thực hiện)	221.609.385.289	27.015.385.289	194.594.000.000	201.313.635.146
23	Bồi thường hỗ trợ tái định cư phục vụ GPMB tạo quỹ đất sạch khu đất tại phường Yên Sở quận Hoàng Mai để thực hiện dự án XD HTKT khu đất đấu giá QSD đất xây dựng nhà ở	253.977.253	253.977.253	0	8.740.000
24	Đường Ngô Quyền giai đoạn I (đoạn từ cầu Am đến cầu Chùa Ngòi)	2.234.879.000	2.234.879.000	0	439.582.000
25	Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm hành chính mới thị xã Hà Đông	1.193.132.000	0	1.193.132.000	1.193.132.000
26	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân Hà Trì, phường Hà Cầu, quận Hà Đông	343.434.307	3.431.000	340.003.307	340.003.307

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
27	Đầu tư xây dựng hạng mục: Hệ thống cấp điện thuộc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Mỗ Lao, thành phố Hà Đông	802.497.298	0	802.497.298	802.497.298
28	Cải tạo chỉnh trang di tích lịch sử văn hoá Thành Cổ Sơn Tây - Hà Nội	2.440.604.000	0	2.440.604.000	2.440.604.000
29	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Trâu Quỳ và xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	1.757.982.756	1.757.982.756	0	1.717.166.358
30	Xây dựng Nhà văn hoá huyện Gia Lâm	340.000.000	0	340.000.000	190.467.000
31	Xây dựng đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long (Nối từ đường Hoàng Quốc Việt) kéo dài.	67.479.013.446	9.698.013.446	57.781.000.000	12.505.867.000
32	Xây dựng tuyến đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đến đường vành đai 4	27.900.280.000	22.900.280.000	5.000.000.000	495.212.083
33	Xây dựng tuyến đường Dịch Vọng - Phú Mỹ - Cầu Diễn	29.000.000.000	0	29.000.000.000	28.999.999.860
34	Đường Bệnh viện Đông Anh - Đền Sái	9.500.000.000	0	9.500.000.000	9.325.429.000
35	CT,NC đường QL3 cụm CN vừa và nhỏ Đông Anh	492.477.046	492.477.046	0	492.477.046
36	Công trình quản lý và phòng cháy chữa cháy rừng huyện Sóc Sơn	18.920.000.000	20.000.000	18.900.000.000	18.920.000.000
37	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn xã Duyên Hà Duyên huyện Thanh Trì	525.951.000	0	525.951.000	525.951.000
38	Xây dựng đường nối Pháp Vân tới khu đất đấu giá tứ Hiệp- Ngũ Hiệp huyện Thanh Trì	37.141.729.000	141.729.000	37.000.000.000	36.069.576.000
39	Gia cố bờ tả sông Nhuệ	15.996.828.000	1.217.638.000	14.779.190.000	15.432.694.000
40	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II (Huyện Thanh Trì thực hiện)	102.812.723.300	4.238.723.300	98.574.000.000	96.759.483.600
41	Xây dựng tuyến đường vào khu đất mới của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Pháp Vân	1.824.375.700	0	1.824.375.700	1.824.375.700
42	Xây dựng tuyến đường nối đường 70 chạy dọc sông Hoà Bình, huyện Thanh Trì	8.352.009.000	8.352.009.000	0	1.551.041.000
43	Xây dựng đường vào phía đông khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An	20.654.716.000	0	20.654.716.000	20.654.716.000
44	Tu bổ, tôn tạo di tích đình thờ Lão tướng Phạm Tu thuộc khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An thuộc huyện Thanh Trì.	1.500.438.000	0	1.500.438.000	1.500.438.000
45	Xây dựng hạ tầng khu đất xây dựng nhà ở đề đấu giá quyền sử dụng đất hai bên tuyến đường vào chợ đầu mối xã Ngũ Hiệp, Thanh Trì	1.192.399.000	0	1.192.399.000	1.192.399.000
46	Xây dựng cầu Hữu Hoà huyện Thanh Trì	3.146.973.000	0	3.146.973.000	3.146.973.000
47	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy, xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, HÀ NỘI	1.674.880.203	1.674.880.203	0	512.926.221
48	Kè chống sạt lở kết hợp giao thông bờ Hữu sông Đáy, từ hạ lưu cầu Tế Tiêu đến Bệnh viện huyện Mỹ	11.144.000.000	3.144.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
49	Đường Đục Khê Tiên Mai	2.804.445.000	2.804.445.000	0	2.118.134.000
50	Chợ An Phú	2.450.000.000	2.450.000.000	0	2.450.000.000
51	Kè chống sạt lở bờ tả Sông Đáy khu vực Đình Xuân, Đình Thu thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang, huyện	334.296.000	0	334.296.000	334.296.000
52	Cải tạo, nâng cấp bờ kênh Vân Đình kết hợp giao thông huyện Ứng Hoà	545.477.000	0	545.477.000	545.477.000
53	Chỉnh trang hạ tầng khu vực trung tâm hành chính huyện Ứng Hòa phục vụ kỷ niệm 1000 Thăng Long -	2.928.170.625	0	2.928.170.625	2.928.170.625
54	Đường tỉnh 421B (Đường tỉnh 81 cũ) đoạn Thạch Thán đến Xuân Mai (Km5+196 đến Km17)	26.274.608.000	274.608.000	26.000.000.000	17.475.375.000
55	Đường trục chính Bắc Nam khu Đô thị Quốc Oai	62.000.000.000	0	62.000.000.000	52.801.652.000
56	Cải tạo mở rộng tuyến đê bao ngăn lũ xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	931.942.000	0	931.942.000	931.868.000
57	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Phụng Châu	9.366.168.700	0	9.366.168.700	9.366.149.500
58	Đường Chúc Sơn-Lam Điền, huyện Chương Mỹ	2.592.972.000	2.592.972.000	0	2.592.972.000
59	Cứng hoá kênh tưới trạm bơm Chi Lăng, huyện Chương Mỹ TP Hà Nội	44.083.000	0	44.083.000	38.029.000
60	Cải tạo nâng cấp các vai đập, kiên cố hóa kênh sau hồ, đập vùng 7 xã miền núi huyện Ba Vì, Hà Nội.	16.000.000.000	0	16.000.000.000	16.000.000.000
61	Xây dựng đường cơ đê bao Liên Trung huyện Đan Phượng	25.317.225.912	317.225.912	25.000.000.000	25.000.000.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
62	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường nối với đường Hoàng Quốc Việt kéo dài qua địa phận xã Tân Lập - huyện Đan Phượng - Thành phố Hà Nội	5.000.000.000	0	5.000.000.000	5.000.000.000
63	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 422 đoạn từ cầu Sơn Đồng - Cát Quế huyện Hoài Đức	40.000.000.000	0	40.000.000.000	40.000.000.000
64	Nâng cấp, chỉnh trang tuyến tỉnh lộ 422 đoạn từ thị trấn Trầm Trôi đến cầu Sơn Đồng.	30.000.000.000	0	30.000.000.000	30.000.000.000
65	Đường tỉnh 419(ĐT 80 cũ) đoạn từ Km4+842 đến Km5+587,1 và đoạn Km6+874,3 đến Km7+730	6.204.919.930	704.919.930	5.500.000.000	1.910.622.000
66	Củng cố mặt đê tả Đáy huyện Thanh Oai	3.845.937.756	0	3.845.937.756	3.845.937.756
67	Trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Mê Linh	4.808.733.089	0	4.808.733.089	4.808.731.000
68	Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Mê Linh	11.740.700.000	8.700.000	11.732.000.000	11.589.703.000
69	Xây dựng đường hành lang dưới chân đê (đường thoát xe) từ đền thờ Hai Bà Trưng đến dốc đê Tráng Việt, huyện Mê Linh	871.834.000	0	871.834.000	868.317.000
70	Cải tạo, mua sắm và lắp đặt bổ sung thang máy Trụ sở HĐND&UBND Thành phố Hà Nội	24.840.402	0	24.840.402	24.840.402
71	Nâng cấp cải tạo trạm bơm tiêu Đại Áng huyện Thanh Trì	120.000.000	120.000.000	0	60.000.000
72	Trạm bơm Bộ Đầu	1.500.000.000	0	1.500.000.000	1.500.000.000
73	Cải tạo, nâng cấp Trạm bơm Hưng Hiền, huyện Thường Tín, thành phố HN	2.579.053.800	0	2.579.053.800	2.579.053.800
74	Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú, huyện Thạch Thất	8.700.000.000	0	8.700.000.000	8.700.000.000
75	Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì.	160.000.000.000	50.000.000.000	110.000.000.000	61.697.711.258
76	Vốn GPMB Hồ Đồng Mô Ngải Sơn	934.187.696	934.187.696	0	934.187.696
77	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất bảo quản hoa phục vụ phát triển vùng hoa Tây Tựu-Từ Liêm-Hà Nội	3.692.321.007	3.446.321.007	246.000.000	245.482.300
78	Cải tạo thoát nước sông Pheo, huyện Từ Liêm	11.800.000.000	200.000.000	11.600.000.000	11.700.000.000
79	Xây dựng Trung tâm phân tích kiểm định chất lượng rau quả Hà Nội	449.210.000	0	449.210.000	449.210.000
80	Xử lý tổng thể chống sạt lở bờ Hữu sông Bùi xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội	72.691.000	0	72.691.000	72.691.000
81	Xử lý sạt lở bờ Hữu Sông Tích, thị trấn Xuân Mai huyện Chương Mỹ	17.862.000	0	17.862.000	17.862.000
82	Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ.	103.490.334.000	23.490.334.000	80.000.000.000	101.675.780.000
83	Xây dựng trung tâm công nghệ sinh học và thực phẩm	1.290.000.000	290.000.000	1.000.000.000	1.289.998.165
84	Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên Hà Nội	118.195.948.000	18.195.948.000	100.000.000.000	98.832.068.000
85	Đường vành đai ngoài khu Bắc Phú Cát	13.963.140.000	13.963.140.000	0	12.532.383.074
86	Cổng và đường vào khu công nghiệp bắc Phú Cát	1.131.953.000	1.131.953.000	0	1.037.934.527
87	Công viên Hoà Bình	16.560.000.000	0	16.560.000.000	15.776.886.831
88	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu Công viên hồ Ba mẫu	9.020.400.000	20.400.000	9.000.000.000	5.390.541.340
89	Dự án chiếu sáng mỹ thuật các công trình tại Hà Nội do Cơ quan phát triển Pháp (AFD) và Thành phố Lyon (Pháp) đồng tài trợ	262.092.312	0	262.092.312	262.092.312
90	Xây dựng khu liên cơ Vạn Ho	331.502.000	0	331.502.000	331.502.000
91	Xây dựng các Công trình phụ trợ - Trung tâm đào tạo Vận động viên cấp cao	23.787.134.070	0	23.787.134.070	23.787.134.070
92	Xây dựng tuyến đường phía đông Cung thi đấu điền kinh trong nhà (đoạn đường Nguyễn Cơ Thạch kéo	3.602.289.000	0	3.602.289.000	3.532.176.000
93	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II (Sở Xây dựng thực hiện)	745.861.909.469	179.990.909.469	565.871.000.000	615.951.344.878
94	Dự án Thoát nước HN giai đoạn I	100.000.000	100.000.000	0	100.000.000
95	Xây dựng Bảo tàng Hà Nội	125.387.290.399	51.387.290.399	74.000.000.000	51.545.361.504

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
96	DA đầu tư xây dựng lại 17 nhà go tại phường Chuong Duong, quan Hoan Kiem (ho tro GPMB 07 ngôi nhà go nguy hiem)	94.422.727	94.422.727	0	32.364.360
97	Xây dựng Rạp Đại Nam	12.380.000.000	2.380.000.000	10.000.000.000	11.623.573.500
98	Xây dựng Rạp Công Nhân	8.640.000.000	0	8.640.000.000	8.628.785.457
99	Chỉnh trang đồng bộ hệ đường kết hợp hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi tuyến Giảng Võ - Láng Hạ (phần hạ ngầm các đường dây cáp thông tin viễn thông giao cho TCT Viettel thực hiện)	690.720.280	0	690.720.280	690.720.280
100	Dự án lắp đặt hệ thống chiếu sáng khu vực thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ	622.794.000	0	622.794.000	622.794.000
101	Xây dựng đường Trần Phú - Kim Mã	122.756.585.450	12.756.585.450	110.000.000.000	122.488.748.850
102	Xây dựng cầu qua sông Nhuệ trên tuyến đường Dịch Vọng - Phú Mỹ - cầu Diễn	2.100.000.000	0	2.100.000.000	2.099.573.000
103	Cải tạo nâng cấp đoạn còn lại của tuyến đường 23B trên địa bàn huyện Mê Linh (Từ Nghĩa trang Thanh Tước đến hết địa phận huyện Mê Linh)	16.000.000.000	0	16.000.000.000	14.760.900.700
104	Xây dựng Cầu Ngà trên đường 70	16.347.274.000	1.347.274.000	15.000.000.000	16.318.079.623
105	Xây dựng cầu cho người đi bộ qua đường Phạm Ngọc Thạch - Lương Đình Của	1.864.909.600	36.000.000	1.828.909.600	1.864.909.600
106	Phát triển giao thông đô thị Hà Nội	1.492.452.247.710	688.394.247.710	804.058.000.000	1.280.416.158.491
107	Cầu Phương Trạch	2.688.405.420	0	2.688.405.420	2.688.405.420
108	Xây dựng cầu, đường giao thông từ khu đô thị Mỗ Lao nối với đường Lê Văn Lương kéo dài	18.989.447.000	989.447.000	18.000.000.000	18.984.099.000
109	Xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Vân Từ (tuyến phía Tây đường sắt), huyện Phú Xuyên	17.059.614.000	59.614.000	17.000.000.000	11.250.000.000
110	Cải tạo, nâng cấp đường 23B (Hà Nội - Nghĩa trang Thanh Tước)	27.737.313.518	2.737.313.518	25.000.000.000	21.263.553.178
111	Mở rộng, nâng cấp đường 35, huyện Sóc Sơn - Giai đoạn I	56.446.034.756	6.446.034.756	50.000.000.000	50.885.471.198
112	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ Quốc lộ 5 vào Khu công nghiệp HAPRO (Giai đoạn I)	5.515.665.474	5.515.665.474	0	93.000.000
113	Xây dựng mới cầu Đồ Lo	17.821.000	0	17.821.000	17.821.000
114	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	37.865.793.619	22.865.793.619	15.000.000.000	8.904.867.711
115	Đường Lạc Long Quân (từ ngã ba giao với đê Nhật Tân đến nút Bưởi)	1.207.100.250	7.100.250	1.200.000.000	1.200.000.000
116	Đường Nguyễn Hồng-Nguyễn Chí Thanh	1.557.933.160	896.907.760	661.025.400	755.075.400
117	Cải tạo nâng cấp đường 16, huyện Sóc Sơn	4.756.559.468	756.559.468	4.000.000.000	4.391.129.827
118	Đường Cát Linh - La Thành - Yên lã (đoạn La Thành - Thái Hà - Láng)	33.598.502.753	12.598.502.753	21.000.000.000	25.555.136.287
119	Xây dựng tuyến muong thoat nuoc P. Phuc Xa	916.517.534	12.432.240	904.085.294	904.085.294
120	Xây dựng công trình khu tái định cư CT1 và CT5 thuộc dự án Phát triển Giao thông đô thị Hà Nội	1.464.790.000	464.790.000	1.000.000.000	474.744.946
121	Đường tỉnh 428B (đường tỉnh 77 cũ)	98.283.000	98.283.000	0	94.000.000
122	Đường tỉnh 420 đoạn Km7,43 - Km 15,23 (đường Tây Ninh cũ)	212.627.000	212.627.000	0	7.337.000
123	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh 414 (đường tỉnh 87A cũ) từ Sơn Tây đến Khu dịch K9	12.869.123.000	131.123.000	12.738.000.000	12.396.503.000
124	Tuyến tránh cầu Định	448.711.000	0	448.711.000	448.711.000
125	Cầu Sơn Đồng đường tỉnh 422 (đường 79 cũ)	350.383.000	49.118.000	301.265.000	350.383.000
126	Cầu Hoà Viên	7.338.273.700	2.938.273.700	4.400.000.000	394.358.000
127	Cầu Hâu Xá Km0+700, đường tỉnh 428 (đường tỉnh 75 cũ)	3.131.700.000	0	3.131.700.000	3.131.700.000
128	Cầu Ba Thá Km24+010 đường tỉnh 429 (đường tỉnh 73 cũ)	9.149.290.000	149.290.000	9.000.000.000	9.137.932.000
129	Đường tỉnh 421B (tỉnh lộ 81 cũ)	5.234.349.300	734.349.300	4.500.000.000	4.500.000.000
130	Dự án đường tỉnh 429(73 cũ). Km 23+535-31+400	935.094.000	0	935.094.000	935.094.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
131	Cầu Đen	471.025.000	39.037.000	431.988.000	431.988.000
132	Đường tỉnh 426 (ĐT 78 cũ) đoạn Km0: Km7+900	6.247.366.153	2.047.366.153	4.200.000.000	3.990.000.000
133	Cầu Đồng Dài Km1+120 đường 414C (đường 86 cũ) huyện Ba Vì	66.240.600	0	66.240.600	66.240.600
134	Dự án cầu Trôi Km3+479 đường tỉnh 418(ĐT 82 cũ)	72.330.950	72.330.950	0	59.228.600
135	Bến xe trung tâm	4.704.500.000	4.704.500.000	0	832.243.000
136	Cầu Văn Phương	15.803.017.000	2.803.017.000	13.000.000.000	15.392.524.000
137	Đường tỉnh 418 (ĐT82 cũ) Km4+500: Km10+0.0	23.083.866.000	5.821.866.000	17.262.000.000	13.370.050.000
138	Dự án ĐTXD đường 446 từ Km0+00 đến Km15+300 huyện Quốc Oai, Thạch Thất	8.759.451.700	259.451.700	8.500.000.000	8.434.910.200
139	Đường trục phát triển thị xã Sơn Tây	20.324.158.000	324.158.000	20.000.000.000	18.648.833.000
140	Cầu cống Thần	20.681.000	0	20.681.000	20.681.000
141	Cầu Chùa Ngòi	94.484.000	0	94.484.000	89.836.000
142	Đường Tỉnh lộ 425(74 cũ)	841.738.000	841.738.000	0	541.126.100
143	Cầu Phùng Xá	106.289.000	42.638.000	63.651.000	63.651.000
144	Dự án hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi trên tuyến Nghi Tàm - Âu Cơ	4.611.984.000	0	4.611.984.000	4.611.984.000
145	Dự án hạ ngầm các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin hiện đang đi nổi trên tuyến Phạm Văn Đồng (Bến xe Nam Thăng Long - Xuân Thủy), Hà Nội - Phục vụ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, HN	41.000.000	41.000.000	0	41.000.000
146	Dự án cải tạo chỉnh trang đồng bộ hạ tầng kỹ thuật tuyến Phố Nguyễn Trãi (Đoạn từ cầu Mới đến đường Khuất Duy Tiến), Hà Nội	1.077.741.914	0	1.077.741.914	1.076.921.114
147	Hạ ngầm các đường dây đi nổi đoạn còn lại tuyến Nghi Tàm - Âu Cơ (đoạn từ Ngã ba Xuân Diệu đến nút giao Lạc Long Quân)	3.976.235.611	0	3.976.235.611	3.976.235.611
148	Xây dựng cải tạo Trường Trung học phổ thông Thăng Long	1.093.956.000	0	1.093.956.000	1.093.956.000
149	Xây dựng trường THPT Yên Viên	15.000.000.000	0	15.000.000.000	692.603.000
150	Xây dựng trường PTTH Phúc Thọ	55.000.000	55.000.000	0	55.000.000
151	Đầu tư Xây dựng Trường Trung học kinh tế- Kỹ thuật đa ngành Huyện Sóc Sơn	15.191.985.000	191.985.000	15.000.000.000	15.175.029.000
152	Đầu tư Xây dựng Trường trung học phổ thông chuyên Hà Nội- Amtecsdam	10.294.107.000	0	10.294.107.000	10.294.107.000
153	Trường THPT Hợp Thanh, Huyện Mỹ Đức (Giai đoạn 2)	405.506.000	0	405.506.000	307.169.000
154	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Phan Huy Chú	7.911.408.000	0	7.911.408.000	7.911.408.000
155	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ (giai đoạn IV)	388.358.143	0	388.358.143	381.780.143
156	Trường THPT Hoài Đức B, Hoài Đức	762.067.587	0	762.067.587	759.867.587
157	Trường THPT Thanh Oai B	4.500.000.000	0	4.500.000.000	4.268.220.800
158	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đức Giang	304.867.170.200	24.867.170.200	280.000.000.000	243.672.752.400
159	Mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II.	12.992.800.000	12.992.800.000	0	4.000.000.000
160	Cải tạo mở rộng Bệnh viện y học cổ truyền Hà Nội	850.291.765	0	850.291.765	837.880.765
161	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Thanh nhân (Giai đoạn 2)	17.349.872.000	9.349.872.000	8.000.000.000	12.021.990.000
162	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Phụ sản Hà Nội-Giai đoạn II.	19.958.000.000	11.958.000.000	8.000.000.000	19.525.584.044
163	Cải tạo, nâng cấp Trường Cao đẳng y tế Hà Nội.	5.027.000.000	27.000.000	5.000.000.000	5.027.000.000
164	Trụ sở ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe TP Hà Nội	22.409.197	22.409.197	0	22.082.000
165	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sóc sơn	82.205.100.000	2.205.100.000	80.000.000.000	70.361.368.700

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
166	Đầu tư xây dựng Nhà điều trị Nội khoa Bệnh viện đa khoa Xanh pôn	52.421.404.000	2.421.404.000	50.000.000.000	42.418.266.000
167	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa Đồng Anh	69.969.900.000	1.969.900.000	68.000.000.000	69.486.900.000
168	Cải tạo mở rộng Bệnh viện y học cổ truyền Hà Nội	19.829.767	19.829.767	0	14.949.805
169	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Oai.	15.079.549.000	79.549.000	15.000.000.000	11.399.991.000
170	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì.	208.447.000	44.475.000	163.972.000	208.447.000
171	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	20.129.573.000	129.573.000	20.000.000.000	8.168.082.000
172	Trụ sở trung tâm y tế dự phòng Ba Vì	188.995.220	0	188.995.220	188.995.220
173	Cải tạo nâng cấp Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công Hà Nội	5.407.748.024	0	5.407.748.024	5.407.746.284
174	Nhà tang lễ Quận Cầu Giấy	22.370.812.100	2.370.812.100	20.000.000.000	21.541.499.700
175	Xây dựng Trường cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội	8.780.863.159	0	8.780.863.159	8.780.863.159
176	Trung tâm Giáo dục lao động xã hội số VIII (Trung tâm giáo dục lao động xã hội Hà Tây cũ)	458.000.000	458.000.000	0	47.242.000
177	Trường Trung cấp nghề tổng hợp Hà Tây Giai đoạn I	35.000.000.000	0	35.000.000.000	35.000.000.000
178	Cải tạo, sửa chữa Nhà hát ca múa nhạc Thăng Long	12.249.811.000	1.249.811.000	11.000.000.000	12.249.810.800
179	Khu du lịch văn hóa nghỉ ngơi cuối tuần Sóc Sơn	13.367.172	13.367.172	0	13.367.172
180	Xây dựng công trình đường nối khu du lịch thắng cảnh Hương Sơn đến khu du lịch Tam chúc- Khả	35.201.257.100	401.257.100	34.800.000.000	34.950.000.000
181	GPMB khu đất 4245m2 tại khu liên cơ Vân Hồ	662.471.206	662.471.206	0	532.160.626
182	Xây dựng Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam, Viện kiểm soát quân sự và các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng di chuyển khỏi khu vực Thành cổ Hà Nội (bồi thường hỗ trợ, tái định cư)	935.699.596	935.699.596	0	54.218.000
183	Trung tâm đào tạo công nghệ thông tin TP Hà Nội	5.623.338.776	3.414.591.000	2.208.747.776	5.623.293.600
184	Cải tạo, nâng cấp Cung Thiếu nhi Hà Nội	15.500.000.000	0	15.500.000.000	2.429.280.000
185	Xây dựng Khu Liên hợp phát triển phụ nữ Hà Nội	7.412.668.000	412.668.000	7.000.000.000	6.277.467.000
186	Đầu tư xây dựng 2 Trường tiểu học tại lô đất A3 & C10 Khu tái định cư Nam Trung Yên.	4.635.042.728	0	4.635.042.728	4.625.793.925
187	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào 2 dự án thí điểm xây dựng nhà ở cho công nhân thuê tại xã Kim Chung huyện Đông Anh	12.772.377.804	4.772.377.804	8.000.000.000	1.851.147.823
188	Tuyến đường sắt đô thị thí điểm Thành phố Hà Nội, đoạn Nhòn-Ga Hà Nội	350.263.065.281	80.263.065.281	270.000.000.000	117.985.013.897
189	Xây dựng đường vành đai 2, đoạn Ngã Tư Sở- Ngã Tư Vọng	516.984.480.885	88.418.480.885	428.566.000.000	333.018.540.671
190	Xây dựng đường vành đai I (đoạn ô chợ dừa- Hoàng Cầu)	21.274.344.313	6.274.344.313	15.000.000.000	12.199.945.073
191	Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông đường đô thị Bắc Thăng Long- Vân Trì với tuyến đường sắt Bắc Hồng- Văn Điển	350.000.000.000	0	350.000.000.000	342.324.134.461
192	XD công trình đảm bảo cho lãnh đạo chỉ đạo điều hành thành phố Hà Nội (PT03	5.000.000.000	0	5.000.000.000	5.000.000.000
193	Hội trường đa năng 600 chỗ Bộ Tư lệnh Thủ đô	3.081.982.000	0	3.081.982.000	3.081.982.000
194	Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quản lý dân cư giai đoạn 1 trên địa bàn TP Hà Nội	8.256.960.795	3.690.041.000	4.566.919.795	8.226.907.455
195	Xây dựng tuyến đường số 4 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	1.997.165.597	22.905.231	1.974.260.366	1.997.165.597
196	Xây dựng đường 5 kéo dài	445.198.005.852	40.129.005.852	405.069.000.000	264.210.737.125
197	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai bên đầu cầu giai đoạn I	118.283.188.933	112.834.188.933	5.449.000.000	4.009.000.000
198	Xây dựng đường vành đai 1 (đoạn Ô Đống Mác - Nguyễn Khoái)	572.471.532.928	122.589.532.928	449.882.000.000	441.012.269.490
199	Tiểu dự án đền bù, GPMB và tái định cư để xây dựng cầu Nhật Tân và đường 2 bên đầu cầu	129.417.374.043	21.917.374.043	107.500.000.000	105.083.476.503
200	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đô thị Hà Nội- Giai đoạn I	3.106.135.082	3.106.135.082	0	1.367.650.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
201	Cải tạo, sửa chữa Trường trung cấp công đoàn Thành phố Hà Nội	105.531.000	0	105.531.000	105.531.000
202	Chỉnh trang HTKT đồng bộ với hạ ngầm, sắp xếp đường dây, cáp trên tuyến phố Quán Thánh	3.166.108.000	41.300.000	3.124.808.000	3.155.434.000
203	Xây dựng mở rộng trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây, thành phố Hà Nội	56.160.414.045	1.160.414.045	55.000.000.000	55.762.145.645
204	Xây dựng Cung thiếu nhi Hà Nội	671.350.000	671.350.000	0	671.350.000
205	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh nương thoát nước Thụy Khuê - đoạn từ dốc La Pho đến cổng Đỗ	10.486.369.000	486.369.000	10.000.000.000	4.713.654.777
206	Xây dựng đường nối từ đường 5 kéo dài đến cầu Đuống	30.000.000.000	0	30.000.000.000	30.000.000.000
207	Trường Trung học phổ thông Phúc Lợi	15.000.000.000	0	15.000.000.000	14.082.141.353
208	Xây dựng tuyến đường từ quốc lộ 1B đến khu đô thị mới Việt Hưng	9.409.204.460	9.409.204.460	0	9.409.204.460
209	GPMB, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để chuẩn bị mặt bằng xây dựng dự án xây dựng trường Pháp Alexandre Yersin	714.138.129	714.138.129	0	714.138.129
210	Hạng mục san nền Khu trung tâm hành chính mới thị xã Hà Đông	1.822.265.000	0	1.822.265.000	1.822.265.000
211	Chỉnh trang xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hai khối Mỗ Lao, Văn Quán: Hạng mục đường giao thông, thoát nước nội bộ	580.355.000	0	580.355.000	580.355.000
212	Đường giao thông, thoát nước khu Biệt thự thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Mỗ Lao, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây	4.721.805.000	0	4.721.805.000	4.721.805.000
213	Đường công cộng phục vụ thi công thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Mỗ Lao, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây	1.295.843.213	0	1.295.843.213	1.295.843.213
214	Đường giao thông, thoát nước khu LK1A - đầu nối với quốc lộ 6 và khu tiếp giáp với khối Mỗ Lao 1 thuộc hệ thống hạ tầng khu đô thị mới Mỗ Lao	1.052.336.000	0	1.052.336.000	1.052.336.000
215	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Tùng Thiện, từ km2+700,2 Quốc lộ 21A- thị xã Sơn Tây	86.389.517.074	1.389.517.074	85.000.000.000	63.381.070.499
216	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vi (tỉnh lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3km) thị xã Sơn Tây	495.109.118	495.109.118	0	137.064.811
217	Cải tạo, nâng cấp đường Dốc Hội - Đại học Nông nghiệp I	10.455.605.530	1.455.605.530	9.000.000.000	7.650.000.000
218	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư đường Bắc Thăng Long - Nội Bài đến ngã tư biển thể Đông Anh (đường Nam Hồng)	11.000.000.000	0	11.000.000.000	11.000.000.000
219	San nền sơ bộ tạo mặt bằng phục vụ đấu giá QSD đất tại xã Tân Triều	36.776.000	0	36.776.000	36.776.000
220	Trường THCS Chuyên Mỹ (Hạng mục nhà lớp học bộ môn và phụ trợ)	500.000.000	0	500.000.000	500.000.000
221	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy, xã Đại Hưng (đoạn cuối thôn Hà Xá - đầu thôn Trinh Tiết), huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.	1.602.596.000	0	1.602.596.000	1.602.596.000
222	Cứng hóa mặt đê hứ Đáy từ Chợ Lai đến thôn Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức.	3.500.000.000	0	3.500.000.000	3.497.046.000
223	Hạ tầng kỹ thuật cải tạo môi trường Suối Yến khu du lịch văn hóa Chùa Hương, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.	11.000.000.000	0	11.000.000.000	11.000.000.000
224	Dự án kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy khu vực xóm Cát xã Cao Thành, huyện ứng Hòa	6.518.216.000	518.216.000	6.000.000.000	6.518.216.000
225	Kè chống sạt lở và cứng hóa mặt bờ kênh Văn Đình, thị trấn Văn Đình, huyện ứng Hòa	20.000.000.000	0	20.000.000.000	20.000.000.000
226	Dự án kè chống sạt lở tả sông Đáy, thôn Phù Lưu Thượng, xã Phù Lưu, huyện ứng Hòa	996.086.000	0	996.086.000	996.086.000
227	Dự án nâng cấp, cải tạo đê tả Đáy đoạn xã Đồng Tiến và thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa	500.000.000	0	500.000.000	192.405.000
228	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy xã Hòa Xá huyện ứng Hòa	17.000.000.000	0	17.000.000.000	17.000.000.000
229	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy khu vực Quán Chài - Đoàn Xá, xã Đồng Tiến - Ứng Hòa	1.848.604.000	0	1.848.604.000	1.848.604.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
230	Kè chống sạt lở bờ tả Sông Đáy khu vực thôn Viên Ngoại, xã Viên An, huyện Ứng Hòa	2.303.754.000	0	2.303.754.000	2.303.754.000
231	Kè chống sạt lở bờ tả Sông Đáy từ trạm bơm tiêu Vân Đình đến cầu Phùng Xá, huyện Ứng Hòa	318.900.000	0	318.900.000	318.900.000
232	Kiên cố hóa kênh tưới Nghi Lộc - Vĩnh Thượng kết hợp làm đường giao thông nội đồng, huyện Ứng Hòa	494.037.000	0	494.037.000	494.037.000
233	Kiên cố hóa kênh tưới Du Đồng - Ngũ Luân kết hợp làm đường giao thông nội đồng xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa	1.345.676.173	1.345.676.173	0	1.345.676.173
234	Nạo vét, củng cố hóa bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hòa	24.259.000.000	12.259.000.000	12.000.000.000	10.843.000.000
235	Cải tạo, nâng cấp sông Tô Lịch trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	685.103.000	0	685.103.000	685.103.000
236	Cải tạo, chỉnh trang sông Kim Ngưu trên địa bàn huyện Thường Tín Thành phố Hà Nội	13.905.021.000	905.021.000	13.000.000.000	13.905.021.000
237	Trường THPT Phan Huy Chú huyện Quốc Oai	1.000.000.000	0	1.000.000.000	235.400.000
238	Trạm bơm Đông Yên, huyện Quốc Oai	18.000.000.000	0	18.000.000.000	10.540.000.000
239	Xây dựng hồ chứa nước Đồng Bồ, xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai	8.443.092.000	6.043.092.000	2.400.000.000	2.388.608.000
240	Xây dựng mới trường THPT Nguyễn Văn Trỗi, huyện Chương Mỹ	1.000.000.000	0	1.000.000.000	999.999.000
241	Xây dựng tuyến đường gom từ Khu công nghiệp Phú Nghĩa A ra Quốc lộ 6	3.672.987.300	1.872.987.300	1.800.000.000	1.716.506.000
242	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê Minh Khánh, huyện Ba Vì.	40.000.000.000	0	40.000.000.000	40.000.000.000
243	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì	11.319.784.000	1.319.784.000	10.000.000.000	11.319.784.000
244	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Bằng - Yên Kỳ	32.380.000.000	18.380.000.000	14.000.000.000	21.532.317.000
245	Nâng cấp chỉnh trang kênh chính Đan Hoài đoạn qua thị trấn Phùng huyện Đan Phượng	6.500.000.000	0	6.500.000.000	5.179.274.500
246	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421, đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ	2.000.000.000	0	2.000.000.000	2.000.000.000
247	Xây dựng mở rộng Trung tâm giáo dục thường xuyên Phúc Thọ	446.906.000	0	446.906.000	446.873.000
248	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề Huyện Phúc Thọ	441.031.000	0	441.031.000	441.031.000
249	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 (km7+730 đến km11+552), huyện Thạch Thất	84.791.104.624	4.791.104.624	80.000.000.000	75.671.605.075
250	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới hồ Tân Xã, huyện Thạch Thất kết hợp làm đường giao thông nông thôn	10.173.000.000	173.000.000	10.000.000.000	7.133.000.000
251	Nâng cấp, cải tạo đê Tả Tích lý trình Km6+0.00- Km16+500 huyện Thạch Thất	9.025.225.000	3.025.225.000	6.000.000.000	4.346.444.000
252	Đường 35 huyện Mê Linh từ Đại Thịnh đến Quang Minh	35.906.481.438	13.906.481.438	22.000.000.000	27.140.195.957
253	Nhà khách Ủy ban Thành phố 13 - 15 Lương Ngọc Quyến	35.232.000.000	5.232.000.000	30.000.000.000	18.336.175.260
254	Xây dựng nhà làm việc và nhà để xe Trụ sở HĐND và UBND thành phố Hà Nội	1.644.470.000	0	1.644.470.000	1.644.170.000
255	Trạm bơm Thạch Nham, huyện Thanh Oai	9.433.120.500	433.120.500	9.000.000.000	8.494.099.500
256	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	2.600.000.000	100.000.000	2.500.000.000	2.573.184.000
257	Xử lý tổng thể khu vực kè Thanh Am và sạt lở cầu Đuống, huyện Gia Lâm.	56.000.000.000	0	56.000.000.000	36.948.923.000
258	Xây dựng Trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh	4.600.000.000	0	4.600.000.000	4.600.000.000
259	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T5, huyện Hoài Đức	19.000.000.000	0	19.000.000.000	19.000.000.000
260	Xây dựng mới trạm bơm tiêu Lại Thượng thay thế nhiệm vụ trạm bơm tiêu Lại Thượng 1,2 huyện Thạch	300.000.000	0	300.000.000	300.000.000
261	Tu bổ, nâng cấp đê bao Hữu Bùi, huyện Chương Mỹ	21.129.728.000	1.129.728.000	20.000.000.000	20.048.927.700
262	Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt nông thôn ở 7 xã còn nhiều hộ nghèo huyện Sóc Sơn.	1.714.958.000	0	1.714.958.000	1.714.917.000
263	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Sắn, huyện Thạch Thất.	25.000.000.000	0	25.000.000.000	6.828.581.000
264	Di chuyển, nâng cấp trạm bơm Đan Hoài.	28.250.000.000	1.200.000.000	27.050.000.000	27.050.000.000
265	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đào Xá, huyện Phú Xuyên.	12.500.000.000	0	12.500.000.000	9.833.032.000
266	Cải tạo tổng thể trụ Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội.	566.126.000	25.000.000	541.126.000	566.126.000
267	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm điều khiển đèn tín hiệu giao thông và các thiết bị ngoại vi	79.575.316.901	9.575.316.901	70.000.000.000	67.572.469.843

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
268	Khu thể thao khuyết tật - Trung tâm đào tạo Vận động viên cấp cao Hà Nội	2.000.000.000	0	2.000.000.000	121.068.000
269	Xây dựng Cung thi đấu Điền kinh trong nhà	11.540.710.625	0	11.540.710.625	11.540.710.225
270	Xây dựng Bệnh viện đa khoa 1000 giường tại huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	5.000.000.000	0	5.000.000.000	2.500.000.000
271	Dự án hạ ngầm các đường dây cáp điện lực đi nổi từ phố Phủ Doãn - phố Quán Sứ qua bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức, quận Hoàn Kiếm	576.482.000	0	576.482.000	576.482.000
272	Xây dựng hoàn thiện tuyến đường nổi từ nút giao hầm Kim Liên đến tuyến đường Kim Liên mới	3.539.469.000	39.469.000	3.500.000.000	2.913.572.400
273	ĐT XD cầu vượt tại nút giao giữa đường Nam Hồng với tuyến đường Mai dịch - Nội Bài để hạn chế ùn tắc giao thông	289.000.000	289.000.000	0	59.000.000
274	Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 6	809.393.000	309.393.000	500.000.000	141.977.000
275	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Zét	21.409.209.000	2.409.209.000	19.000.000.000	21.034.823.000
276	Đầu tư xây dựng cầu Thuần Lương, Chương Mỹ	3.133.836.000	1.083.836.000	2.050.000.000	1.824.541.400
277	Đầu tư xây dựng cầu Yên Trinh huyện Chương Mỹ	7.000.000.000	0	7.000.000.000	6.898.183.500
278	Đầu tư xây dựng công trình cầu Mỹ Hoà (cầu Bốt Xuyên), vượt sông Đáy qua địa bàn huyện Mỹ Đức	3.600.000.000	0	3.600.000.000	3.599.999.000
279	Cầu Rồng trên đường 412B (91 cũ)	12.076.181.000	76.181.000	12.000.000.000	10.009.506.000
280	Cầu Quang Ngọc trên đường 411B (94 cũ)	1.246.000	1.246.000	0	1.246.000
281	Xây dựng mới cầu Đầm trên đường 70	651.918.000	0	651.918.000	651.918.000
282	Dự án đường nội bộ trường bắn Hoà Thạch	3.381.706.000	0	3.381.706.000	3.381.706.000
283	Dự án ĐT XD cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km 185-Km 189) Huyện Thanh Trì Hà Nội	19.660.913.000	9.660.913.000	10.000.000.000	15.949.864.000
284	Xây dựng cầu Giẽ Km 213+234 Quốc lộ 1 cũ, huyện Phú Xuyên	1.518.180.000	0	1.518.180.000	1.517.640.000
285	Đường Phúc La Văn Phú	2.000.000.000	0	2.000.000.000	2.000.000.000
286	Cầu Ngọc Hồi	41.885.762.000	23.885.762.000	18.000.000.000	28.189.437.000
287	GPMB tạo quỹ đất sạch tại QĐ 73/2010/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 đối với DA Chinh trang cảnh quan TĐ từ cầu TL-NB và chinh trang phần đất thu hồi của các đơn vị (đoạn từ MD - cầu TL)	629.751.987	629.751.987	0	77.623.150
288	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Mỹ Đức A, Huyện Mỹ Đức	1.509.000.000	9.000.000	1.500.000.000	1.498.746.000
289	Trường Trung học phổ thông Sơn Tây, thị xã Sơn Tây	53.488.000.000	7.988.000.000	45.500.000.000	50.720.787.582
290	Xây dựng, cải tạo trường Trung học phổ thông Chương Mỹ A, huyện Chương Mỹ.	1.064.477.490	0	1.064.477.490	1.064.477.490
291	Xây dựng Trường trung học phổ thông Vạn Xuân- Hoài Đức	12.000.000.000	0	12.000.000.000	12.000.000.000
292	Xây dựng trường THPT Nguyễn Du	500.000.000	0	500.000.000	500.000.000
293	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Tô Hiệu, Huyện Thường Tín	1.594.023.000	0	1.594.023.000	1.594.023.000
294	Cải tạo, nâng cấp Trường trung cấp kinh tế Hà Nội	420.869.700	0	420.869.700	420.869.700
295	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Ứng Hòa - Hà Nội	808.914.000	0	808.914.000	808.914.000
296	Điều chỉnh dự án đầu tư mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai.	35.000.000.000	0	35.000.000.000	18.824.230.000
297	Nhà điều hành Ban phục vụ lễ tang Hà Nội	1.621.729.860	150.000.000	1.471.729.860	1.612.557.233
298	Tăng cường cơ sở vật chất Khu điều dưỡng tâm thần	10.300.000.000	0	10.300.000.000	10.299.950.000
299	Tăng cường cơ sở vật chất Trung tâm giáo dục lao động xã hội số III	1.116.527.000	0	1.116.527.000	1.116.527.000
300	Nâng cấp, mở rộng di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại phường Vạn Phúc, quận Hà Đông	19.000.000	19.000.000	0	19.000.000
301	Tu bổ tôn tạo cụm di tích Xuân Lai, Huyện Sóc Sơn	1.539.533.000	0	1.539.533.000	1.539.533.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
302	Xây dựng cảng du lịch Bát Tràng- Huyện Gia Lâm	13.500.000.000	0	13.500.000.000	12.165.105.898
303	Trung tâm nguồn lực công nghệ thông tin và viễn thông Việt Nam - Ấn Độ tại Hà Nội	193.637.165	38.036.000	155.601.165	193.637.165
304	Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tại Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Hà Nội	282.402.000	0	282.402.000	282.402.000
305	Xây dựng công trình đường gom Bắc Thăng Long - Nội Bài, đoạn qua Khu công nghiệp Quang Minh I	2.100.000.000	0	2.100.000.000	2.092.207.000
306	Xây dựng đường vào khu công nghiệp Đài Tư - Sài Đồng A (giai đoạn II)	14.090.000.000	90.000.000	14.000.000.000	13.991.401.000
307	Xây dựng cải tạo Khu điều dưỡng cán bộ Hà Nội tại Đồ Sơn, Hải Phòng	112.710.052.000	12.710.052.000	100.000.000.000	101.562.952.494
308	Cải tạo nâng cấp Trung tâm Giáo dục lao động hướng nghiệp thanh niên Hà Nội	36.934.491.000	11.934.491.000	25.000.000.000	36.566.783.598
309	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô đất C2/NO, C4/NO xây dựng nhà ở thấp tầng phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại Khu đô thị Nam Trung Yên.	153.861.183	12.822.500	141.038.683	153.861.183
310	Xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 khu vực phía tây Hà	86.397.938.000	5.397.938.000	81.000.000.000	38.428.172.858
311	Cải tạo hệ thống kè và đường dạo sát kè hồ Thủ Lệ thuộc vườn thú Hà Nội	16.000.000.000	0	16.000.000.000	15.999.999.400
312	Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực xã Kiêu Ky-huyện Gia Lâm	10.752.000	0	10.752.000	10.752.000
313	Nhà Sờ chỉ huy, làm việc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (XD Sờ chỉ huy A2 Thành phố Hà Nội)	59.091.957.000	19.091.957.000	40.000.000.000	59.091.957.000
314	Khu đài tưởng niệm liệt sỹ Hà Nội mặt trận Bắc Kon Tum	7.195.475.000	0	7.195.475.000	7.124.458.000
315	Trụ sở làm việc Công an quận Long Biên	1.526.409.000	1.526.409.000	0	1.526.409.000
316	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Thường Tín	14.348.000.000	0	14.348.000.000	12.546.134.214
317	Xây dựng tuyến đường số 1 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây (đường Nguyễn Văn Huyền kéo	10.800.000.000	0	10.800.000.000	322.737.000
318	Tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hà Nội, tuyến 2, đoạn Nam Thăng Long-Trần Hưng Đạo	136.709.086.985	4.949.086.985	131.760.000.000	67.309.264.661
319	Đầu tư xây dựng Trường đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội (Cơ sở Hà Đông)	7.891.100.500	2.891.100.500	5.000.000.000	2.997.717.000
320	Trường THPT Việt Nam - Ba Lan	16.734.000.000	734.000.000	16.000.000.000	12.447.049.000
321	Trường trung học chuyên nghiệp Bắc Thăng Long	14.800.000.000	2.800.000.000	12.000.000.000	14.550.734.000
322	Trường THPT Yên Hòa	20.157.000.000	157.000.000	20.000.000.000	20.156.164.600
323	Trường THPT Nguyễn Trãi, Ba Đình	256.691.800	0	256.691.800	256.691.800
324	Nạo vét kênh tiêu Kiên Thành	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000
325	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cao Xuân Dương, huyện Thanh Oai	1.000.000.000	0	1.000.000.000	812.232.000
326	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Phương Nhị, huyện Thanh Oai	2.000.000.000	0	2.000.000.000	2.000.000.000
327	Xây dựng, lắp đặt 500 trụ cứu hỏa, điểm lấy nước cứu hỏa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011-2012	45.000.000.000	0	45.000.000.000	41.059.318.600
328	Đầu tư trang thiết bị y tế Trung tâm chuẩn đoán trước sinh và sơ sinh - bệnh viện phụ sản HN	3.844.462.000	0	3.844.462.000	3.844.462.000
329	Trường THPT Minh Quang	20.000.000.000	0	20.000.000.000	20.000.000.000
330	Trường THPT Bắc Lương Sơn	10.000.000.000	0	10.000.000.000	9.930.000.000
331	ĐA xây dựng trạm bơm Thiên Đông huyện Thanh oai	2.151.593.000	151.593.000	2.000.000.000	2.000.000.000
332	Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường quốc lộ 6, đoạn km 19+920 đến km 22+220, qua địa phận thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ	146.825.818.000	11.825.818.000	135.000.000.000	119.513.918.500
333	Xây dựng bệnh viện đa khoa 200 giường huyện Mê Linh	111.509.846.500	5.009.846.500	106.500.000.000	78.096.948.000
334	Xây dựng trạm bơm Cửa Đình xã Văn Đức huyện Gia Lâm	24.000.000.000	0	24.000.000.000	19.319.000.000
335	Xây dựng HTKT vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã Văn Đức huyện Gia Lâm	5.347.623.800	0	5.347.623.800	5.326.983.800
336	ĐA lát mái, hoàn chỉnh kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy và nâng cấp cải tạo TB tưới xã Lưu Hoàng	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
337	DA kê chống sạt lở bờ tả sông Đáy từ trạm bơm Vĩnh Thượng đến trạm bơm Vĩnh Hạ xã Sơn Công huyện ứng hòa	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
338	Trường THPT Hoài Đức C	800.000.000	0	800.000.000	566.305.300
339	Xây dựng, cải tạo đồng bộ HTKT đường Bạch đằng - Lãng Yên, quận Hai Bà Trưng	1.104.258.000	0	1.104.258.000	1.104.258.000
340	Cầu Đào xuyên, xã Đa Tốn	400.000.000	0	400.000.000	207.424.000
341	Nâng cấp BV tâm thần Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	10.000.000.000	0	10.000.000.000	272.666.000
342	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Thường lệ 1	500.000.000	0	500.000.000	500.000.000
343	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiêm cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông	1.700.000.000	0	1.700.000.000	1.594.270.000
344	Trang bị máy móc, thiết bị quan trắc, phân tích cho trung tâm quan trắc và phân tích tài nguyên môi trường Hà Nội	40.000.000.000	0	40.000.000.000	12.450.842.432
345	Cải tạo thoát nước phố Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên	1.000.000.000	0	1.000.000.000	999.222.000
346	Chỉnh trang mặt bằng do Bộ quốc phòng và 02 hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao (thuộc Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long)	50.000.000.000	0	50.000.000.000	2.955.537.000
347	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Hồng, thôn Đại Gia, xã Thụy Phú, huyện Phú Xuyên (Kê Đại Gia)	66.760.000	593.000	66.167.000	66.167.000
348	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 35 đoạn giữa tuyến từ Km4+469,12 đến Km12+733,55	866.100.000	66.100.000	800.000.000	775.000.000
349	Cải thiện vận tải hành khách công cộng tại Hà Nội	1.059.807.000	59.807.000	1.000.000.000	69.199.000
350	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Đại Cồ Việt và đường Trần Khát Chân để hạn chế ùn tắc giao	168.799.000	168.799.000	0	43.691.000
351	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật SXNN công nghệ cao và xúc tiến thương mại nông nghiệp TP Hà Nội	932.500.000	132.500.000	800.000.000	8.380.000
352	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu úng trên địa bàn xã Minh Khai, Tây Tựu huyện Từ Liêm	3.000.000.000	0	3.000.000.000	1.912.566.000
353	Nâng cấp kênh N2 hồ Đại Lải (đoạn tuyến trên địa bàn huyện Sóc Sơn)	1.100.000.000	100.000.000	1.000.000.000	431.918.000
354	Xây dựng bãi phế thải tại xã Chương Dương, huyện Thường Tín (X16A)	900.000.000	0	900.000.000	900.000.000
355	Trung tâm đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông Thành phố Hà Nội - giai đoạn 2	16.036.000.000	1.036.000.000	15.000.000.000	15.986.000.000
356	Đầu tư, nâng cấp Khu điều trị Phong Quốc Oai	60.000.000	60.000.000	0	60.000.000
357	Xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Yên Viên và các xã lân cận thuộc khu vực Bắc Đuống huyện	15.685.731.100	1.685.731.100	14.000.000.000	13.309.694.000
358	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa mặt đê sông Nhuệ (đoạn cầu Chiềng - lối rẽ chùa Đậu) và các đốc lên đê Hữu Hồng - huyện Thường Tín	6.300.000.000	0	6.300.000.000	6.266.324.000
359	Nhà lớp học thí nghiệm 4 tầng và phụ trợ Trường THPT Quang Trung	828.342.392	0	828.342.392	828.342.000
360	Cấp nước sạch liên xã Viên An, Viên Nội, Sơn Công, Cao Thành, Hoa Sơn, huyện ứng Hòa	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000
361	Xây dựng trạm cấp nước sạch liên xã Tiên Thịnh, Vạn Yên, Chu Phan, Liên Mạc, Thạch Đà, huyện mê	4.600.000.000	0	4.600.000.000	4.600.000.000
362	Xây dựng trạm cấp nước sạch liên xã Hợp Thanh, Hợp Tiến huyện Mỹ Đức	2.000.000.000	0	2.000.000.000	2.000.000.000
363	Cấp nước sạch liên xã Phương Trung, Kim thư, Đỗ Động, Kim An, huyện Thanh Oai	5.500.000.000	0	5.500.000.000	5.403.646.100
364	Cấp nước sạch liên xã Hiền Giang, Tiên Phong, Nguyễn Trãi, Tân Minh, Nghiêm Xuyên, Dũng Tiến huyện Thường Tín	5.700.000.000	0	5.700.000.000	5.648.366.500
365	Cấp nước sạch liên xã Thụy Phú, Hồng Thái, Nam Phong, Văn Nhân, Nam Triều, huyện Phú Xuyên	6.800.000.000	0	6.800.000.000	6.800.000.000
366	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử chùa Trầm gian, huyện Chương Mỹ	9.518.830.000	18.830.000	9.500.000.000	9.456.988.000
367	Bảo tồn, tôn tạo di tích chùa Láng	1.216.368.000	1.183.770.000	32.598.000	32.598.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
368	Trường THPT Ngô Thì Nhậm, Thanh Trì	15.045.000.000	45.000.000	15.000.000.000	14.299.518.600
369	Xây dựng nhà Giảng đường, Ký túc xá, Trung tâm khám chữa bệnh, Xưởng Dược và các hạng mục phụ trợ của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	10.000.000.000	0	10.000.000.000	7.751.315.000
370	Xây dựng trạm y tế phường Quỳnh Mai	395.805.000	395.805.000	0	395.805.000
371	Xây dựng đường bảo tàng dân tộc học đến đường 32	30.000.000.000	0	30.000.000.000	30.000.000.000
372	Xây dựng Trạm y tế phường Mai Động	8.000.000.000	0	8.000.000.000	6.328.784.000
373	Xây dựng các tuyến đường tiếp giáp các dự án liên quan khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông	21.460.707.000	1.660.707.000	19.800.000.000	3.496.416.000
374	Xây dựng Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 26 quận Hà Đông	610.686.000	0	610.686.000	610.686.000
375	Văn phòng chống lụt bão thị xã Sơn Tây	3.500.000.000	0	3.500.000.000	3.500.000.000
376	Hồ chứa nước Xuân Khanh	457.863.881	0	457.863.881	457.863.881
377	Đường nối từ đường Cao Lỗ đến nhà tang lễ huyện Đông Anh	17.560.000.000	0	17.560.000.000	1.253.617.000
378	Trạm y tế xã Vĩnh Ngọc	568.830.265	0	568.830.265	568.830.265
379	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Đông Anh	33.500.000.000	0	33.500.000.000	32.150.611.205
380	Xây dựng phòng khám đa khoa khu vực Hồng Kỳ	12.000.000.000	0	12.000.000.000	11.220.257.900
381	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối và kênh tưới hồ Hoa Sơn, xã Nam Sơn	7.000.000.000	0	7.000.000.000	7.000.000.000
382	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Thanh Trì	7.000.000.000	0	7.000.000.000	7.000.000.000
383	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tường niệm danh nhân Chu Văn An, huyện Thanh Trì	20.111.078.000	111.078.000	20.000.000.000	750.000.000
384	Trường THPT Phú Xuyên B, Phú Xuyên	10.000.000.000	0	10.000.000.000	10.000.000.000
385	Nâng cấp, cải tạo xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 419, đoạn Km44+00 đến Km60+00 huyện Mỹ Đức	1.600.000.000	0	1.600.000.000	1.600.000.000
386	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển khu nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã: Trung Tú-Đông Tân huyện ứng Hoà, TP Hà Nội	33.048.042.000	5.048.042.000	28.000.000.000	17.377.898.000
387	Nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421A và 421B đoạn qua địa phận huyện Quốc Oai (đoạn từ cầu vượt Sài Sơn đi chùa Thầy đến đường 421A giáp r	1.500.000.000	0	1.500.000.000	853.062.000
388	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã Tân Phú huyện Quốc Oai	5.000.000.000	0	5.000.000.000	347.000.000
389	Xử lý sạt lở bờ kênh xả trạm bơm Trại Ro(tương ứng lý trình Km5+114 đến Km 5+300 và Km5+564 đến Km5+698 đường Hòa Thạch - Quốc Oai)	84.950.000	0	84.950.000	84.950.000
390	Nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 411, đoạn qua địa phận huyện Ba Vì	1.500.000.000	0	1.500.000.000	1.500.000.000
391	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phòng chống cháy rừng và phát triển lâm nghiệp giai đoạn 1 huyện Ba Vì	26.000.000.000	0	26.000.000.000	26.000.000.000
392	Đường tránh QL 32 đoạn qua thị trấn Tây Đằng	14.052.359.000	52.359.000	14.000.000.000	14.000.000.000
393	Trường phổ thông dân tộc nội trú Ba Vì	40.155.482.400	155.482.400	40.000.000.000	40.000.000.000
394	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới Trung Hà thay thế nhiệm vụ tưới của hồ suối Hai huyện Ba Vì	44.000.000.000	0	44.000.000.000	16.445.910.000
395	Cải tạo nâng cấp trạm bơm và kiên cố hóa kênh mương trạch Mỹ Lộc	23.454.000.000	0	23.454.000.000	23.454.000.000
396	Xây dựng mới vùng sản xuất rau an toàn khu đất bãi xã Hát Môn huyện Phúc Thọ	6.500.000.000	0	6.500.000.000	6.500.000.000
397	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Sần (phần kênh và công trình trên kênh)	291.862.000	291.862.000	0	88.000.000
398	ĐA KCH kênh N5 và đường Địa Muối huyện Thanh Oai	23.000.000.000	0	23.000.000.000	20.630.823.000
399	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Bình Minh, huyện Thanh Oai	30.000.000.000	0	30.000.000.000	23.576.000.000
400	Trạm y tế xã Liên Châu	1.260.932.000	0	1.260.932.000	1.260.932.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
401	Trạm y tế xã Tam Hưng	2.808.066.000	0	2.808.066.000	2.808.066.000
402	Trạm y tế xã Xuân Dương huyện Thanh Oai	1.372.013.000	0	1.372.013.000	1.372.013.000
403	Trạm y tế xã Phương Trung huyện Thanh Oai	600.814.000	0	600.814.000	600.814.000
404	Phòng khám đa khoa khu vực Dân Hòa Thanh Oai - HN	2.867.224.000	0	2.867.224.000	2.867.224.000
405	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên tuyến đường 23B đoạn qua địa bàn huyện Mê Linh	9.097.219.000	0	9.097.219.000	9.097.219.000
406	Kênh đâm Và xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	10.000.000.000	0	10.000.000.000	9.500.000.000
407	Trạm y tế xã Văn Khê huyện Mê Linh	1.697.270.000	0	1.697.270.000	1.659.862.000
408	Xử lý tổng thể kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng khu vực Chương Dương quận Hoàn Kiếm phường Bạch Đằng và Thanh Lương quận Hai Bà Trưng từ km67+4	1.000.000.000	0	1.000.000.000	646.727.000
409	Cải tạo nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Phù Đồng huyện Gia Lâm	1.000.000.000	0	1.000.000.000	985.000.000
410	Nâng cấp trạm bơm Đào Nguyên	1.000.000.000	0	1.000.000.000	1.000.000.000
411	Trạm bơm tiêu Yên Thái huyện Hoài Đức	2.000.000.000	0	2.000.000.000	2.000.000.000
412	Các công trình giao thông nông thôn 7 xã nghèo huyện Sóc Sơn	18.000.000.000	0	18.000.000.000	16.964.000.000
413	Xử lý sạt lở sông Bùi thuộc địa phận thị trấn Xuân Mai	1.245.588.000	0	1.245.588.000	1.245.588.000
414	Xử lý sạt lở bờ sông tả Bùi đoạn từ Bùi Xá đi Đồng Cò, thị trấn Xuân Mai	2.500.000.000	0	2.500.000.000	1.885.602.000
415	Cải tạo, nâng cấp mặt đê tả Hồng đoạn từ K53+600 đến K60+850, huyện Đông Anh	20.000.000.000	0	20.000.000.000	19.725.810.000
416	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà, hữu Hồng huyện ba Vì	30.000.000.000	0	30.000.000.000	27.386.779.000
417	sông Giàng huyện Gia Lâm	10.000.000.000	0	10.000.000.000	7.887.807.000
418	Kè chống sạt lở bờ tả hạ lưu đập Đáy, huyện Đan Phượng	18.753.741.031	103.741.031	18.650.000.000	16.775.727.731
419	hoà kênh chính hồ chứa nước Đồng Suối	9.000.000.000	0	9.000.000.000	9.000.000.000
420	Cải thiện hệ thống tưới tiêu khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Xây dựng trạm bơm Yên Nghĩa)	219.308.056.700	19.308.056.700	200.000.000.000	19.419.767.473
421	Cải tạo nâng cấp kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh tiêu T1 huyện Đan Phượng	339.684.089.842	149.684.089.842	190.000.000.000	76.579.043.821
422	Xây dựng Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý năng lượng Hà Nội	40.000.000.000	0	40.000.000.000	34.421.458.600
423	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý tiêu chuẩn ĐLCL của Chi cục TCDDLCL HN	51.167.390.000	14.167.390.000	37.000.000.000	51.163.470.000
424	Xây dựng nhà máy XLNT tập trung Yên Xá Thanh Trì	130.272.000.000	272.000.000	130.000.000.000	115.879.269.600
425	Khu xử lý chất thải Xuân Sơn, Thị xã Sơn Tây	33.437.187.216	166.000.000	33.271.187.216	33.437.187.216
426	Khu LHXLCT Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội	193.273.987.000	844.987.000	192.429.000.000	126.983.388.600
427	Xây dựng tuyến đường Lê Trọng Tấn, đoạn từ đường Tôn Thất Tùng kéo dài đến sông Lừ	1.500.000.000	0	1.500.000.000	1.500.000.000
428	Trường THPT Trần Nhân Tông	845.000.000	45.000.000	800.000.000	844.250.000
429	Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý phổ cập giáo dục các cấp học bậc học Thành phố Hà Nội	14.000.000.000	0	14.000.000.000	13.396.767.422
430	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Hồ Nai	634.500.000	34.500.000	600.000.000	131.728.000
431	Hợp phần Bệnh viện đa khoa Sơn Tây thuộc dự án phát triển bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn II	2.000.000.000	0	2.000.000.000	494.192.000
432	Đầu tư trang thiết bị y tế của Bệnh viện 09 Hà Nội	206.440.101	0	206.440.101	206.440.101
433	Cải tạo nâng cấp Bệnh viện đa khoa Đống Đa	30.072.586.000	72.586.000	30.000.000.000	28.624.130.700
434	Xây dựng nhà ở nuôi dưỡng trẻ em HIV Trung tâm giáo dục lao động XH số 2	5.500.000.000	0	5.500.000.000	5.500.000.000
435	Tăng cường cơ sở vật chất Trung tâm Giáo dục lao động xã hội số VI	1.087.104.000	0	1.087.104.000	1.087.104.000
436	Khảo sát và khai quật khảo cổ tại nút giao thông Đào Tấn và tuyến đê Bưởi	3.000.000.000	0	3.000.000.000	2.787.357.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
437	Xây dựng ô chôn lấp rác thải theo công nghệ chôn lấp bán hiếu khí Fukuoka - Nhật bản tại Khu XLCT	39.043.540.000	243.540.000	38.800.000.000	38.586.371.014
438	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Văn Canh, huyện Hoài Đức	5.500.000.000	0	5.500.000.000	146.288.000
439	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức	45.101.881.000	5.101.881.000	40.000.000.000	7.548.373.702
440	Đầu tư xây dựng công trình Hệ thống tiêu Hiệp Thuận	5.435.610.413	2.435.610.413	3.000.000.000	1.156.087.000
441	Cải tạo nâng cấp và củng cố kênh mương xã Vĩng Xuyên - Phúc Thọ	7.072.337.000	72.337.000	7.000.000.000	7.072.337.000
442	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cấn Hạ	17.678.158.618	678.158.618	17.000.000.000	12.673.045.618
443	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm dã chiến Xuân Phú huyện Phúc Thọ	13.642.000.000	70.000.000	13.572.000.000	13.260.220.000
444	Trạm bơm tiêu Phú Chính	5.000.000.000	0	5.000.000.000	5.000.000.000
445	Trạm bơm Phú Yên	1.388.273.000	0	1.388.273.000	1.388.273.000
446	Kiên cố hoá kết hợp giao thông kênh chính trạm bơm La Khê	23.750.000.000	0	23.750.000.000	17.350.000.000
447	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hòa Lạc	30.350.821.000	350.821.000	30.000.000.000	22.682.821.000
448	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Đan Nhiễm, Thường Tín	6.483.974.900	0	6.483.974.900	6.483.974.900
449	Xây dựng trạm bơm Xóm Cát	20.345.496.300	345.496.300	20.000.000.000	20.202.364.100
450	Cải tạo nâng cấp công trình đầu mối và kiên cố hoá hệ thống trạm bơm Hồng Vân	41.000.000.000	6.000.000.000	35.000.000.000	40.763.240.000
451	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải công nghiệp để phát điện	95.503.419.437	28.503.419.437	67.000.000.000	38.569.756.200
452	Xây dựng doanh trại tiểu đoàn công binh 544/Bộ tư Lệnh Thủ Đô Hà Nội	19.000.000.000	0	19.000.000.000	19.000.000.000
453	Công trình phòng thủ STN 02.3	25.000.000.000	0	25.000.000.000	23.486.530.000
454	Cải tạo, mở rộng cơ sở làm việc, thường trực chỉ huy PCCC, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC Thủ	29.749.095.000	3.749.095.000	26.000.000.000	28.494.450.000
455	Cải tạo, sửa chữa Trường cao đẳng cộng đồng Hà Nội	857.001.365	0	857.001.365	857.001.365
456	Đầu tư trang TB PCCC, cứu hộ, cứu nạn và cơ sở vật chất cho 10 phòng cảnh sát PCCC khu vực hiện có	410.807.812.000	807.812.000	410.000.000.000	99.552.765.558
457	Xây dựng hệ thống mạng máy tính diện rộng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương của Bộ Tư lệnh thủ đô	12.000.000.000	0	12.000.000.000	12.000.000.000
458	Trường THPT Kim Liên	15.000.000.000	0	15.000.000.000	356.074.000
459	Xây dựng đường Tiền Phong - Nam Hồng đến Khu công nghiệp Quang Minh II	8.356.992.863	0	8.356.992.863	8.356.992.863
460	Đầu tư XD hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực khảo cổ 18 Hoàng Diệu	43.999.857.123	18.999.857.123	25.000.000.000	17.546.467.455
461	Xây dựng nhà chăm sóc sức khoẻ sinh sản trung tâm y tế Hà Đông	8.000.000.000	0	8.000.000.000	8.000.000.000
462	Trạm y tế xã An Phú	5.000.000.000	0	5.000.000.000	4.957.960.000
463	KCH kênh trạm bơm Đại Cường kết hợp làm đường giao thông nội đồng huyện ứng Hoà	432.088.627	0	432.088.627	322.154.000
464	Dự án xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã Minh Châu huyện Ba Vì	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000
465	Tu sửa kéo dài kè Mộc Xá đê tả Đáy, huyện Thanh Oai	153.188.000	0	153.188.000	153.188.000
466	Xây dựng tuyến đường từ Trường Đại học Mỏ địa chất ra đường Phạm Văn Đồng	77.376.076.070	11.376.076.070	66.000.000.000	19.443.550.675
467	Cải tạo, nâng cấp mở rộng quốc lộ 32 đoạn Cầu Diễn - Nhôn (Km10+420 - Km14+493,65)	9.596.909.777	9.596.909.777	0	972.572.448
468	Xây dựng hệ thống hợp trục tuyến phục vụ công tác quản lý, điều hành của thành phố Hà Nội	28.000.000.000	0	28.000.000.000	27.943.441.800
469	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng công chứng số 10	25.593.400	25.593.400	0	25.593.400
470	Cung thiếu nhi Hà Nội	4.000.000.000	0	4.000.000.000	3.615.380.000
471	Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	7.014.315.430	14.315.430	7.000.000.000	3.564.173.547
472	Cải tạo, mở rộng cầu Trung Tự kết hợp chỉnh trang tuyến đường Phạm Ngọc Thạch	300.000.000	0	300.000.000	300.000.000
473	Cải tạo nút giao thông Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch	300.000.000	0	300.000.000	207.000.000
474	Xây dựng cầu đi bộ qua đường khu nhà công nghiệp Bắc Thăng Long (Cầu số 2)	5.500.000.000	0	5.500.000.000	4.750.069.872

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
475	Xây dựng hầm đường bộ có kết hợp cho người đi bộ nối từ phố Trần Nguyên Hãn sang phố Chương	200.000.000	0	200.000.000	10.164.000
476	Cầu Thụy Ứng	5.280.000	0	5.280.000	5.280.000
477	XD cải tạo Trường THPT Trần Đăng Ninh	10.000.000.000	0	10.000.000.000	9.058.472.000
478	Trường THPT Chương Mỹ B, huyện Chương Mỹ	8.000.000.000	0	8.000.000.000	8.000.000.000
479	Xây mới bệnh viện Nhi Hà Nội	11.222.600.000	222.600.000	11.000.000.000	4.097.383.228
480	Xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực An Mỹ, Mỹ Đức	4.747.059.000	0	4.747.059.000	4.747.058.000
481	Xây dựng tuyến đường vào kết nối khu xử lý rác thải tập trung của thành phố tại thôn Đồng Ké, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ	200.000.000	0	200.000.000	199.691.556
482	Đầu tư trang thiết bị CNTT và truyền thông phục vụ Trung tâm đào tạo Công nghệ thông tin và Truyền thông Thành phố Hà Nội - giai đoạn 2	8.900.000.000	0	8.900.000.000	8.896.430.921
483	Tăng cường trang thiết bị cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	29.492.745.296	14.492.745.296	15.000.000.000	27.174.477.369
484	Chuyển đổi công nghệ số hóa sản xuất - phát sóng truyền hình Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội giai đoạn 2013-2015	80.000.000.000	0	80.000.000.000	72.849.201.960
485	Xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối Quốc lộ 1A với đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, đoạn qua Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội	900.000.000	0	900.000.000	757.231.900
486	Dự án Xây dựng Cung Văn hoá thể thao Thanh niên Hà Nội	1.500.000.000	0	1.500.000.000	28.700.000
487	Đầu tư trang thiết bị PCCC, CHCN và cơ sở vật chất cho các phòng CSPCCC khu vực Đống Đa, Gia Lâm, Thường Tín, Ứng Hòa, Đan Phượng và Thạch Thất	317.000.000.000	0	317.000.000.000	971.300.000
488	Bảo tồn tường hành cung phía tây khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội	12.116.000.000	116.000.000	12.000.000.000	6.268.927.000
489	Xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải công suất 2.000m3/ngày đêm tại cụm công nghiệp Quất Động	2.565.000.000	2.565.000.000	0	2.565.000.000
490	Trạm xử lý nước thải công suất 500m3/ngày đêm thuộc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội	5.435.250.000	5.435.250.000	0	5.340.065.941
491	Kè Hồ Đàm - Ba Đình	1.188.902.185	0	1.188.902.185	1.160.916.000
492	Xây dựng hạ tầng khu di dân Dịch Vọng - Cầu Giấy	35.464.000	0	35.464.000	35.463.610
493	Xây dựng tuyến đường ngõ 124 Âu Cơ	30.000.000.000	0	30.000.000.000	16.034.965.300
494	XD HTKT khu D5 (các khu đầu thầu quyền SD đất thuộc quận Tây Hồ)	1.355.403.500	0	1.355.403.500	1.342.911.500
495	Xây dựng tuyến đường 25m từ đê sông Đuống đến tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 40m (tiếp giáp với trường Pháp Alexandre Yersin)	40.000.000.000	0	40.000.000.000	1.331.827.000
496	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đình, chùa Lê Mật, phường Việt Hưng	1.727.354.149	0	1.727.354.149	1.727.354.149
497	Trạm y tế phường Phú La	6.598.651.000	0	6.598.651.000	6.596.742.000
498	Xây dựng trường Tiểu học trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	500.000.000	0	500.000.000	500.000.000
499	Xây dựng trường THCS Đặng Xá trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	500.000.000	0	500.000.000	500.000.000
500	Đường Dốc Lã-Ninh Hiệp-Phù Đồng- Trung Mậu	7.552.381.525	0	7.552.381.525	7.552.380.850
501	Xây dựng hạ tầng cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm	6.073.864.595	0	6.073.864.595	436.553.000
502	Bồi thường GPMB, san nền sơ bộ khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Trâu Quỳ và xã Đặng Xá. Huyện Gia Lâm	5.537.160.710	0	5.537.160.710	5.512.239.710
503	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cụm công nghiệp Phú Thị, huyện Gia Lâm	5.986.435.000	0	5.986.435.000	5.986.435.000
504	Xây dựng trạm y tế phường Xuân Phương	8.000.000.000	0	8.000.000.000	7.327.456.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
505	Xây dựng trạm y tế phường Mỹ Đình 1	7.000.000.000	0	7.000.000.000	6.971.731.708
506	Xây dựng trạm y tế phường Phú Đô	7.000.000.000	0	7.000.000.000	6.860.234.351
507	Xây dựng trường THPT Xuân Phương	500.000.000	0	500.000.000	500.000.000
508	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao Khu nhà ở công nhân Kim Chung, huyện Đông Anh	250.000.000	0	250.000.000	19.000.000
509	Xây dựng nhà để xe mẫu giao tại 04/11-01, khu nhà ở phục vụ công nhân, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội	250.000.000	0	250.000.000	189.654.000
510	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Kim Chung	10.000.000.000	0	10.000.000.000	9.958.424.000
511	Công trình Hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải 1000m3/ngày đêm tại Cụm Công nghiệp Nguyễn Khế, Đông Anh	7.965.907.000	0	7.965.907.000	5.575.414.500
512	Xây dựng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất khu san lấp bãi đồ bùn xã Yên Mỹ	7.000.000.000	0	7.000.000.000	217.939.000
513	Trung tâm thể dục thể thao huyện Thanh Trì	237.054.000	0	237.054.000	237.054.000
514	ĐA bể bơi có mái che-TTĐTT Huyện TTTrì	2.422.752.000	0	2.422.752.000	2.422.752.000
515	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 đoạn từ Km62+050 đến Km68+707 (từ Bệnh viện huyện đến xã Dốc Tín, Km1+685 đến Km8+342 theo lý trình cũ)	1.500.000.000	0	1.500.000.000	1.500.000.000
516	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ khu nuôi trồng thủy sản tập trung huyện Mỹ Đức	2.442.320.000	0	2.442.320.000	2.442.320.000
517	Kè chống sạt lở khu vực Đền Đức Thánh Cả xã Vạn Thái huyện ứng Hoà	323.340.000	0	323.340.000	323.340.000
518	Trạm y tế Liên Bat, Huyện ứng Hoà	2.423.500.000	0	2.423.500.000	2.362.831.450
519	Trạm y tế Xã Vạn Thái, Huyện ứng Hoà	5.182.925.000	0	5.182.925.000	5.084.628.200
520	Trạm y tế Xã Lưu Hoàng, Huyện ứng Hoà	877.145.445	0	877.145.445	877.145.445
521	Trạm y tế xã Đông Tân huyện ứng hòa Thành phố Hà Nội	1.209.632.911	0	1.209.632.911	1.209.632.911
522	CT cải tạo lắp đặt HT chiếu sáng đường 429 qua khu tưởng niệm Hồ Chủ tịch, xã Nghiêm Xuyên; đường tỉnh lộ 427 qua địa phận Văn Phú-Hiến Giang	800.000.000	0	800.000.000	800.000.000
523	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Liên Phương, huyện Thường Tín	4.671.763.000	0	4.671.763.000	1.401.529.000
524	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công xuất 1000m3/NĐ tại cụm công nghiệp Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	6.182.416.000	0	6.182.416.000	6.182.416.000
525	Công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ	4.033.131.000	0	4.033.131.000	1.073.346.966
526	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ khu nuôi trồng thủy sản tại 5 xã Cổ Đô, Phú Đông, Phú Cường, Phong Vân và Vạn Thắng, huyện Ba Vì	3.100.000.000	0	3.100.000.000	3.100.000.000
527	Sửa chữa nâng cấp hồ Yên Hồng 2	2.775.826.000	0	2.775.826.000	2.775.826.000
528	Trạm y tế xã Ba Trại	5.000.000.000	0	5.000.000.000	5.000.000.000
529	Trạm y tế xã Minh Quang	7.000.000.000	0	7.000.000.000	7.000.000.000
530	Xây dựng tuyến đường VĐ3,5 (các đoạn Km1+700-Km2+50; Km2+550-Km3+340), huyện Hoài Đức	200.000.000	0	200.000.000	200.000.000
531	nâng cấp đường tỉnh 418 (tỉnh lộ 82 cũ) đoạn Km3-Km4+500, huyện Phúc Thọ	1.200.000.000	0	1.200.000.000	1.199.582.000
532	Trạm y tế xã Liên Hiệp	7.500.000.000	0	7.500.000.000	5.250.000.000
533	Trạm y tế xã Đại Đồng	1.801.354.000	0	1.801.354.000	1.801.354.000
534	Trạm y tế xã Yên Trung, huyện Thạch Thất	439.098.000	0	439.098.000	439.098.000
535	Công trình xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho Cụm công nghiệp Bình Phú, huyện Thạch Thất	2.086.947.000	0	2.086.947.000	2.086.947.000
536	Cải tạo, chỉnh trang đường nối từ Quốc lộ 21B (ngã ba Thạch Bích) đi huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai	900.000.000	0	900.000.000	570.000.000
537	Trung tâm GDTX Mê Linh (nhà lớp học 3t12p+nha điều hành)	1.997.125.631	0	1.997.125.631	1.967.401.842

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
538	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo - Jica. Phần GPMB: Quận Bắc Từ Liêm	50.000.000.000	0	50.000.000.000	17.345.756.340
539	Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội - Phần GPMB do quận Bắc Từ Liêm thực hiện	9.963.000.000	0	9.963.000.000	6.643.718.809
540	Đầu tư các công trình Thuỷ Lợi ở 7 xã còn nhiều hộ nghèo của huyện Sóc Sơn	800.000.000	0	800.000.000	800.000.000
541	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cự Thẩn, huyện Thanh Oai	500.000.000	0	500.000.000	500.000.000
542	Xử lý bảo đảm ổn định khu vực cửa sông Đuống	1.000.000.000	0	1.000.000.000	700.000.000
543	Đầu tư cải tạo các chợ nông thôn ở 7 xã còn nhiều hộ nghèo, huyện Sóc Sơn	2.000.000.000	0	2.000.000.000	1.736.210.000
544	Dự án cấp nước sạch liên xã trung Hòa, Trường Yên, huyện Chương Mỹ	1.860.000.000	0	1.860.000.000	2.324.300
545	Kè Hồng Hà	102.080.000	0	102.080.000	102.080.000
546	Kè Thái Hoà- Phong Vân	95.954.000	0	95.954.000	95.954.000
547	Kè Hạc Sơn (Hạ lưu kè Châu Sơn)	76.257.000	0	76.257.000	76.257.000
548	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội (đoạn từ K2+030 đến K8+800 đê Văn Cốc, huyện Phúc Thọ, huyện Đan Phượng)	37.851.000.000	0	37.851.000.000	4.775.000.000
549	Dự án cấp nước sạch liên xã Cổ Đô, Phong Vân, huyện Ba Vì	1.603.000.000	0	1.603.000.000	1.598.757.100
550	Dự án cấp nước sạch liên xã Hiệp Thuận, Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ	4.901.000.000	0	4.901.000.000	3.158.838.917
551	Dự án cấp nước sạch xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức	2.026.000.000	0	2.026.000.000	1.946.310.300
552	Dự án cấp nước sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thùy, huyện Thanh Oai	1.810.000.000	0	1.810.000.000	937.633.588
553	Xây dựng nhà kho tạm giữ hàng hóa, phương tiện vi phạm thuộc chi cục quản lý thị trường Hà Nội	500.000.000	0	500.000.000	499.187.460
554	Trụ sở làm việc đội quản lý thị trường số 7	56.897.000	0	56.897.000	44.227.000
555	Trụ sở làm việc đội quản lý thị trường số 11	62.290.500	0	62.290.500	48.407.000
556	Trụ sở làm việc đội quản lý thị trường số 15	99.371.000	0	99.371.000	88.770.000
557	Xây dựng Trường Đại học thủ đô Hà Nội	1.500.000.000	0	1.500.000.000	609.472.000
558	Dự án xây dựng Hệ thống thông tin phục vụ công tác cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội	328.962.095	0	328.962.095	328.937.500
559	Phá dỡ nhà nguy hiểm, xây dựng mới nhà 252 Tôn Đức Thắng	245.989.000	0	245.989.000	245.989.000
560	Xây dựng tuyến đường nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến Quốc lộ 21, huyện Thạch Thất	600.000.000	0	600.000.000	600.000.000
561	XD cầu đi bộ kết hợp cho xe thô sơ, xe máy qua đường Bắc Thăng Long - Nội Bài tại đoạn giao cắt TTTM Mễ Linh Plaza sang KCN Quang Minh 1	200.000.000	0	200.000.000	200.000.000
562	Tuyến đường cơ động của Trung đoàn 692/Sư đoàn bộ binh 301	21.400.000.000	0	21.400.000.000	17.615.916.000
563	Cải tạo hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 1A đoạn qua cầu Văn Điển đến Km 11	120.724.000	0	120.724.000	120.724.000
564	Phối hợp phủ mặt đường tỉnh 413 (ĐT 88) Km14+100 - Km22+878,7	434.376.000	0	434.376.000	434.376.000
565	Nhà ăn Tỉnh uỷ Hà Tây(cũ)	36.133.000	0	36.133.000	36.133.000
566	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành Giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội	500.000.000	0	500.000.000	190.999.600
567	ĐA xây dựng nhà học trường THPT Cao Bá Quát, huyện Gia Lâm	7.000.000.000	0	7.000.000.000	5.850.000.000
568	Trường THPT Mỹ Đức B (2008)	1.224.820.000	0	1.224.820.000	1.222.671.000
569	Trường THPT Ngô Quyền	1.744.112.018	0	1.744.112.018	1.744.111.400
570	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	1.000.000.000	0	1.000.000.000	471.000.000
571	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải lỏng	5.622.000	0	5.622.000	5.622.000
572	Cải tạo, sửa chữa Trường cao đẳng y tế Hà Nội	827.044.935	0	827.044.935	827.044.935

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
573	Tăng cường cơ sở vật chất Trung tâm bảo trợ xã hội 2 Hà Nội	300.000.000	0	300.000.000	138.273.600
574	Cải tạo sửa chữa chống xuống cấp Trung tâm Điều dưỡng người có công số 1 Hà Nội	300.000.000	0	300.000.000	300.000.000
575	Trường trung cấp nghề số 1 Hà Nội	362.502.000	0	362.502.000	355.571.000
576	Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật Trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao Hà Nội	100.000.000	0	100.000.000	86.441.157
577	Xây dựng rạp Đồng Đô	500.000.000	0	500.000.000	173.160.800
578	Cải tạo, sửa chữa hệ thống mái và điều hòa không khí Cung thể thao Quần Ngựa	500.000.000	0	500.000.000	430.510.000
579	Tu bổ tôn tạo di tích nhà số 90 Thọ Nhuộm	6.000.000.000	0	6.000.000.000	6.000.000.000
580	Dự án nâng cấp mở rộng di tích nhà Hồ Chủ tịch ở và làm việc tháng 12/1946	500.000.000	0	500.000.000	500.000.000
581	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Bà Kiệu	6.600.000.000	0	6.600.000.000	5.606.218.000
582	Đầu tư trang thiết bị chuyên dùng cho hoạt động TT&TT cổ động	1.300.000.000	0	1.300.000.000	1.294.993.680
583	Đầu tư trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại Khu LHXH chất thải Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	6.100.000.000	0	6.100.000.000	236.582.820
584	Đo đạc hiện trạng và cắm mốc ranh giới sử dụng đất cho các nông lâm trường, trạm trại và đất rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội	15.000.000.000	0	15.000.000.000	15.000.000.000
585	Xây dựng đường và hệ thống mương thoát nước cho khu dân cư và các khu cụm công nghiệp tại xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	2.133.552.092	0	2.133.552.092	2.133.552.092
586	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro tại xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội	4.528.996.000	0	4.528.996.000	4.528.988.000
587	Dự án HTKT tăng cường năng lực cơ quan quản lý ĐSDT HN và thành lập Công ty vận hành và bảo dưỡng các tuyến ĐSDT trên địa bàn TPHN	4.500.000.000	0	4.500.000.000	2.994.016.944
588	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính	2.022.438.588	0	2.022.438.588	1.942.615.631
589	STN.01.1	15.000.000.000	0	15.000.000.000	2.400.107.000
590	Hệ thống hội nghị truyền hình Công an Thành phố	15.000.000.000	0	15.000.000.000	13.771.116.494
591	Trụ sở phòng cảnh sát PCCC Long Biên	15.000.000.000	0	15.000.000.000	958.519.000
592	Trụ sở phòng cảnh sát PCCC Cầu Giấy	27.000.000.000	0	27.000.000.000	1.368.060.000
593	Trụ sở Viện Kiểm sát Nhân dân Huyện Đông Anh	7.600.000.000	0	7.600.000.000	4.213.743.050
594	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp Thanh Oai	8.361.826.000	0	8.361.826.000	6.908.764.000

QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT GIẢI NGÂN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HÀ NỘI

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng	212.499.569.000	5.499.569.000	207.000.000.000	198.685.052.200
1	Trường THCS Đường Lâm	4.500.000.000	0	4.500.000.000	4.460.121.000
2	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Thanh Trì	2.530.564.000	2.530.564.000	0	2.530.564.000
3	Xây dựng nhà chăm sóc sức khỏe sinh sản trung tâm y tế Hà Đông	1.280.634.000	1.280.634.000	0	1.280.634.000
4	Xây dựng trạm y tế xã Bạch Hạ	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000
5	Xây dựng trường mầm non trung tâm xã Xuy Xá	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000
6	Trạm y tế xã An Phú	3.461.278.000	461.278.000	3.000.000.000	3.424.477.000
7	Trường mầm non trung tâm xã Tô Hiệu	4.120.000.000	120.000.000	4.000.000.000	4.120.000.000
8	Trường THCS xã Đông Xuân	3.000.000.000	0	3.000.000.000	2.999.995.200
9	Trường mầm non trung tâm xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất	13.000.000.000	0	13.000.000.000	12.855.881.000
10	Xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực An Mỹ, Mỹ Đức	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000
11	Xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực Tri Thủy	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000
12	Xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực Lưu Hoàng	3.000.000.000	0	3.000.000.000	2.900.000.000
13	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Ngọc Tảo	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000
14	Trường tiểu học Phú Thịnh (nhà đa năng, nhà WC, nhà xe, sân nền, kê đá tường bao, sân, rãnh)	4.500.000.000	0	4.500.000.000	4.500.000.000
15	Trường Mầm non thị trấn Trâu Quỳ	8.500.000.000	0	8.500.000.000	6.000.000.000
16	Trường mầm non Tân minh khu B	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
17	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Vạn Phúc, huyện Thanh Trì	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
18	Trường THCS thị trấn Phú Xuyên	5.000.000.000	0	5.000.000.000	5.000.000.000
19	Trường mầm non Văn Hoàng	5.000.000.000	0	5.000.000.000	4.350.000.000
20	Trường tiểu học Hương Sơn A	10.500.000.000	0	10.500.000.000	10.500.000.000
21	Trường tiểu học xã Phù Lưu Tế	10.200.000.000	0	10.200.000.000	9.240.000.000
22	Trường THCS Hợp Thanh	5.300.000.000	0	5.300.000.000	5.300.000.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
1	2	3	4	5	6
23	Trường trung học cơ sở xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	8.500.000.000	0	8.500.000.000	8.500.000.000
24	Trường Mầm non trung tâm xã Đại Cường huyện ứng Hòa	10.500.000.000	0	10.500.000.000	10.500.000.000
25	Trường THCS Đội Bình	5.300.000.000	0	5.300.000.000	5.300.000.000
26	Trường THCS xã Tự Nhiên	7.000.000.000	0	7.000.000.000	7.000.000.000
27	Trường tiểu học Hà Hồi, huyện Thường Tín	5.500.000.000	0	5.500.000.000	5.228.322.000
28	Trường mầm non trung tâm xã Nhị Khê	4.000.000.000	0	4.000.000.000	2.974.351.000
29	Trường mầm non trung tâm xã Sài Sơn	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
30	Trường tiểu học xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai	5.300.000.000	0	5.300.000.000	4.930.003.000
31	Trường THCS Phụng Châu huyện Chương Mỹ	10.300.000.000	0	10.300.000.000	10.300.000.000
32	Trường Mầm non trung tâm xã Trung Hòa	5.500.000.000	0	5.500.000.000	4.113.307.000
33	Nâng cấp trạm y tế xã Ba Vì	1.107.093.000	1.107.093.000	0	1.107.093.000
34	Trường THCS Khánh Thượng	4.000.000.000	0	4.000.000.000	3.172.935.000
35	Trường tiểu học Yên Bài A	4.000.000.000	0	4.000.000.000	2.805.655.000
36	Trường tiểu học Bò và Đồng Cò Ba Vì	10.000.000.000	0	10.000.000.000	9.200.000.000
37	Trường mầm non Dương Liễu	3.500.000.000	0	3.500.000.000	530.714.000
38	Trường tiểu học xã Liên Hiệp huyện Phúc Thọ	6.800.000.000	0	6.800.000.000	6.800.000.000
39	Trường THCS xã Phương Trung	5.000.000.000	0	5.000.000.000	4.461.000.000
40	Trường THCS xã Liên Châu huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	5.300.000.000	0	5.300.000.000	5.300.000.000

QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN XDCB VỐN NGÂN SÁCH GIẢI NGÂN QUA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
	TỔNG CỘNG	1.692.424.742.304	873.670.194.908	818.754.547.396	1.568.024.500.126
1	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB tại xã Phú Diễn huyện Từ Liêm	60.553.500	60.553.500		60.553.500
2	Dự án xây dựng khu TĐC xã Ninh Hiệp	15.044.425.900	15.044.425.900		15.044.366.300
3	GPMB và san nền sơ bộ khu TĐC phục vụ GPMB dự án cải tạo đường Dốc Hội Đại học Nông Nghiệp I	18.817.300	18.817.300		18.817.300
4	Nhà ở cao tầng CT1 tại khu đô thị Hoàng Văn Thụ	9.000.000	9.000.000		9.000.000
5	Khi di dân TĐC GPMB tại điểm X2 Phú Thượng	278.000.000	278.000.000		278.000.000
6	Xây dựng nhà ở cao tầng và các công trình phụ trợ khu di dân Đồng tàu giai đoạn I	636.667.041	636.667.041		57.925.000
7	Dự án Bảo tàng Hà Nội	803.708.388.667	803.708.388.667		751.217.144.058
8	Khu tái định cư Xuân La phục vụ xây dựng khu đô thị mới Tây Hồ Tây	24.633.758.500	24.633.758.500		3.095.806.000
9	ĐTXD nhà ở chung cư cao tầng phục vụ di dân GPMB - NO1 tại ô đất D17 Khu ĐTM Cầu Giấy	15.155.425.000	15.155.425.000		1.200.000.000
10	Nhà ở di dân GPMB tại phường Kim Giang	11.585.000.000	11.585.000.000		1.950.000.000
11	XD quỹ nhà ở TĐC của thành phố tại ô đất CT10 khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang I	250.000.000	250.000.000		100.000.000
12	Nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại điểm X1 phường Hạ Đình	280.159.000	280.159.000		280.159.000
13	Xây dựng nhà ở tái định cư của Thành phố tại ô đất CT7 thuộc khu đô thị mới Mỹ Đình - Mễ Trì, huyện Từ Liêm	10.000.000	10.000.000		10.000.000
14	Xây dựng nhà ở tại ô đất DD2 khu vực Hồ Ba Giang, P.Quang Trung	2.000.000.000	2.000.000.000		940.365.400
15	Đặt hàng mua nhà tại ô đất B6, B10 khu TĐC Nam Trung Yên	54.421.000.000		54.421.000.000	54.420.030.401

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
16	Đặt hàng mua nhà tại ô đất CT12 khu nhà ở Vĩnh Hoàng	97.000.000.000		97.000.000.000	97.000.000.000
17	Khu nhà ở mở rộng ao Lò Ngói Ngà Kéo (khu nhà ở Vĩnh Hoàng)	19.000.000.000		19.000.000.000	17.338.513.772
18	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT4 khu tái định cư tập trung huyện Từ Liêm	26.000.000.000		26.000.000.000	26.000.000.000
19	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT5 khu tái định cư tập trung huyện Từ Liêm	2.300.000.000		2.300.000.000	121.505.000
20	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT6 khu tái định cư tập trung huyện Từ Liêm	2.200.000.000		2.200.000.000	512.033.000
21	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng NO1, NO2, NO3 Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng phía Tây nam Đại học Thương mại	20.000.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000
22	Dự án Đầu tư Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng phục vụ di dân GPMB - NƠ1 tại ô đất D17 khu Đô thị mới Cầu Giấy	9.500.000.000		9.500.000.000	9.500.000.000
23	Nhà ở phục vụ tái định cư tại khu Sóng Hoàng	400.000.000		400.000.000	231.249.000
24	Xây dựng nhà ở tái định cư phục vụ GPMB khu di dân Đền Lừ III	32.000.000.000		32.000.000.000	22.000.000.000
25	Xây dựng khu tái định cư và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu B10/ODK3 thuộc phường Yên Sở, Hoàng Mai	15.000.000.000		15.000.000.000	14.140.291.400
26	Xây dựng khu tái định cư (xây dựng nhà ở cao tầng) tại ô đất C13/DD1 thuộc phường Trần Phú, Hoàng Mai	42.400.000.000		42.400.000.000	35.100.000.000
27	Nhà ở phục vụ di dân GPMB tại phường Kim Giang	102.000.000.000		102.000.000.000	102.000.000.000
28	Nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại điểm X1 phường Hạ Đình	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000
29	Nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại điểm X2 phường Hạ Đình	25.405.608.000		25.405.608.000	25.405.608.000
30	Xây dựng nhà ở cao tầng di dân tái định cư X2 Đại Kim	2.600.000.000		2.600.000.000	2.535.414.442
31	Dự án xây dựng nhà tái định cư tại quỹ đất 20% thuộc Dự án 310 Minh Khai	7.900.000.000		7.900.000.000	7.900.000.000
32	Đặt hàng mua nhà tại lô 27 khu ĐTM Bắc Đại Kim mở rộng	15.480.882.529		15.480.882.529	15.480.382.221

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
33	Đặt hàng mua nhà tại lô 26A khu ĐTM Bắc Đại Kim mở rộng	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000
34	Nhà ở tại lô đất X1, lô OCT1 khu nhà ở Bắc Linh Đàm mở rộng phục vụ các đối tượng chính sách và GPMB	16.000.000.000		16.000.000.000	16.000.000.000
35	Xây dựng nhà ở tại ô đất DD2 khu vực Hồ Ba Giang, P.Quang Trung	522.000.000		522.000.000	142.030.002
36	Xây dựng nhà ở tái định cư của Thành phố tại ô đất CT7 thuộc khu đô thị mới Mỹ Đình - Mễ Trì, huyện Từ Liêm	3.439.000.000		3.439.000.000	2.749.249.463
37	Xây dựng khu tái định cư Xuân La phục vụ xây dựng khu đô thị mới Tây Hồ Tây	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000
38	Dự án XD nhà ở cho công nhân thuê xã Kim Chung, Đông Anh do Công ty CP Đầu tư xây dựng HN làm chủ đầu tư	11.202.660.207		11.202.660.207	11.202.660.207
39	Dự án XD nhà ở cho công nhân thuê xã Kim Chung, Đông Anh do ViNaCoNex là chủ đầu tư	36.761.033.890		36.761.033.890	36.761.033.890
40	Đặt hàng mua nhà tại ô đất CTI1A - Vĩnh Hoàng	8.211.846.000		8.211.846.000	8.211.846.000
41	Đặt hàng mua nhà tại ô đất CTI1B - Vĩnh Hoàng	669.398.588		669.398.588	669.398.588
42	Dự án đầu tư: Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng N01, N02, N03 khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng phía Tây Nam Đại học Thương Mại	181.562.616.000		181.562.616.000	181.562.616.000
43	ĐTXD nhà ở chung cư cao tầng phục vụ di dân GPMB - NO1 tại ô đất D12 Khu ĐTM Cầu Giấy	2.800.000.000		2.800.000.000	2.800.000.000
44	ĐTXD nhà ở chung cư cao tầng phục vụ di dân GPMB - NO3 tại ô đất D12 Khu ĐTM Cầu Giấy	3.200.000.000		3.200.000.000	3.200.000.000
45	Xây dựng nhà ở cao tầng TĐC phục vụ GPMB khu di dân Đền Lừ III	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000
46	XD khu TĐC và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu C13/DD1 thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai	5.770.000.000		5.770.000.000	5.770.000.000
47	Đặt hàng mua nhà 32 căn hộ tại quỹ nhà 30% của dự án Xây dựng nhà ở để bán tại Sài Đồng	3.432.693.098		3.432.693.098	3.432.693.098

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
48	Xây dựng nhà ở tại ô đất DD2 khu vực Hồ Ba Giang, P.Quang Trung	375.809.084		375.809.084	375.809.084
49	Xây dựng nhà ở tái định cư của Thành phố tại ô đất CT1 thuộc khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang 1	700.000.000		700.000.000	700.000.000
50	Xây dựng quỹ nhà ở TĐC của thành phố tại ô đất CT10 khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang I	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000

QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN XDCB VỐN NGÂN SÁCH GIẢI NGÂN QUA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
	TỔNG CỘNG	1.910.931.328.549	0	1.910.931.328.549	1.910.275.388.105
1	Thành phần đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh thuộc dự án cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (sử dụng vốn ODA Nhật Bản) - đoạn qua địa phận huyện Đông Anh	1.875.676.700		1.875.676.700	1.875.676.700
2	Thành phần đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh thuộc dự án cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (sử dụng vốn ODA Nhật Bản)	38.254.350.907		38.254.350.907	38.254.350.907
3	Xây dựng mở rộng Nghĩa trang thôn Bạch Trữ, xã Tiến Thắng phục vụ di chuyển mồ mã GPMB dự án đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh	82.313.000		82.313.000	82.313.000
4	GPMB theo quỹ hoạch dự án công viên nghĩa trang Yên Kỳ giai đoạn I và GPMB 51,53 ha thuộc xã Phú Sơn, xã Thái Hòa huyện Ba Vì để làm thao trường huấn luyện mới cho Trường trung cấp kỹ thuật công binh phục vụ dự án Công viên nghĩa trang Yên Kỳ	111.300.511.210		111.300.511.210	111.300.511.210
5	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất tại số 100 phố Hoàng Cầu, quận Đống Đa, Hà Nội	198.185.000		198.185.000	198.185.000
6	GPMB để Xây dựng tuyến đường số 1 vào trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây	147.826.882		147.826.882	147.826.882
7	GPMB thực hiện dự án khu TĐC Xuân La phục vụ xây dựng khu đô thị mới Tây Hồ Tây, phường Xuân La Quận Tây Hồ	814.336.121		814.336.121	814.336.121
8	GPMB tạo Quỹ đất sạch để xây dựng dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội	2.134.092.000		2.134.092.000	2.134.092.000
9	GPMB và xây dựng hàng rào tạm khu депô và đường dẫn vào đề pô thuộc dự án xây dựng Tuyến đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến 2, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1.094.642.000		1.094.642.000	1.094.642.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
10	GPMB tạo quỹ đất xây dựng đường vào depot xe điện thuộc dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội (đoạn Nhôn- Ga HN)	15.960.844.819		15.960.844.819	15.960.844.819
11	GPMB tạo quỹ đất xây dựng depot xe điện thuộc dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội (đoạn Nhôn- Ga HN) quận Bắc Từ Liêm	7.220.023.982		7.220.023.982	7.220.023.982
12	BTHT và TĐC theo quy hoạch tại ô đất ký hiệu 1H, khu LHTT Quốc gia Xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm để bố trí xây dựng TTTT quân đội thuộc Bộ Quốc Phòng do phải di chuyển khỏi khu vực Thành cổ Hà Nội	1.484.196.000		1.484.196.000	1.484.196.000
13	Dự án BTHT và TĐC theo quy hoạch thực hiện GPMB một phần ô đất ký hiệu C.7/CCTP, phường Giang Biên và Phúc Lợi, Q.Long Biên phục vụ TĐC các cơ quan thuộc BQP	525.000.000		525.000.000	525.000.000
14	GPMB, xây dựng HTKT trong và ngoài hàng rào khu TĐC phường Trần Phú, quận Hoàng Mai phục vụ công tác GPMB Công viên Tuổi trẻ Thủ đô	1.453.400.714		1.453.400.714	1.453.400.714
15	GBPM và san nền sơ bộ Khu đô thị Tây Nam Kim Giang I theo địa giới hành chính huyện Thanh Trì	12.967.636.300		12.967.636.300	12.967.636.300
16	XD nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt 2000 tấn/ngày đêm tại khu Liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn, Hà Nội	55.528.000		55.528.000	55.528.000
17	GPMB dự án xây dựng nghĩa trang tại hai xã Nam Sơn, Bắc Sơn phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn giai đoạn II	2.589.672.600		2.589.672.600	2.589.672.600
18	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Tiên Dược - Mai Đình - Sóc Sơn (Phần GPMB)	93.559.464		93.559.464	93.559.464
19	BTHT và TĐC theo quy hoạch khu đất xen kẹt, cắt xén tại các xã Nam Sơn Bắc Sơn phục vụ triển khai thực hiện dự án đầu tư Khu LHXLT Sóc Sơn	58.350.936.662		58.350.936.662	58.350.936.662
20	Mở rộng nghĩa trang Trinh Lương, phường Phú Lương phục vụ dự án đường dẫn Depot - Đường sắt tuyến đô thị Cát Linh - Hà Đông, Quận Hà Đông, Hà Nội	9.368.821.000		9.368.821.000	9.368.821.000
21	Bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh huyện Ba Vì, địa điểm: Xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì	20.534.331.900		20.534.331.900	20.534.331.900
22	Công tác GPMB, di chuyển các hộ dân trong vùng ảnh hưởng môi trường (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu XLCT Xuân Sơn) thuộc địa giới hành chính xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì.	748.808.609		748.808.609	748.808.609

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
23	Mở rộng lần 2 khu xử lý rác thải Sơn Tây và vùng phụ cận tại xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, TP Hà Nội	29.250.000		29.250.000	29.250.000
24	Dự án STN.02.3	29.147.859.809		29.147.859.809	29.147.859.809
25	GPMB và xây dựng đồng bộ HTKT phần còn lại Khu đô thị mới Cầu Giấy - GPMB	65.226.418.076		65.226.418.076	65.226.418.076
26	XD và đấu nối HTKT ô đất D20 khu đô thị mới Cầu Giấy - Thuộc GPMB và xây dựng đồng bộ HTKT phần còn lại Khu đô thị mới Cầu Giấy	4.553.516.100		4.553.516.100	4.553.516.100
27	XD và đấu nối HTKT ô đất D29 khu đô thị mới Cầu Giấy - Thuộc GPMB và xây dựng đồng bộ HTKT phần còn lại Khu đô thị mới Cầu Giấy	16.495.278.000		16.495.278.000	16.495.278.000
28	XD và đấu nối HTKT ô đất D34 khu đô thị mới Cầu Giấy - Thuộc GPMB và xây dựng đồng bộ HTKT phần còn lại Khu đô thị mới Cầu Giấy	747.200.000		747.200.000	747.200.000
29	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nghĩa trang Mai Dịch	4.133.153.877		4.133.153.877	4.133.153.877
30	Xử lý cấp bách chống sạt lở tả sông Đuống khu vực thượng lưu Cầu Đuống, thị trấn Yên Viên huyện Gia Lâm	15.475.510.483		15.475.510.483	15.475.510.483
31	Hỗ trợ cho Hợp tác và các hộ xã viên HTX thủy sản xã Đại Thọ, huyện Đan Phượng, Hà Nội	49.237.416.000		49.237.416.000	49.237.416.000
32	Xây dựng hoàn thiện tuyến đường nối từ nút giao hầm Kim Liên đến tuyến đường Kim Liên mới	44.744.696.174		44.744.696.174	44.744.696.174
33	Thành phần đền bù, GPMB của Dự án xây dựng cầu Nhật Tân và tuyến đường hai bên đầu cầu (phần do TP HN thực hiện)	36.018.744.139		36.018.744.139	36.018.744.139
34	Xây dựng HTKT khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội	35.300.468.000		35.300.468.000	35.300.468.000
35	Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 04 hộ gia đình tại số 8 Điện Biên Phủ, quận Ba Đình để thực hiện dự án Chinh trang mặt bằng Bộ quốc phòng và hai hộ lão thành cách mạng bàn giao (thuộc khu di tích Hoàng thành Thăng Long)	25.730.104.971		25.730.104.971	25.730.104.971
36	Đầu tư Xây dựng công trình đường trục chính Bắc - Nam khu đô thị Quốc Oai, huyện Quốc oai	46.254.503.000		46.254.503.000	46.254.503.000
37	Xây dựng hoàn trả bưu cục Sài Sơn thực hiện công tác GPMB thuộc dự án cải tạo hồ Long Trì, chùa Thầy tại xã Sài Sơn,	1.285.331.000		1.285.331.000	1.285.331.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
38	Giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Núi Thoong, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ.	6.771.513.438		6.771.513.438	6.771.513.438
39	Xây dựng trạm cấp nước số 3 (trạm tăng áp) và hệ thống đường ống truyền dẫn trực tiếp nhận nước Sông Đà, quận Hà Đông, Hà Nội	9.392.165.818		9.392.165.818	9.392.165.818
40	Xây dựng công trình Khu nhà ở di dân GPMB tại ao Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Hà Nội	192.048.215.000		192.048.215.000	192.048.215.000
41	Dự án nhà chung cư phục vụ GPMB tại Lô số 9 trục đường Thái Hà - Voi Phục	1.197.295.996		1.197.295.996	1.197.295.996
42	Khu nhà ở cao tầng di dân phường Láng Thượng	3.047.746.400		3.047.746.400	3.047.746.400
43	Xây dựng nghĩa trang thôn Phú Lâu, xã Hồng Kỳ, phục vụ GPMB cho dự án Khu LHXLT Sốc Sơn giai đoạn II	4.260.880.100		4.260.880.100	4.260.880.100
44	GPMB dự án Xây dựng nghĩa trang tại 2 xã Nam Sơn, Bắc Sơn phục vụ GPMB dự án Khu LHXLT Sốc Sơn, giai đoạn II	13.045.925.758		13.045.925.758	13.045.925.758
45	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Thanh Hà, xã Nam Sơn và Tiên Chu, xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn phục vụ di dân GPMB dự án Khu LHXLT Sốc Sơn giai đoạn II	32.160.338.962		32.160.338.962	32.160.338.962
46	Xây dựng Nghĩa trang phục vụ GPMB dự án đường nối Cầu Nhật Tân đến Sân bay Nội Bài (Tiểu dự án 1)	8.800.000.000		8.800.000.000	8.800.000.000
47	Xây dựng HTKT khu TĐC Tiên Dược - Mai Đình, huyện Sóc Sơn	19.600.000.000		19.600.000.000	19.600.000.000
48	Xây dựng HTKT Khu TĐC Trung Giã phục vụ GPMB dự án xây dựng Quốc lộ 3 mới đoạn Hà Nội - Thái Nguyên	2.885.229.000		2.885.229.000	2.885.229.000
49	Xây dựng HTKT khu TĐC xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn phục vụ GPMB dự án đường nối từ sân bay Nội Bài đến Cầu Nhật Tân	23.156.088.100		23.156.088.100	23.156.088.100
50	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng dự án đường nối từ sân bay Nội Bài đến cầu Nhật Tân	25.242.395.310		25.242.395.310	25.242.395.310

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
51	Xây dựng HTKT khu TĐC thôn Đa Hội, xã Bắc Sơn phục vụ GPMB dự án khu LHXLCT Sóc Sơn	300.000.000		300.000.000	300.000.000
52	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ (đất ở) tại khu Đà Sen, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất.	386.279.100		386.279.100	386.279.100
53	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ (đất ở) tại khu Sau Đình, Đồi Mới, xã Tân Xã, huyện Thạch Thất.	1.302.681.000		1.302.681.000	1.302.681.000
54	Đầu tư xây dựng HTKT khu dân dụng Bắc Phú Cát, huyện Thạch Thất	38.689.000.000		38.689.000.000	38.689.000.000
55	Xây dựng khu di dân tái định cư GPMB điểm X1 phường Phú Thượng, quận Tây Hồ	15.120.720.857		15.120.720.857	15.120.720.857
56	Khu nhà ở tại định cư tại phường Xuân La, Quận Tây Hồ	102.310.492.000		102.310.492.000	102.310.492.000
57	Dự án nhà ở phục vụ di dân GPMB tại điểm X2 Phường Xuân La, tây hồ	2.151.721.000		2.151.721.000	2.151.721.000
58	Xây dựng khu di dân TĐC GPMB điểm x2, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội	6.161.454.613		6.161.454.613	6.161.454.613
59	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB khu đất xây dựng depo, đường vào khu depo Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - ga Hà Nội tại vị trí DD1, Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm	11.908.956.994		11.908.956.994	11.908.956.994
60	Xây dựng HTKT khu TĐC xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm	229.965.000		229.965.000	229.965.000
61	Xây dựng tường rào để quản lý quỹ đất thu hồi sau GPMB dự án X2 xã Mỹ Trì, huyện từ Liêm	54.038.374		54.038.374	54.038.374
62	Xây dựng HTKT khu TĐC Phục vụ GPMB xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm	75.302.000		75.302.000	75.302.000
63	Xây dựng HTKT khu TĐC tập trung quận Bắc Từ Liêm	556.381.000		556.381.000	556.381.000
64	Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Giải, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường quốc lộ 6 đoạn ba la - xuân mai)	303.519.471		303.519.471	303.519.471

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
65	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trên địa bàn thị trấn Phú Xuyên phục vụ xây dựng công trình đường gom Cầu Giẽ - Phú Yên - Vân Từ (tuyến đường phía tây đường sắt), huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội .	175.585.800		175.585.800	175.585.800
66	Xây dựng HTKT khu TĐC X2- Đại Kim, Hoàng Mai	17.906.631.497		17.906.631.497	17.906.631.497
67	Xây dựng nhà ở TĐC tại phường Trần Phú, quận Hoàng Mai (phục vụ công tác GPMB công viên tuổi trẻ thủ đô)	2.944.198.000		2.944.198.000	2.944.198.000
68	Nhà ở phục vụ công tác GPMB và các đối tượng chính sách của thành phố Hà Nội tại điểm X2 lô CT1 khu đô thị Bắc Linh Đàm mở rộng	3.676.942.586		3.676.942.586	3.676.942.586
69	Nhà ở phục vụ GPMB và các mục đích khác tại lô CT2 khu nhà ở Hoàng Văn Thụ	4.807.686.576		4.807.686.576	4.807.686.576
70	Xây dựng nhà ở TĐC của TP tại lô đất CT1 thuộc ĐTM Mỹ Đình 2, huyện Từ Liêm	139.926.215		139.926.215	139.926.215
71	Xây dựng nhà ở cao tầng và các công trình phụ trợ khu di dân Đồng Tàu giai đoạn I	5.786.081.410		5.786.081.410	5.786.081.410
72	Đầu tư xây dựng nhà ở phục vụ GPMB và các mục đích khác tại lô CT1 khu nhà ở phường Hoàng Văn Thụ	5.907.184.922		5.907.184.922	5.907.184.922
73	Nhà ở cao tầng tại lô E khu 5,2ha thuộc dự án khu đô thị mới Yên Hòa	12.735.000.000		12.735.000.000	12.735.000.000
74	Nhà ở phục vụ công tác GPMB và các đối tượng chính sách của Thành phố Hà Nội tại điểm X2, lô CT2 khu đô thị Bắc Linh Đàm mở rộng	10.775.519.662		10.775.519.662	10.775.519.662
75	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ Dự án xây dựng Cảng du lịch Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội	684.824.704		684.824.704	684.824.704
76	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB dự án cải tạo tuyến đường từ chợ Sa (Cổ Loa) đi chợ Tó, huyện Đông Anh Hà Nội	847.747.528		847.747.528	847.747.528

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
77	Xây dựng khu TĐC X2 Kim Chung, huyện Đông Anh	800.000.000		800.000.000	800.000.000
78	Xây dựng HTKT khu TĐC tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên qua địa bàn huyện Đông Anh	5.873.690.031		5.873.690.031	5.873.690.031
79	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê	1.102.252.051		1.102.252.051	1.102.252.051
80	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Ngũ Hiệp (phục vụ GPMB dự án cải tạo nâng cấp đường QL 1 A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và dự án Cầu Ngọc Hồi)	13.178.529.000		13.178.529.000	13.178.529.000
81	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Liên Ninh (phục vụ GPMB dự án cải tạo nâng cấp đường QL 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và một số dự án khác trên địa bàn huyện Thanh Trì)	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000
82	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thôn Triều Khúc, xã Tân Triều	14.562.743.320		14.562.743.320	14.562.743.320
83	Dự án Xây dựng HTKT khu TĐC xã Liên Ninh huyện Thanh Trì phục vụ GPMB dự án: Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và dự án cầu Ngọc Hồi	4.765.716.680		4.765.716.680	4.765.716.680
84	Dự án Xây dựng HTKT khu TĐC xã Ngọc Hồi huyện Thanh Trì phục vụ GPMB dự án: Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và dự án cầu Ngọc Hồi	1.800.000.000		1.800.000.000	1.800.000.000
85	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000
86	Xây dựng HTKT khu TĐC tại xứ đồng Bờ Lờ, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì	2.600.000.000		2.600.000.000	2.600.000.000
87	Xây dựng HTKT khu TĐC Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội	13.762.000.000		13.762.000.000	13.762.000.000
88	Đầu tư xây dựng Khu công viên cây xanh, kết hợp xây dựng nghĩa trang di chuyển các phần mộ phục vụ GPMB đường 5 kéo dài và cầu Nhật Tân, tại xã Vĩnh ngọc, Tầm xá, Đông Anh	6.443.675.000		6.443.675.000	6.443.675.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
89	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất giãn dân phục vụ bảo tồn làng cổ Đường Lâm (giai đoạn I)	6.429.848.475		6.429.848.475	6.429.848.475
90	Xây dựng nhà tái định cư phục vụ nhu cầu di dân GPMB của Thành Phố tại phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội	26.465.883.400		26.465.883.400	26.465.883.400
91	GPMB và san nền sơ bộ khu tái định cư phục vụ GPMB đường 5 kéo dài tại phường Thượng Thanh, quận Long Biên	1.637.125.480		1.637.125.480	1.637.125.480
92	GPMB, san nền sơ bộ khu nhà ở TĐC tại phường Giang Biên, quận Long Biên	3.592.164.549		3.592.164.549	3.592.164.549
93	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB dự án cải tạo, nâng cấp đường Dốc Hội - Đại học Nông Nghiệp I	2.312.268.767		2.312.268.767	2.312.268.767
94	Dự án Xây dựng khu TĐC xã Yên Thường phục vụ GPMB cho dự án Xây dựng đường quốc lộ 3 mới HN- Thái Nguyên (đoạn qua địa phận Gia Lâm, TP Hà Nội)	170.069.760		170.069.760	170.069.760
95	Dự án xây dựng khu TĐC xã Kiêu Kỵ phục vụ công tác GPMB của dự án đường cao tốc HN- HP (đoạn qua địa phận Gia Lâm)	648.000.000		648.000.000	648.000.000
96	Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ quốc lộ 5 vào khu công nghiệp Hapro(giai đoạn 1)	6.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000
97	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Trâu Quỳ phục vụ GPMB của các dự án trên địa bàn huyện Gia Lâm	25.841.959.680		25.841.959.680	25.841.959.680
98	Xây dựng HTKT khu đất TĐC phục vụ GPMB cho dự án "Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại thị trấn Trâu Quỳ và Xã Đặng Xá" và dự án " Nhà văn hóa huyện Gia Lâm"	3.155.663.900		3.155.663.900	3.155.663.900
99	Đầu tư xây dựng công trình khu TĐC phục vụ GPMB dự án đường trục chính Bắc - Nam đô thị Quốc Oai	4.500.000.000		4.500.000.000	4.500.000.000
100	Xây dựng HTKT khu đất TĐC tại xã Mê Linh phục vụ GPMB dự án đường trục trung tâm đô thị Mê Linh	125.611.200		125.611.200	125.611.200
101	Nhà ở cao tầng chung cư NO7 khu 5,3ha Dịch Vọng	30.177.827.000		30.177.827.000	30.177.827.000
102	Dự án Xây dựng HTKT để đấu giá quyền SDD và làm nhà TĐC khu sống Hoàng	482.150.000		482.150.000	482.150.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
103	Xây dựng nhà ở A1, A2 phục vụ TĐC tại khu Cánh Đồng Mơ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	3.467.916.140		3.467.916.140	3.467.916.140
104	Dự án xây dựng công trình HTKT khu đất 3529 m2 để đấu giá QSD đất tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh.	4.284.968.000		4.284.968.000	4.284.968.000
105	Dự án xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại xã Nguyên Khê (DA2)	3.981.011.000		3.981.011.000	3.981.011.000
106	Dự án Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất Bắc đường 23B huyện Đông Anh	4.348.452.076		4.348.452.076	4.348.452.076
107	Dự án GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất phía bắc đường 23B, huyện Đông Anh	4.390.324.796		4.390.324.796	4.390.324.796
108	Dự án xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại xã Phương Trung, huyện Thanh Oai	83.721.800		83.721.800	83.721.800
109	Dự án Xây dựng trạm biến áp phục vụ đấu giá các lô đất C2,C4 khu đô thị Nam Trung Yên, Cầu Giấy	2.160.868.187		2.160.868.187	2.160.868.187
110	Dự án GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Giang Biên, quận Long Biên	60.241.500.000		60.241.500.000	60.241.500.000
111	Dự án GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên	90.000.000.000		90.000.000.000	90.000.000.000
112	Dự án Xây dựng hạ tầng KT đấu giá QSDĐ tại phường Thạch Bàn Long Biên	94.000.000.000		94.000.000.000	94.000.000.000
113	Dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Man Bôi- Phú Lãm- Hà Đông	8.210.588.000		8.210.588.000	8.210.588.000
114	Dự án XD hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại thôn Phú Nhi, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	26.545.455.162		26.545.455.162	26.545.455.162
115	Dự án XD hạ tầng kỹ thuật để đấu giá Quyền sử dụng đất tại huyện Mê Linh	14.832.278.870		14.832.278.870	14.832.278.870
116	Dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Song Phượng -Đan Phượng	31.400.000.000		31.400.000.000	31.400.000.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2015 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2015
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2015	
117	Dự án Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn	1.862.310.459		1.862.310.459	1.862.310.459
118	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn	19.915.116.076		19.915.116.076	19.259.175.632
119	Dự án xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đất để đấu giá QSD đất tại xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ	7.233.992.000		7.233.992.000	7.233.992.000
120	Dự án XD HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại khu Đồng Chợ thôn Tri Lai xã Đồng Thái, Ba Vì	16.423.270.000		16.423.270.000	16.423.270.000
121	Dự án Xây dựng hạ tầng cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm (Giai đoạn II)	31.942.600.000		31.942.600.000	31.942.600.000

**QUYẾT TOÁN CHI DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC BT**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền
	Tổng số	73.386.282.424
1	Dự án mở rộng hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc (từ nguồn thu dự án Bắc An Khánh)	73.386.282.424

QUYẾT TOÁN CHI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN BẰNG NGUỒN VỐN NGOÀI NƯỚC

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền
	Tổng số	1.893.247.883.789
I	Vốn viện trợ	53.133.177.007
1	Dự án Phát triển giao thông đô thị Hà Nội	36.135.470.418
2	Dự án Phòng khám hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn III, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng	14.109.548.558
3	Làng trẻ SOS Hà Nội	2.888.158.031
II	Vốn vay	1.840.114.706.782
1	Dự án xây dựng và cải tạo 03 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 khu vực phía Tây Hà Nội	18.719.992.902
2	Dự án Đường sắt đô thị thí điểm đoạn Nhổn - Ga Hà Nội	562.091.606.681
3	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng (Cải tạo nhà vệ sinh trường học thuộc các huyện ngoại thành thành phố Hà Nội)	563.053.900
4	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng (các trạm cấp nước sạch nông thôn)	39.091.486.000
5	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng (Cải tạo nhà vệ sinh và nước sạch tại trạm y tế xã thuộc các huyện ngoại thành thành phố Hà Nội)	915.494.850
6	Dự án hệ thống nhà máy xử lý nước thải Yên Xá	29.354.088.139
7	Dự án Thoát nước Hà Nội giai đoạn 2	625.887.561.707
8	Dự án Phát triển giao thông đô thị Hà Nội	563.491.422.603

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA TỪNG QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2015

Đvt: Đồng

TT	Tên quận, huyện, thị xã	Quyết toán năm	Bao gồm								
			Chi đầu tư xây dựng cơ bản		Chi thường xuyên			Hoàn trả ngân sách thành phố	Chuyển nguồn		
			Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó	
				Giáo dục đào tạo và dạy nghề		Giáo dục đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp môi trường			Ngân sách QH	Ngân sách XP
	Tổng cộng	40.011.312.347.691	10.881.737.835.448	2.987.783.667.446	19.629.086.060.232	8.006.844.608.952	1.290.877.432.927	73.970.933.690	9.426.517.518.321	8.652.544.077.486	773.973.440.835
1	Hoàn Kiếm	1.378.592.587.312	301.075.312.805	163.257.126.805	737.944.025.430	225.541.651.938	7.197.207.810	682.900.000	338.890.349.077	330.885.120.299	8.005.228.778
2	Ba Đình	1.120.453.967.334	195.724.974.426	33.624.851.000	519.833.178.449	243.726.953.114	3.291.602.933	6.273.913.716	398.621.900.743	382.398.549.102	16.223.351.641
3	Đống Đa	1.199.322.522.400	138.321.494.033	60.823.805.963	701.554.659.054	286.359.474.711	3.015.284.952	8.916.330.000	350.530.039.313	337.759.081.255	12.770.958.058
4	Hai Bà Trưng	1.617.517.286.991	153.069.300.710	60.334.567.405	756.635.780.476	294.383.097.071	3.060.792.830	9.607.906.930	698.204.298.875	646.620.952.725	51.583.346.150
5	Thanh Xuân	1.257.714.805.563	185.109.733.657	110.133.989.265	594.166.044.771	201.481.100.185	56.401.321.000	5.841.200.840	472.597.826.295	451.720.706.567	20.877.119.728
6	Tây Hồ	805.669.993.712	49.959.378.927	31.101.346.395	489.192.150.833	143.693.608.754	90.455.519.000	504.683.260	266.013.780.692	239.494.784.162	26.518.996.530
7	Cầu Giấy	1.757.354.366.293	397.257.376.273	131.442.162.158	643.664.786.071	197.618.832.274	109.820.785.664	907.361.000	715.524.842.949	686.539.454.599	28.985.388.350
8	Hoàng Mai	1.584.455.520.843	321.926.591.534	124.488.090.580	690.534.375.240	240.080.667.194	134.022.097.000	353.300.000	571.641.254.069	553.626.268.892	18.014.985.177
9	Long Biên	3.830.352.720.450	1.023.913.191.705	419.740.869.389	696.425.581.963	281.976.800.616	95.781.697.000	1.128.944.000	2.108.885.002.782	2.071.362.327.530	37.522.675.252
10	Sơn Tây	918.292.111.893	310.334.662.834	103.752.102.754	480.178.679.451	192.451.145.884	40.338.757.512	155.345.370	127.623.424.238	104.779.198.463	22.844.225.775
11	Hà Đông	1.755.340.733.807	602.110.394.963	169.022.717.560	753.721.595.522	292.730.054.948	151.013.545.000	919.882.000	398.588.861.322	345.400.416.336	53.188.444.986
12	Thanh Trì	1.171.913.730.050	368.421.066.061	109.351.827.000	547.878.664.388	254.977.821.581	39.313.638.000	1.090.174.000	254.523.825.601	213.853.932.568	40.669.893.033
13	Gia Lâm	1.161.381.088.195	397.199.433.942	94.183.019.044	585.525.639.298	257.974.910.298	35.552.397.359	2.668.418.633	175.987.596.322	151.441.552.662	24.546.043.660
14	Sóc Sơn	1.440.273.926.578	390.834.105.998	92.963.546.974	855.999.606.234	415.181.078.552	20.295.914.000	403.362.585	193.036.851.761	128.299.976.725	64.736.875.036
15	Đông Anh	1.501.483.294.812	535.123.280.900	110.397.328.532	832.219.893.662	429.792.125.538	20.963.602.677	9.762.185.636	124.377.934.614	87.558.831.997	36.819.102.617
16	Nam Từ Liêm	1.586.201.668.567	539.152.213.987	197.528.567.944	424.254.509.151	134.792.508.208	37.839.087.000	4.686.359.460	618.108.585.969	572.763.373.789	45.345.212.180
17	Mê Linh	1.024.483.819.874	335.871.173.699	98.364.053.500	554.040.277.445	236.227.882.000	52.671.749.000	413.780.632	134.158.588.098	126.794.760.877	7.363.827.221
18	Quốc Oai	1.166.038.816.141	430.784.073.150	51.016.309.200	654.024.946.440	297.304.443.997	29.544.352.950	213.982.100	81.015.814.451	60.082.617.800	20.933.196.651
19	Chương Mỹ	1.240.773.147.951	318.041.936.000	70.517.125.000	832.726.710.811	367.555.647.568	33.762.958.400	1.197.097.000	88.807.404.140	42.445.268.695	46.362.135.445
20	Thanh Oai	932.610.290.764	265.852.082.800	72.152.568.000	617.787.558.426	266.247.414.000	31.749.550.900		48.970.649.538	38.617.957.738	10.352.691.800

TT	Tên quận, huyện, thị xã	Quyết toán năm	Bao gồm								
			Chi đầu tư xây dựng cơ bản		Chi thường xuyên			Hoàn trả ngân sách thành phố	Chuyển nguồn		
			Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó	
				Giáo dục đào tạo và dạy nghề		Giáo dục đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp môi trường			Ngân sách QH	Ngân sách XP
21	Ứng Hòa	1.065.901.055.956	334.309.175.727	47.021.104.966	665.590.147.667	299.284.912.778	31.450.831.332	183.300.000	65.818.432.562	45.665.642.575	20.152.789.987
22	Mỹ Đức	1.211.487.356.092	360.996.645.300	75.547.444.000	816.916.777.080	280.269.909.500	42.586.376.100	8.719.000	33.565.214.712	31.414.041.000	2.151.173.712
23	Thường Tín	1.032.390.587.420	287.459.703.334	107.323.876.000	673.886.705.551	291.570.298.700	22.385.491.148	923.930.700	70.120.247.835	50.370.762.378	19.749.485.457
24	Phú Xuyên	1.099.635.349.396	302.033.259.990	59.116.477.800	717.249.048.691	308.896.254.525	28.524.497.473	1.345.016.558	79.008.024.157	60.782.893.311	18.225.130.846
25	Ba Vì	1.864.579.927.689	676.946.936.316	33.624.851.000	944.044.839.571	383.807.644.396	41.977.624.987	11.738.041.000	231.850.110.802	221.005.355.644	10.844.755.158
26	Phúc Thọ	868.467.449.430	281.571.486.489	52.281.804.000	550.357.367.738	234.765.463.728	18.446.414.000		36.538.595.203	19.964.776.474	16.573.818.729
27	Thạch Thất	1.022.150.481.729	314.499.752.702	101.371.952.980	622.129.280.601	273.754.588.753	32.320.237.300	499.813.400	85.021.635.026	77.011.118.908	8.010.516.118
28	Đan Phượng	1.013.780.585.663	350.226.644.760	63.287.879.400	582.362.210.633	193.915.912.199	20.490.455.000	275.800.000	80.915.930.270	58.512.042.122	22.403.888.148
29	Hoài Đức	1.060.422.166.839	421.768.227.450	61.241.557.000	579.115.516.949	282.854.563.431	19.314.730.600	132.518.000	59.405.904.440	41.908.997.440	17.496.907.000
30	Bắc Từ Liêm	1.322.270.987.947	291.844.224.976	82.770.745.832	509.125.502.636	197.627.842.511	37.288.914.000	3.136.667.870	518.164.592.465	473.463.314.853	44.701.277.612

BIỂU TỔNG HỢP
BỔ SUNG CHO CÁC QUỸ CÓ NGUỒN GỐC TỪ NGÂN SÁCH CỦA THÀNH PHỐ NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên quỹ	Dự toán	Số đã cấp
	Tổng số	1.023.179.000.000	1.002.590.000.000
1	Quỹ xúc tiến thương mại	50.000.000.000	50.000.000.000
2	Quỹ khuyến khích thu hút nhân tài	20.000.000.000	20.000.000.000
3	Quỹ Bảo vệ môi trường	30.000.000.000	30.000.000.000
4	Quỹ hỗ trợ nông dân	20.000.000.000	20.000.000.000
5	Quỹ quốc gia giải quyết việc làm thành phố Hà nội	80.000.000.000	80.000.000.000
6	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Thành phố	40.589.000.000	20.000.000.000
7	Quỹ Bảo trì đường bộ thành phố Hà Nội	782.590.000.000	782.590.000.000

Ghi chú:

1. Quỹ Xúc tiến thương mại: Số dư vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2014: 13.822 triệu đồng; số vốn cấp bổ sung trong năm 2015: 50.000 triệu đồng; trong năm 2015, Quỹ đã giải ngân 45.536 triệu đồng tổ chức 44 chương trình xúc tiến thương mại, kết hợp với xúc tiến đầu tư; nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hướng về thị trường nội địa, kích thích sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn Thành phố. Số vốn thu hồi năm 2015 là 116 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2015: 18.402 triệu đồng

2. Quỹ Khuyến khích thu hút nhân tài: Số dư vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2014: 4.863 triệu đồng; số vốn cấp bổ sung trong năm 2015: 20.000 triệu đồng; trong năm 2015, Thành phố đã thực hiện hỗ trợ đào tạo sau đại học trong nước và các ngành có chuyên môn cao cho 473 đối tượng là cán bộ Thành phố với tổng kinh phí hỗ trợ là 22.773 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2015: 2.090 triệu đồng

3. Quỹ Bảo vệ môi trường: Số dư vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2014: 131.864 triệu đồng; số vốn từ ngân sách cấp bổ sung trong năm 2015: 30.000 triệu đồng; Quỹ đã giải ngân cho vay với lãi suất ưu đãi cho 06 dự án với số kinh phí giải ngân là 31.777 triệu đồng, góp phần vào công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố. Số vốn thu hồi năm 2015 là 17.852 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2015: 149.892 triệu đồng

4. Quỹ hỗ trợ nông dân Thành phố: Số dư vốn Quỹ đến 31/12/2014: 35.850 triệu đồng, Ngân sách cấp bổ sung trong năm 2015: 20.000 triệu đồng. Số vốn giải ngân trong năm: 181.372 triệu đồng (tương đương 538 dự án, 16.890 hộ). Số vốn thu hồi trong năm 2015 là 175.566 triệu đồng (tương đương 1.071 dự án, 28.158 hộ). Số dư chưa giải ngân tại thời điểm 31/12/2015: 50.044 triệu đồng.

5. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Số dư vốn Quỹ đến 31/12/2014 là 40.020 triệu đồng, số vốn cấp bổ sung trong năm 2015 là 0 triệu đồng; trong năm 2015, Quỹ đã giải ngân cho 305 hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, tiểu thủ công nghiệp vay vốn để phát triển sản xuất với số tiền giải ngân là 82.500 triệu đồng. Số vốn thu hồi năm 2015 là 83.691 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2015: 41.212 triệu đồng.

6. Quỹ Khuyến nông: Số dư vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2014: 5.977 triệu đồng; trong năm 2015, Quỹ đã giải ngân cho 241 hộ vay vốn để mở rộng, phát triển sản xuất với số tiền giải ngân là 55.690 triệu đồng, góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình nông thôn mới trên địa bàn Thành phố. Số vốn thu hồi năm 2015 là 62.559 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2015: 13.915 triệu đồng.

7. Quỹ giải quyết việc làm Thành phố Hà Nội: Số dư vốn của Quỹ đến thời điểm 31/12/2014 là 948 triệu đồng; số vốn ngân sách cấp bổ sung mới trong năm 2015 là 80.000 triệu đồng. Trong năm 2015, Quỹ đã giải ngân cho 31.544 đối tượng vay vốn với số tiền là: 638.838 triệu đồng nhằm mục tiêu tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (vay để sản xuất kinh doanh...). Số vốn thu hồi năm 2015 là 441.879 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2015 là: 0 triệu đồng.

8. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ: Số dư vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2014: 0 triệu đồng; Số ngân sách đã cấp năm 2015 là 20.000 triệu đồng. Trong năm 2015, Quỹ chưa thực hiện giải ngân. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2015: 20.000 triệu đồng.

9. Quỹ bảo trì đường bộ: Số dư vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2014: 43.669 triệu đồng; số ngân sách cấp bổ sung trong năm 2015: 782.590 triệu đồng; trong năm 2015, Quỹ đã chi số tiền giải ngân là 954.219 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2015: 33.387 triệu đồng.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Số Quyết định, nội dung	Đơn vị hưởng	Số tiền
	TỔNG SỐ		492.389
1	Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 10/2/2015 về việc hoàn trả vốn góp hợp doanh với Nhà nước của bà Đinh Thị Dư	Sở Công thương	1.937
2	Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 13/2/2015 về việc trích dự phòng ngân sách cấp Thành phố để thực hiện một số công trình xử lý sạt lở đê điều, thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Nông nghiệp PTNT, UBND các huyện	141.310
3	Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 về việc bổ sung kinh phí thực hiện lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	960
4	Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 23/4/2015 về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất thành phố Hà Nội năm 2014 cho các quận, huyện, thị xã	Các quận, huyện, thị xã	27.364
5	Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 11/5/2015 về việc bổ sung dự toán chi NS năm 2015 cho TT Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	TT Bảo tồn di sản Thăng Long - HN	732
6	Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 về việc bổ sung kinh phí phòng chống dịch bệnh MERS-CoV năm 2015	Sở Y tế	25.000
7	Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 về việc bổ sung kinh phí tổ chức tang lễ nhà văn Tô Hoài	Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật	28
8	Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 16/7/2015 về việc bổ sung KP phòng chống dịch lở mồm long móng gia súc, triển khai tháng vệ sinh tiêu độc, khử trùng	Sở Nông nghiệp PTNT	13.862
9	Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 về việc hoàn trả BQL DA Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, chợ Ngã Tư Sở tiền đã nộp hỗ trợ NSNN	BQL DA ĐT XD trung tâm thương mại, chợ Ngã Tư Sở	2.500
10	Quyết định số 4105/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2015 cho TT Xúc tiến Đầu tư Thương mại Du lịch và Sở Văn hóa & TT	TT Xúc tiến Đầu tư TMDL và Sở Văn hóa & TT	8.121
11	Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 21/8/2015 về việc bổ sung kinh phí đảm bảo loa đài phục vụ lễ mít tinh, diễu binh, diễu hành kỷ niệm 70 năm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh Nước CHXHCN Việt Nam	Sở Thông tin và truyền thông	7.641
12	Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 21/8/2015 về việc bổ sung kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9	Các sở, ngành	1.305

TT	Số Quyết định, nội dung	Đơn vị hưởng	Số tiền
13	Quyết định số 4504/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 về việc bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp bách cho các sở, ngành	Sở NNPTNT, CA TP	3.854
14	Quyết định số 4505/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 về việc bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ khắc phục hậu quả cơn giông ngày 13/6/2015	Các sở, ngành	25.157
15	Quyết định số 4526/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2015 để thực hiện dự án Cải tạo nâng cấp Cung thiếu nhi Hà Nội	Thành đoàn Hà Nội	15.000
16	Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 vv bổ sung KP tổ chức hoạt động phục vụ Đại hội lần thứ XVI Đảng bộ Thành phố	Sở Văn hóa và Thể thao	5.887
17	Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 về việc bổ sung kinh phí phòng chống dịch sốt xuất huyết trên địa bàn Thành phố	Sở Y tế	14.000
18	Quyết định số 5203/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Các quận, huyện, thị xã	42.962
19	Quyết định số 6193/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 bổ sung kinh phí thực hiện các công trình xử lý sạt lở đê điều, thủy lợi trên địa bàn Thành phố	Sở NNPTNT, các huyện	154.770
20	Quyết định số 7421/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc hoàn trả tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đã nộp ngân sách Thành phố Hà Nội năm 2014	Sở Tài chính Hải phòng	2.503,685

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XDCB CẤP THÀNH PHỐ
CHẠM NỘP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2015**

(Tính đến thời điểm 31/10/2016)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhóm ĐA	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán
	Tổng cộng		5.325.555	3.935.624
1	BAN QLDA HẠ TẦNG TẢ NGẠN		3.597.754	2.757.000
	Xây dựng Cầu Vĩnh Tuy	B	3.597.754	2.757.000
2	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI		1.668.492	1.125.723
	Dự án tăng cường năng lực quản lý GTĐT Hà Nội	A	381.000	317.000
	XD cầu vượt tại nút giao đường Lê Văn Lương - đường Láng	B	205.615	126.178
	XD cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chí Thanh - Kim Mã	B	360.498	209.999
	XD cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chí Thanh - đường Láng	B	348.165	186.190
	XD cầu vượt nút giao Nam Hồng với tuyến đường Mai Dịch - Nội Bài	B	305.801	228.375
	XD cầu vượt tại nút giao Láng Hạ - Thái Hà	C	67.413	57.981
3	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO		59.309	52.901
	Dự án cải tạo, nâng cấp Sân vận động Hàng Đẫy	C	48.047	42.862
	Dự án cải tạo, mở rộng trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội	C	11.263	10.039

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÀNH PHỐ GIAO CÁC ĐƠN VỊ NGÀNH DỤC NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

ST T	Đơn vị	Dự toán				Số quyết toán	Số chuyển nguồn sang năm 2015	Số hủy hoặc nộp trả
		Tổng số	Trong đó					
			Dự toán đầu năm	Chuyển nguồn năm 2014 sang	Bổ sung trong năm			
	Tổng số	69.920.012.034	44.800.000.000	391.412.034	24.728.600.000	57.382.298.549	7.496.660.973	5.041.052.512
1	Tòa án nhân dân Thành phố	12.050.000.000	10.800.000.000		1.250.000.000	7.324.060.288	0	4.725.939.712
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao quyết định 7499/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố	10.800.000.000	10.800.000.000			6.103.950.288		4.696.049.712
	- Kinh phí chương trình ứng dụng công nghệ thông tin theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 29/1/2015 của UBNDTP	1.000.000.000			1.000.000.000	970.110.000		29.890.000
	- Kinh phí xây dựng phòng truyền thống quyết định 3749/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND Thành phố	250.000.000			250.000.000	250.000.000		
2	Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố	5.690.000.000	5.690.000.000			5.690.000.000		
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao quyết định 7499/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố	5.690.000.000	5.690.000.000			5.690.000.000		
3	Kho bạc nhà nước Hà Nội	3.680.000.000	3.680.000.000		0	2.782.667.006	841.812.994	55.520.000
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao quyết định 7499/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố	3.680.000.000	3.680.000.000			2.782.667.006	841.812.994	55.520.000
4	Cục Thuế Hà Nội	14.797.600.000	5.000.000.000		9.797.600.000	9.621.410.000	5.150.000.000	26.190.000
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao quyết định 7499/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố	5.000.000.000	5.000.000.000			5.000.000.000		
	- Kinh phí tổ chức tổng kết và học tập kinh nghiệm Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBNDTP	497.600.000			497.600.000	497.600.000		
	- Kinh phí chương trình công nghệ thông tin theo Quyết định 6169/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND Thành phố (nguồn vượt thu Trung ương)	9.300.000.000			9.300.000.000	4.123.810.000	5.150.000.000	26.190.000

ST T	Đơn vị	Dự toán				Số quyết toán	Số chuyển nguồn sang năm 2015	Số hủy hoặc nộp trả
		Tổng số	Trong đó					
			Dự toán đầu năm	Chuyển nguồn năm 2014 sang	Bổ sung trong năm			
5	Cục Thi hành án dân sự Thành phố	2.641.412.034	2.250.000.000	391.412.034	0	1.818.707.616	822.704.418	
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao quyết định 7499/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố	2.250.000.000	2.250.000.000			1.427.295.582	822.704.418	
	- Quyết định chuyển nguồn 2014 sang 2015 số 2945/QĐ- UBND ngày 30/5/2014 của UBND Thành phố	391.412.034		391.412.034		391.412.034		
6	Liên đoàn lao động Thành phố	24.610.000.000	13.920.000.000		10.690.000.000	23.696.154.439	682.143.561	231.702.000
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao quyết định 7499/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố	13.920.000.000	13.920.000.000			13.006.154.439	682.143.561	231.702.000
	- Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật theo quyết định 1162/QĐ-UBND ngày 17/3/2015 của UBND Thành phố	200.000.000			200.000.000	200.000.000		
	- Kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm 70 năm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9 theo quyết định 4195/QĐ- UBND ngày 21/8/2015 của UBND Thành phố	490.000.000			490.000.000	490.000.000		
	- Kinh phí sửa chữa, nâng cấp Cung Văn hóa hữu nghị Việt Xô, quyết định 3211/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của UBND Thành phố	10.000.000.000			10.000.000.000	10.000.000.000		
7	Cục Thống kê Hà Nội	3.460.000.000	3.460.000.000			3.460.000.000		
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao quyết định 7499/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố	3.460.000.000	3.460.000.000			3.460.000.000		
8	Cục Hải quan Hà Nội	2.991.000.000			2.991.000.000	2.989.299.200		1.700.800
	Hỗ trợ thực hiện dự án triển khai hệ thống thông tin hợp trục tuyến theo Quyết định số 6169/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND Thành phố về việc phân bổ nguồn thường thu vượt dự toán ngân sách trung ương năm 2014	2.991.000.000			2.991.000.000	2.989.299.200		1.700.800

PHỤ LỤC
Tiếp thu các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với
quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2015

Thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước đối với quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2015, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố Hà Nội năm 2015, trong đó đã tiếp thu kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước như sau:

1/ Tăng chi chuyển nguồn, giảm kết dư đối với một số phường thuộc các quận Cầu Giấy, Hà Đông chưa chuyển nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, còn tồn trong kết dư ngân sách: 5.092.828.815 đồng (trong đó, quận Cầu Giấy: 4.642.414.714 đồng; quận Hà Đông: 450.414.101 đồng).

2/ Giảm chi chuyển nguồn, tăng kết dư đối với một số phường thuộc quận Hà Đông đã thực hiện chuyển nguồn kinh phí chưa đúng quy định: 15.555.816.000 đồng.

UBND Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Thành phố tiếp thu, tổng hợp vào Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2015 và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố. Căn cứ Nghị quyết của HĐND Thành phố, các cơ quan chuyên môn của Thành phố và UBND các quận, huyện tổ chức thực hiện./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2016

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2014 của thành phố Hà Nội

Thực hiện Thông báo số 18/TB-KTNN ngày 11/01/2016 của Kiểm toán Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm toán ngân sách địa phương năm 2014 của thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân Thành phố đã có các Công văn số 763/UBND-KT ngày 15/02/2016, số 2729/VP-KT ngày 13/4/2016 chỉ đạo các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Liên quan đến kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với UBND Thành phố, kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay như sau:

I/ Về điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước:

Thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước và chỉ đạo của UBND Thành phố, các đơn vị đã thực hiện công tác hạch toán, điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo quy định.

II/ Về thực hiện kiến nghị thu, chi ngân sách Nhà nước:

Kiểm toán Nhà nước kiến nghị về xử lý tài chính là 207.466.433.696 đồng; Kết quả thực hiện của các đơn vị đến thời điểm hiện nay là 131.844.983.432 đồng, đạt tỷ lệ 63,6%. Trong đó:

1/ Về tăng thu ngân sách Nhà nước:

Kiểm toán Nhà nước kiến nghị 88.826.916.344 đồng; Số đã nộp ngân sách Nhà nước 15.867.492.406 đồng, đạt tỷ lệ 17,9%; Số còn phải nộp 72.959.423.938 đồng (trong đó, chủ yếu là số tiền còn phải nộp của Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam 62.820.684.690 đồng, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 61742/QĐ-CT-KT1 ngày 29/9/2016 xử lý việc chậm nộp thuế và yêu cầu đơn vị khẩn trương nộp tiền vào ngân sách Nhà nước).

UBND Thành phố giao Cục Thuế thành phố Hà Nội tiếp tục có các biện pháp quyết liệt để đôn đốc, xử phạt theo quy định, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

2/ Về thu hồi, nộp ngân sách các khoản thu, chi sai quy định:

Số kiểm toán kiến nghị 2.510.789.286 đồng, trong đó: chi thường xuyên 205.282.672 đồng, chi đầu tư xây dựng cơ bản 2.305.506.614 đồng. Số đã thực hiện 1.490.118.689 đồng, đạt tỷ lệ 59,3%; trong đó: chi thường xuyên 205.282.672 đồng, chi đầu tư xây dựng cơ bản 1.284.836.017 đồng. Số chưa thực hiện 1.020.670.597 đồng (trong đó, chủ yếu là số thu hồi nộp ngân sách dự án

đầu tư xây dựng cơ bản của Ban quản lý các dự án nông nghiệp, thủy lợi 964.796.365 đồng), các đơn vị đang tiếp tục triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

3/ Về nộp ngân sách Nhà nước các khoản phải nộp nhưng đơn vị chưa nộp theo quy định:

Số kiểm toán kiến nghị 37.729.940.000 đồng. Số đã thực hiện 37.729.940.000 đồng, đạt tỷ lệ 100% số kiểm toán kiến nghị.

4/ Về nộp trả ngân sách cấp trên kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi:

Số kiểm toán kiến nghị 14.835.965.935 đồng. Các đơn vị đã thực hiện 14.835.965.935 đồng, đạt tỷ lệ 100% số kiểm toán kiến nghị.

5/ Về giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau:

Số kiểm toán kiến nghị 10.581.049.738 đồng, số đã thực hiện 9.085.193.847 đồng, đạt tỷ lệ 85,9%. Số kinh phí chưa thực hiện 1.495.855.891 đồng (trong đó, chủ yếu là số kiến nghị giảm cấp phát kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản của Ban quản lý dự án thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội 1.387.511.890 đồng). Đây là kiến nghị giảm cấp phát khi thực hiện quyết toán công trình; do đó, khi các chủ đầu tư gửi báo cáo quyết toán công trình, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài chính khi thẩm tra, loại trừ, thực hiện đúng theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

6/ Về hoàn trả nguồn kinh phí:

Số kiểm toán kiến nghị 41.683.715.132 đồng; Các đơn vị đã thực hiện 41.683.715.132 đồng, đạt tỷ lệ 100% số kiểm toán kiến nghị.

7/ Các kiến nghị khác của Kiểm toán nhà nước:

Số kiểm toán kiến nghị giảm giá trị trúng thầu dự án 11.298.057.261 đồng; số đã thực hiện 11.152.557.421 đồng, đạt tỷ lệ 98,7%; đối với số kinh phí còn lại 145.499.840 đồng, các đơn vị đang tiếp tục triển khai thực hiện theo kiến nghị của đoàn kiểm toán Nhà nước.

III/ Về thực hiện các kiến nghị khác của Kiểm toán Nhà nước:

Kiểm toán Nhà nước kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện các kiến nghị khác là 2.427.915 triệu đồng. Đây là các kiến nghị mang tính khuyến nghị đối với các Sở, ngành, quận, huyện, không làm phát sinh bổ sung nghĩa vụ tài chính của các đơn vị. Kết quả thực hiện của các đơn vị cụ thể như sau:

1/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị các đơn vị dự toán về theo dõi hạch toán riêng nguồn cải cách tiền lương: 311.066 triệu đồng; số đã thực hiện là 307.803 triệu đồng, đạt tỷ lệ 97,8%; số còn phải thực hiện là 3.262 triệu đồng; các đơn vị đang tiếp tục triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

2/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị Kho bạc Nhà nước thu hồi số dư tạm ứng của 06 dự án quá 06 tháng không thực hiện: 28.316 triệu đồng; số đã thực hiện 2.823 triệu đồng; số còn phải thực hiện là 25.493 triệu đồng. UBND Thành phố đã chỉ đạo Kho bạc Nhà nước Hà Nội tiếp tục đôn đốc các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án khẩn trương thực hiện theo đúng kiến nghị của cơ quan kiểm toán.

3/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị Sở Tài chính rà soát các tài khoản tạm thu để xử lý theo quy định: 1.477.835 triệu đồng; số đã rà soát, xử lý theo quy định là 893.222 triệu đồng, đạt tỷ lệ 60,44%; số dư còn là 584.613 triệu đồng được giữ lại để rà soát, xác định phân kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu đấu giá và xác định nghĩa vụ tài chính của các nhà đầu tư theo quy định.

4/ Kiến nghị khác: 610.698 triệu đồng; số đã thực hiện là 575.525 triệu đồng, đạt tỷ lệ 94,3%; số còn phải thực hiện là 35.173 triệu đồng, đây chủ yếu là các kiến nghị về công tác hạch toán, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ tiêu tại các đơn vị.

IV/ Về thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước:

1/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Báo cáo Bộ Tài chính xem xét để xử lý đối với các khoản kinh phí đã hết thời hạn giải ngân chuyển nguồn sang năm 2015, số tiền 173.211 triệu đồng (vốn Chương trình MTQG 1.210 triệu đồng; nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu 166.804 triệu đồng; vốn tín dụng ưu đãi 5.197 triệu đồng) theo đúng quy định.

Về việc này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Sở Tài chính đang phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tham mưu UBND Thành phố báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

2/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo để nguồn thu từ chuyển mục đích sử dụng đất tại số 460 phố Minh Khai và số 25 ngõ 13 đường Lĩnh Nam vào ngân sách thành phố Hà Nội theo đúng quy định, số tiền là 1.036.404 triệu đồng.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

UBND Thành phố đã có các văn bản số 1760/UBND-KT ngày 16/3/2015, số 3866/UBND-KT ngày 08/6/2015, số 9361/UBND-KT ngày 30/12/2015 và số 4959/UBND-KT ngày 23/8/2016 báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép thành phố Hà Nội được để lại số tiền trên để đầu tư, xây dựng, phát triển các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Thành phố phục vụ trực tiếp dân cư địa bàn vùng dự án được di dời, phù hợp Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Thủ đô và các quy định hiện hành.

3/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố xem xét, cho ý kiến cụ thể về biện pháp bảo đảm tiền vay đối với khoản giải ngân của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố cho Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng, phát triển nhà số 7 vay 80.000 triệu đồng tại Hợp đồng tín dụng số 02/12.2014/HĐTD-CT7 và Hợp đồng Bảo đảm tiền vay số 02/12/2014/HĐBĐTV-CT7 ngày 22/12/2014, Phụ lục Hợp đồng số 02/08.2015/PLHĐBĐTV-CT7 ngày 26/08/2015 để đầu tư xây dựng công trình nhà ở chung cư cao tầng N3 Nguyễn Công Trứ thuộc dự án cải tạo lại khu tập thể Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng nhằm đảm bảo đúng quy định và an toàn về vốn cho vay.

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố rà soát, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, báo cáo UBND Thành phố cụ thể về các nội dung có liên quan, bổ sung các hồ sơ, thủ tục để đảm bảo đúng quy định

và an toàn về vốn cho vay theo kiến nghị của đoàn kiểm toán. Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố đã triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và chỉ đạo của UBND Thành phố.

4/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố xem xét, quyết định việc sử dụng lãi tiền gửi tương ứng với vốn chủ sở hữu có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước trong giai đoạn 2012-2014, số tiền 250.324 triệu đồng khi quyết định cấp vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội đảm bảo hiệu quả trong sử dụng nguồn lực chung của Thành phố.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Đây là khoản doanh thu của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố, sau khi trừ chi phí hợp lý, hợp lệ, phần còn lại được kết chuyển vào quỹ phát triển, nhằm mục đích bổ sung vốn chủ sở hữu của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương. Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố đã xây dựng phương án, phối hợp Sở Tài chính trình UBND Thành phố ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ từ nguồn vốn quỹ phát triển nêu trên theo đúng quy định.

5/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo các quận, huyện, các đơn vị dự toán thực hiện nộp trả kinh phí bổ sung có mục tiêu nếu đã hết nhiệm vụ chi; trích lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương đúng quy định; quyết toán khi chứng từ có đầy đủ các căn cứ chi trả theo quy định.

Về việc này, UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ngành, quận, huyện chấn chỉnh, nghiêm túc triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

6/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Thành phố nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 53/2007/QĐ-UBND ngày 18/05/2007 về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố Hà Nội giao cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội để hình thành nguồn vốn quay vòng cho vay đầu tư các dự án nhà tái định cư phục vụ di dân giải phóng mặt bằng và các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Qua thực tế triển khai các năm, căn cứ các quy định của Nhà nước mới ban hành, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố và các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu, trình UBND Thành phố sửa đổi, bổ sung Quyết định số 53/2007/QĐ-UBND ngày 18/05/2007 của UBND Thành phố, đảm bảo nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trong công tác đầu tư các dự án nhà tái định cư phục vụ di dân giải phóng mặt bằng và các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố.

7/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố, Quỹ Phát triển đất Thành phố tăng cường công tác thẩm tra các hồ sơ vay vốn, hồ sơ ứng vốn nhằm đảm bảo các khoản vay, các khoản ứng vốn được thực hiện theo đúng quy định.

Về việc này, UBND Thành phố đã chỉ đạo Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố, Quỹ Phát triển đất Thành phố chấn chỉnh, tăng cường công tác rà soát các

quy trình, quy định và đề ra các biện pháp nhằm tăng cường công tác kiểm tra, thẩm định hồ sơ đối với dự án cho vay, ứng vốn tránh sai sót xảy ra, đảm bảo các khoản vay, các khoản ứng vốn được thực hiện theo đúng quy định.

8/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội kê khai số thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hoạt động chuyển nhượng vốn góp tại dự án Đông hồ Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh 5.972 triệu đồng, đồng thời thông báo cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh thực hiện chi trả số thuế trên theo Hợp đồng kinh tế các bên đã ký kết.

Về việc này, ngày 04/3/2016, Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội đã có Công văn số 864/KTTC-QLN gửi Công ty TNHH Thương mại dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh về việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về hoạt động chuyển nhượng vốn góp tại dự án Đông hồ Nghĩa Đô và đang phối hợp để thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

9/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo các cơ quan chức năng xem xét vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố do số vốn cho vay đạt tỉ lệ không cao, số vốn nhàn rỗi còn lớn trong khi nhu cầu vốn đầu tư của Thành phố gặp nhiều khó khăn.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo, làm rõ như sau:

Tiếp thu kiến nghị của cơ quan kiểm toán, để tiếp tục phát huy hiệu quả sử dụng vốn của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố, UBND Thành phố đã chỉ đạo Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố tăng cường hơn nữa công tác phối hợp các Sở, ngành trong rà soát, tổng hợp danh mục dự án thuộc các lĩnh vực Thành phố ưu tiên đầu tư theo hình thức xã hội hóa, có nhu cầu và điều kiện phù hợp sử dụng nguồn vốn vay tại Quỹ, báo cáo UBND Thành phố quyết định, đáp ứng kịp thời, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố.

10/ Kiến nghị chỉ đạo Cục Thuế thành phố Hà Nội:

10.1/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Cục Thuế thành phố Hà Nội tăng cường công tác thanh, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, đặc biệt là tại các đối tượng được miễn, giảm thuế do ưu đãi về đầu tư; tăng cường đôn đốc thu nợ thuế nhằm huy động kịp thời các khoản thu vào ngân sách Nhà nước, giảm thiểu số nợ thuế theo sự chỉ đạo chung của Tổng cục Thuế; tính phạt chậm nộp tiền thuế đối với các tổ chức, cá nhân chậm nộp thuế; xử phạt theo quy định đối với các doanh nghiệp vi phạm trong việc kê khai, quyết toán thuế dẫn đến xác định thiếu số thuế phải nộp ngân sách Nhà nước qua phát hiện của Kiểm toán Nhà nước.

Về việc này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Cục thuế thành phố Hà Nội đã tập trung triển khai nhiệm vụ tới tất cả các đơn vị trực thuộc, nghiêm túc thực hiện theo các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

10.2/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Cục Thuế thành phố Hà Nội thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế đối các doanh nghiệp chưa cung cấp tài liệu kịp thời cho Đoàn kiểm toán nhà nước (*Công ty cổ phần Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng số 9, Công ty cổ phần Xây dựng công trình đường thủy Hà Nội*).

Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và chỉ đạo của UBND Thành phố, Cục thuế thành phố Hà Nội đã đưa các đơn vị trên vào Kế hoạch thanh tra năm 2016 để thanh tra, kiểm tra theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

11/ Kiến nghị chỉ đạo Cục Hải quan thành phố Hà Nội:

11.1/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Cục Hải quan thành phố Hà Nội thực hiện xây dựng kế hoạch kiểm tra sau thông quan và nghiêm túc thực hiện kế hoạch kiểm tra của Tổng cục Hải quan giao hàng năm.

Về việc này, Cục Hải quan thành phố Hà Nội đã tổ chức rút kinh nghiệm và xây dựng Kế hoạch kiểm tra sau thông quan năm 2016 theo Quyết định số 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/5/2015 của Tổng cục Hải quan.

11.2/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Cục Hải quan thành phố Hà Nội rà soát số dư lệ phí Hải quan thời điểm 31/12/2014, xác định chính xác số nợ của từng đơn vị để đôn đốc thu nộp; các chứng từ nộp lệ phí gộp; chứng từ nộp của các doanh nghiệp; báo cáo Tổng cục Hải quan có biện pháp xử lý dứt điểm các số phát sinh ảo của các tờ khai nhánh.

Về việc này, Cục Hải quan thành phố Hà Nội đã tổ chức triển khai tới các Chi cục Hải quan trên địa bàn để thực hiện, đồng thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Tổng cục Hải quan để có giải pháp xử lý dứt điểm các số phát sinh ảo của các tờ khai nhánh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

12/ Kiến nghị chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư:

12.1/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND Thành phố phương án bố trí vốn cho những dự án cầu vượt sông mang tính cấp bách trên địa bàn thành phố Hà Nội theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Văn bản số 735/TTg-KTN ngày 11/5/2011.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Trong điều kiện ngân sách Thành phố còn khó khăn, nhu cầu đầu tư rất lớn (ngoài tập trung đầu tư cho các công trình trọng điểm của Thành phố còn bố trí vốn thực hiện các dự án dân sinh bức xúc, đảm bảo an sinh xã hội), Thành phố đã sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, trong đó tập trung bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành cấp thiết nhất. Để triển khai xây dựng 34 cầu vượt sông mang tính cấp bách, thành phố Hà Nội đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép áp dụng hình thức chỉ định thầu các gói thầu tư vấn và xây lắp đối với 34 công trình; đồng thời đã rà soát, phân loại và tập trung bố trí vốn 398 tỷ đồng trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2015 cho các cầu đã xuống cấp, đủ thủ tục đầu tư theo quy định; đến nay đã cơ bản hoàn thành 18 cầu yếu, cấp bách dân sinh. Năm 2016, UBND Thành phố đã báo cáo HĐND Thành phố quyết định bố trí kế hoạch vốn thực hiện 09 dự án cầu đã đủ thủ tục đầu tư với tổng kế hoạch vốn là 221 tỷ đồng. Trong thời gian tới, Thành phố sẽ tiếp tục chỉ đạo các Sở, ngành tham mưu cân đối, bố trí vốn cho các dự án cầu đảm bảo đáp ứng nhu cầu giao thông trên địa bàn.

12.2/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND Thành phố phương án cân đối, bố trí nguồn vốn để thực hiện đầu tư thiết bị đào tạo 8 nghề còn lại theo đúng mục tiêu, kế hoạch đề ra đảm bảo phù hợp với

hạ tầng đã được xây dựng, tránh lãng phí vốn đầu tư (*Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Hà Nội*).

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Dự án Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 12/9/2008 với tổng mức đầu tư là 342,76 tỷ đồng, quy mô đầu tư là 14 nghề, được đầu tư bằng vốn ODA và do Tổng cục Dạy nghề làm đầu mối thực hiện. Tuy nhiên, sau khi cân đối lại, Tổng cục Dạy nghề đã đề xuất nguồn vốn ODA Hàn Quốc cho các dự án của thành phố Hà Nội chỉ đủ cho 06 nghề ở mức độ cơ bản. Ngày 8/6/2012, UBND thành phố Hà Nội đã có văn bản số 4379/UBND-KHĐT thống nhất với Tổng cục Dạy nghề danh mục 06 nghề được đầu tư thiết bị bằng nguồn vốn ODA Hàn Quốc; lũy kế bố trí kế hoạch vốn đến hết năm 2015 là 264,353 tỷ đồng. Năm 2016, Thành phố đã tiếp tục bố trí 27,4 tỷ đồng để hoàn thành 06 dự án. Trong giai đoạn 2016 - 2020, thành phố Hà Nội sẽ triển khai dự án Tăng cường năng lực đào tạo nghề của Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc, dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 270 tỷ đồng để đầu tư 08 nghề còn lại đảm bảo phù hợp với hạ tầng đã được xây dựng, tránh lãng phí vốn đầu tư theo đúng kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

12.3/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chấn chỉnh trong việc điều chuyển vốn kỳ cuối sau ngày 25/12, không đảm bảo theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 86/2011/TT-BTC; không theo dõi đầy đủ số liệu tổng hợp về kết quả thực hiện công tác thẩm định dự án trên địa bàn trong năm 2014; trình UBND thành phố phê duyệt dự án Xây dựng tuyến đường Lê Trọng Tấn (*đoạn từ đường Tôn Thất Tùng kéo dài đến sông Lừ*) khi chưa xác định được thời gian khả thi để thực hiện dự án và khả năng cân đối đủ nguồn vốn theo quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

- Đối với công tác điều chuyển vốn trong năm: Đối với danh mục các công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2011-2015 đã được HĐND Thành phố thông qua, để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình trong năm 2015, chào mừng Đại hội Đảng Thành phố, Thành phố đã thực hiện cơ chế cấp phát vốn giải phóng mặt bằng linh hoạt trong tổng phạm vi nguồn kế hoạch vốn giao cho các dự án theo tiến độ và phương án được duyệt, không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án, không vượt tổng mức đầu tư của từng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đến thời điểm cuối năm, Thành phố thực hiện điều chỉnh tổng thể kế hoạch vốn theo số vốn đã giải ngân thực tế để tạo nguồn thanh toán vốn đầu tư các công trình bức xúc phát sinh của Thành phố. Về việc này, Thành phố đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước để triển khai trong các năm tiếp theo.

- Đối với dự án Xây dựng tuyến đường Lê Trọng Tấn, đoạn từ đường Tôn Thất Tùng kéo dài đến sông Lừ: Đây là dự án cấp bách về giao thông của Thành phố; vì vậy, ngày 28/10/2014, UBND Thành phố đã có Quyết định số 5571/QĐ-UBND phê duyệt dự án trên; lũy kế bố trí vốn đến năm 2016 là 51,5 tỷ đồng và

đã được đưa vào Chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông của Thành phố để tập trung đầu tư.

12.4/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chấn chỉnh trong việc lập báo cáo kết quả thực hiện nội dung chỉ đạo của UBND thành phố tại Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 10/9/2014 về thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 13/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 13/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố đã có Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 10/9/2014 chỉ đạo các Sở, ngành, quận, huyện tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển các công trình đảm bảo yêu cầu đề ra, đối với các trường hợp chậm triển khai, kiên quyết thu hồi để bổ sung dự phòng ngân sách theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tình hình triển khai thực hiện các dự án đều được tổng hợp, báo cáo kịp thời tại các cuộc họp giao ban định kỳ hoặc đột xuất theo chỉ đạo của UBND Thành phố và đã được phản ánh đầy đủ các nội dung gửi cơ quan kiểm toán theo yêu cầu.

13/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Sở Tài chính tham mưu để UBND Thành phố ban hành quy định về quyết toán các công trình, dự án đã hoàn thành, bàn giao nhưng còn vướng mắc về thanh toán chi phí giải phóng mặt bằng.

Về việc này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Sở Tài chính đã phối hợp với các Sở, ngành nghiên cứu và có Công văn số 4682/STC-ĐT ngày 05/8/2016 về các giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong công tác quyết toán công trình hoàn thành, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo quy định.

14/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Kho bạc Nhà nước Hà Nội không thực hiện thanh toán đối với các khoản kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu chuyển nguồn sang năm 2015 đã hết thời hạn giải ngân khi chưa có ý kiến của Bộ Tài chính.

Về việc này, Kho bạc Nhà nước Hà Nội đã nghiêm túc triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

15/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo các cơ quan tham mưu của Thành phố thực hiện nghiệm thu, quyết toán các dự án BT để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước của các Chủ đầu tư, trong đó có hệ thống điện ngầm tại một số quận giao cho Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng thực hiện để có căn cứ cho cơ quan Thuế yêu cầu đơn vị kê khai các loại thuế liên quan, tránh việc phải hạch toán ghi thu vào ngân sách Nhà nước và tạm ghi chi đối với giá trị khối lượng xây lắp đã nghiệm thu.

Về việc này, UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở chuyên ngành thường xuyên đôn đốc, rà soát tiến độ các dự án BT trên địa bàn Thành phố, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai; đồng thời đôn đốc các Chủ đầu tư khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ nghiệm thu, quyết toán theo quy định, làm cơ sở để đơn vị thi công thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với ngân sách Nhà nước. Đối với dự án thí điểm hạ ngầm đường điện tại một số quận giao cho Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng thực hiện, UBND Thành

phố đã có Công văn số 348/UBND-QHXDGT ngày 20/01/2014 giao các Sở: Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tổng Công ty điện lực Thành phố và các Sở, ngành có liên quan giám sát, hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận và quyết toán công trình theo quy định. Hiện nay, Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ công trình để tổ chức nghiệm thu, bàn giao chính thức làm cơ sở thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

16/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị:

Chỉ đạo các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản chấn chỉnh trong việc:

- Chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trên 24 tháng (291 dự án do cấp huyện làm Chủ đầu tư; 36 dự án do cấp Thành phố làm chủ đầu tư), đồng thời có biện pháp đẩy nhanh công tác quyết toán;

- Hạn chế trong công tác ký kết hợp đồng (*dự án Bệnh viện Đa khoa Mê Linh, Trạm bơm Đan Hoài, Hoài Đức; Trạm bơm Thạch Nham, Thanh Oai*); chưa tiến hành thu hồi vật liệu phục vụ thi công để giảm giá thành xây lắp(*dự án Trạm bơm Thạch Nham*).

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư; quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đảm bảo thời gian quy định; nâng cao chất lượng công tác tư vấn đầu tư, công tác nghiệm thu quyết toán và tăng cường vai trò giám sát của chủ đầu tư, giám sát cộng đồng, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư;

Về việc này, UBND Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm theo đúng kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước; đồng thời, UBND Thành phố đã ban hành các văn bản số 1839/UBND-KT ngày 30/3/2016, số 2902/VP-KT ngày 15/4/2016, số 135/TB-VP ngày 30/6/2016 chỉ đạo các Sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn Thành phố, đặc biệt đối với các dự án trong danh mục chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; giao Sở Nội vụ nghiên cứu, bổ sung tiêu chí tính điểm thi đua hàng năm trong công tác quyết toán để kịp thời biểu dương các đơn vị làm tốt công tác quyết toán, đồng thời có biện pháp xử lý đối với các đơn vị không thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND Thành phố, làm chậm trễ công tác quyết toán dự án hoàn thành.

17/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Quỹ đầu tư phát triển Thành phố phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thoái vốn đã đầu tư vào cổ phần của Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây.

Về việc này, UBND Thành phố đã chỉ đạo Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây do Quỹ Đầu tư đại diện quản lý. Hiện nay, Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố đang triển khai thực hiện thoái vốn tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

18/ Kiểm toán Nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo UBND huyện Phúc Thọ kiểm điểm trách nhiệm của tập thể lãnh đạo Ban quản lý dự án huyện Phúc Thọ trong việc chấp thuận cho Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn Phúc Thọ bảo lãnh tạm ứng

song Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phúc Thọ không có chức năng bảo lãnh tạm ứng.

Về việc này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, UBND huyện Phúc Thọ triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và báo cáo kết quả gửi Kiểm toán Nhà nước và UBND Thành phố theo quy định.

Trên đây là báo cáo của UBND Thành phố về kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước năm 2014 của thành phố Hà Nội đến thời điểm hiện nay. Đối với các nội dung đang thực hiện, UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán nghiêm túc triển khai thực hiện, báo cáo kết quả về Kiểm toán Nhà nước Khu vực I và UBND Thành phố theo quy định./.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI